ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số: 46 /2023/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Thực hiện Công văn số 635/HĐND-KTNS ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được xác định tại các phụ lục kèm theo Quyết định này, gồm:

a) Phụ lục số 1: Hệ số điều chỉnh đối với đất nông nghiệp.

b) Phụ lục số 2: Hệ số điều chỉnh đối với đất ở nông thôn.

c) Phụ lục số 3: Hệ số điều chỉnh đối với đất ở đô thị.

d) Phụ lục số 4: Hệ số điều chỉnh đối với đất Khu kinh tế, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Việc xác định loại đất, mục đích sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Chính phủ và Quyết định giá các loại đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể tại một số vị trí đất thực hiện dự án trong cùng một khu vực, tuyến đường có hệ số sử dụng đất (mật độ xây dựng, chiều cao của công trình) khác với mức bình quân chung của khu vực, tuyến đường thì Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các trường hợp này (cơ quan được giao nhiệm vụ xác định giá đất báo cáo Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024; Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, NC/KT-bnt.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Thiện Nghĩa

Phụ lục 01

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

STT	NỘI DUNG	Hệ số
1	Thành phố Cao Lãnh	1.5
2	Thành phố Sa Đéc	1.5
3	Thành phố Hồng Ngự	1.5
4	Huyện Hồng Ngự	1.5
5	Huyện Tân Hồng	1.5
6	Huyện Tam Nông	1.5
7	huyện Thanh Bình	1.5
8	Huyện Cao Lãnh	1.5
9	Huyện Tháp Mười	1.5
10	Huyện Lai Vung	1.5
11	Huyện Lấp Vò	1.5
12	Huyện Châu Thành	1.5

Phụ lục 02

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

1. Áp dụng trên địa bàn thành phố Cao Lãnh

1.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ Sáu Quốc (Hoà An)	2.0
2	Chợ Thông Lưu (Hoà An)	2.0
3	Chợ xã Tịnh Thới	2.0
4	Chợ xã Tân Thuận Đông	2.0
5	Chợ Bình Trị (Mỹ Tân)	2.0
6	Chợ xã Mỹ Ngãi	2.0
II	**Khu dân cư, cụm dân cư tập trung**	
1	Cụm dân cư Rạch Chanh (Mỹ Trà)	
	- Đường Lê Văn Phương, Nguyễn Văn Số, Hồ Văn Tần, Hồ Văn Hai, Lê Văn Ngạng (3,5mét)	3.0
	- Đường Phan Văn Đời, Phan Hồng Thanh, Nguyễn Hữu Nghĩa, Trần Văn Phụng (5,5mét)	3.0
	- Đường Nguyễn Văn Thảo, Đặng Văn Nghĩa (7mét)	3.0
2	Cụm dân cư Quãng Khánh (Mỹ Trà)	
	- Đường Hồ Văn Thanh (7mét)	4.0
	- Đường Nguyễn Văn Nhân, Quãng Khánh (3,5mét)	3.0
	- Đường 7mét	2.0
3	Cụm dân cư Xẻo Bèo (Hoà An)	
	- Đường Phan Thị Thắm, Lê Kim Hạnh,Nguyễn Văn Hạo, Đỗ Văn Y (3,5mét)	3.0
	- Đường Ngô Thị Giềng, Huỳnh Thúc Kháng (5,5mét)	3.0
	- Đường Đinh Thị Đảnh, Phan Thị Bảy (7mét)	3.0
	- Đường 9mét (đối diện nhà lồng chợ)	3.0
	- Đường Trần Bá Lê (11mét)	3.0
4	Cụm dân cư Bà Học (Mỹ Tân)	
	- Đường 3,5mét	4.0
	- Đường 5mét - 7mét	4.0

5	Khu Tái định cư Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp	
	- Đường 7mét	2.0
	- Đường 9mét (đường cụt)	2.0
	- Đường 9mét (đường dài)	2.0
	- Đường 14mét	2.0
6	Cụm dân cư Khu hành chính xã Tân Thuận Tây	
	- Đường số 2, đường số 4, đường số 10 (7mét)	3.0
	- Đường số 3, đường số 9 (10,5mét)	3.0
7	Khu dân cư Tân Thuận Đông	
	- Đường rộng 5,5mét	3.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

1.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Giá đất từng trục lộ**	
1	Đường Nguyễn Hữu Kiến	
	- Đoạn Hoà Tây - cầu Sáu Quốc	4.0
	- Đoạn cầu Sáu Quốc - Chợ Tân Thuận	4.0
	- Đoạn chợ Tân Thuận - bến đò Mỹ Hiệp	4.0
2	Đường Hòa Tây	
	- Đoạn cầu Xẻo Bèo - cầu Bằng Lăng	2.0
	- Đoạn cầu Bằng Lăng - giáp sông Tiền	2.0
3	Đường Bà Huyện Thanh Quan (đoạn Hòa Tây – giáp Phường 4)	2.0
	XÃ MỸ TÂN	
4	Đường Mai Văn Khải	
	- Đoạn cầu Bà Vại - Nguyễn Văn Tre	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Tre - rạch Ông Hổ	2.0
	- Đoạn rạch Ông Hổ - cầu Bà Học	2.0
	- Đoạn cầu Bà Học - cống Bộ Từ	2.0
	- Đoạn cống Bộ Từ - giáp xã Mỹ Ngãi	2.0
5	Đường Ba Sao (đoạn Mai Văn Khải - cầu Bà Học)	2.0
6	Đường Nguyễn Văn Phối (đoạn cầu Vạn Thọ - cầu Ông Đen)	2.0
7	Đường Bà Vại	
	- Đoạn cầu Bà Vại - cầu Kháng chiến	2.0
	- Đoạn cầu Kháng chiến - cầu Ông Chim	2.0
8	Đường kênh lộ mới (đoạn chợ Bình Trị - Cụm dân cư Bà Học)	2.0
9	Đường Ba Sao (đoạn cầu Bà Học – cuối đường nhựa)	2.0
10	Đường Bà Học (đoạn cầu Bà Học - cầu Ông Đen trong)	2.0
11	Đường Bà Học (đoạn cầu Bà Học - cầu Ông Chim)	2.0

12	Đường Ông Hổ (đoạn Mai Văn Khải – Bà Vại)	2.0
13	Đường Trạm Y tế xã Mỹ Tân (đoạn Mai Văn Khải – cầu Bà Học)	2.0
14	Các tuyến đường đan xã Mỹ Tân	2.0
15	Đường tỉnh ĐT 846	2.0
16	Đường Ông Chăng	
	- Đoạn Bà Học - Bà Vại	2.0
	XÃ HOÀ AN	
17	Đường Hòa Đông	
	- Đoạn cầu Sắt Vĩ - cầu Cái da	2.0
	- Đoạn cầu Cái Da - cuối đường	2.0
18	Đường Huỳnh Thúc Kháng	
	- Đoạn Lộ Hoà Tây – giáp địa bàn phường Hòa Thuận	2.0
19	Đường đan tổ 10 ấp Hòa Lợi và ấp Hòa Long	2.0
20	Đường đan tổ 7 ấp Hòa Long	2.0
21	Đường đan tổ 3, tổ 4 ấp Hòa Mỹ	2.0
22	Đường Xếp Lá	2.0
23	Đường đan ven sông Hổ Cứ (đoạn Hoà Đông - phường 6)	2.0
24	Đường Cái Tôm (đoạn Hòa Đông - giáp Phường 6)	2.0
25	Đường ven sông Hổ Cứ (cầu Vàm Hoà Đông - cầu Vàm Thông Lưu)	2.0
26	Đường đan rạch Cái Da Bờ Bắc	2.0
27	Đường rạch Bà Bướm	2.0
28	Đường từ Vàm Thông Lưu - cầu Miễu Bà (ấp Đông Bình)	2.0
29	Đường Bùi Hữu Nghĩa	2.0
30	Đường Trần Tế Xương	2.0
31	Đường Lê Văn Cử (Hoà An) - Lộ Hoà Tây - Kênh Sáu Quốc	2.0
32	Đường nhựa bờ Nam rạch Cái Tôm, ấp Đông Bình	2.0
33	Đường nhựa bờ Nam rạch Cái Sâu, ấp Hòa Mỹ và ấp Hòa Hưng	2.0
34	Đường Rạch Ông Đá ấp Hòa Hưng	2.0
35	Đường chùa Kim Quang ấp Đông Bình (đoạn xã Hòa An - Phường 6)	2.0
36	Đường đan Cái Da (bờ nam)	2.0
37	Đường Bà Đuổi, ấp Hòa Lợi	2.0
38	Đường tổ 4, tổ 6, ấp Hòa Long	2.0
39	Đường Hòa Na	2.0
40	Đường vào nhà máy nước Đông Bình, xã Hòa An (đoạn đường ven sông Hổ Cứ - nhà máy nước Đông Bình)	2.0
41	Đường Nguyễn Thị Đầm	
	- Đoạn cầu ngọn Cái Tôm - Nguyễn Công Nhàn	2.0
	- Đoạn ngã ba cầu Sáu Quốc - cầu ngọn Cái Tôm	2.0

42	Đoạn Nguyễn Hữu Kiến - ngã ba cầu Sáu Quốc	2.0
43	Đường đan rạch bà Đương xã Hòa An (đoạn Nguyễn Hữu Kiến - giáp xã Tân Thuận Tây)	2.0
44	Đường nhựa tuyến đường Xẻo Bèo	2.0
	XÃ MỸ NGÃI	
45	Đường Vạn Thọ	2.0
46	Đường Cả Xáng	2.0
47	Đường Lê Thị Phụng	2.0
48	Đường Lê Văn Trung	2.0
49	Đường đan Cái Sao	2.0
50	Đường Nguyễn Chí Thanh	
	- Đoạn cầu Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Ngãi - cầu Khách Nhì	2.0
	- Đoạn cầu Khách Nhì - cầu Cả Cái	2.0
51	Đường Mai Văn Khải	
	- Đoạn Vạn Thọ - Nguyễn Chí Thanh	2.0
	- Đoạn Nguyễn Chí Thanh - cầu chùa Thanh Vân	2.0
	- Đoạn cầu chùa Thanh Vân - Trần Văn Năng	2.0
	XÃ MỸ TRÀ	
52	Đường tỉnh ĐT 856	
	- Đoạn giáp phường Mỹ Phú – cầu Ông Hoành	2.0
53	Đường Điện Biên Phủ nối dài	
	- Đoạn ngã tư Quảng Khánh - đường tỉnh ĐT 856	3.0
54	Đường Lê Duẩn	
	- Đoạn cầu Rạch Chanh - Phan Hồng Thanh	2.0
	- Đoạn Phan Hồng Thanh - Cầu Bà Vại	2.0
55	Đường Quảng Khánh	
	- Đoạn cầu Quảng Khánh - cầu Mương Khai	4.0
	- Đoạn cầu Mương Khai - ngã ba vườn Ông Huề	4.0
56	Đường Trịnh Thị Cánh	
	- Đoạn rạch Chanh - Mương Khai	4.0
57	Đường Rạch nhỏ (đoạn Quảng Khánh - Phạm Thị Nhị)	2.0
58	Đường Nguyễn Văn Sớm	2.0
59	Đường Mương Khai	
	- Đoạn cầu Mương Khai - cầu kênh Hội Đồng (ấp 1)	2.0
60	Đường Phạm Văn Thưởng	
	- Đoạn cầu Mương Khai - cầu kênh Hội Đồng (ấp 2)	2.0
61	Đường Ông Hoành	
	- Đoạn cầu Ông Hoành - đường tránh Quốc lộ 30	2.0
62	Đường Nguyễn Văn Dình	
	- Đoạn ngã ba vườn Ông Huề - cầu Bà Vại	2.0

63	Đường Cái Môn	2.0
64	Đường Phạm Thị Nhị	2.0
65	Đường Nguyễn Văn Dành	2.0
	XÃ TỊNH THỚI	
66	Đường Tân Việt Hòa	
	- Đoạn cầu Bà Bảy - cầu Uỷ ban nhân dân xã Tịnh Thới	2.0
	- Đoạn cầu Uỷ ban nhân dân xã Tịnh Thới - bến đò Doi Me	2.0
67	Đường Nguyễn Hương - Tịnh Thới	
	- Đoạn cầu Long Sa - cầu Long Hồi	2.0
	- Đoạn cầu Long Hồi - cống Năm Bời	2.0
68	Đường Trần Trọng Khiêm	
	- Đoạn cống Cần Quyt - cầu Khém Cá Chốt	2.0
	- Đoạn cầu Khém Cá Chốt - bến đò Phường 3	2.0
	- Đoạn bến đò Phường 3 - Chùa Hội Khánh	2.0
69	Đường Nguyễn Thị Trà (đoạn Cầu Uỷ ban nhân dân xã Tịnh Thới - Huyền Vũ)	2.0
70	Đường đan Long Sa - đình Tân Tịch	2.0
71	Đường Hồ Thị Trầm - Tịnh Thới (Lộ nhựa từ chợ Hoà Bình – đuôi Huyền Vũ)	
	- Đoạn cầu Ông Khuôn - chợ Hoà Bình	2.0
	- Đoạn chợ Hoà Bình - Huyền Vũ	2.0
72	Đường Xóm Hến	2.0
73	Đường nhựa Phường 6 - cầu Khém Cá Chốt trong	2.0
74	Đường Dương Thị Mỹ - Tịnh Thới (đoạn đường nhựa từ chợ Hòa Bình - Ngã ba Cây Me)	2.0
75	Đường dẫn lên - xuống cầu Cao Lãnh	2.0
76	Đường Đinh Công Bê	
	- Đoạn đường bến đò Phường 3 - cầu Sông Tiên (đường nhựa xã Tịnh Thới đi bến đò Phường 3)	2.0
	- Đoạn chợ Tịnh Thới - cầu Đình Tịnh Mỹ	2.0
	- Đoạn cầu Đình Tịnh Mỹ - cống Tám Nhường	2.0
77	Đường nhựa cầu Tám Nhường - Khém Lớn hồ tôm	2.0
78	Đường Sông Tiên (đoạn cống Bảy Tu Phường 6 - chùa Hội Khách)	2.0
79	Đường nhựa cầu Long Hồi - cầu Nhạc Thìn	2.0
80	Đường nhựa từ cầu Mười Y - Ngã Quát	2.0
81	Đường nhựa từ cầu Nhạc Thìn - cầu Mười Y	2.0
82	Đường đan cầu Bảy Phùng - cuối Tuyến	2.0
83	Đường đan Cả Sung	2.0
84	Đường đan tổ 10 ấp Tịnh Mỹ	2.0

85	Đường đan tổ 01 ấp Tịnh Mỹ	2.0
86	Đường đan cống Long Sung - cuối tuyến (Tư Là)	2.0
87	Đường đan cống Long Sung - cuối tuyến (Sáu Long)	2.0
88	Đường đan cầu Trạm Xá - nhà ông Duyên	2.0
89	Đường Đình Tịnh Mỹ (đoạn cống Năm Kỳ - Doi Me)	2.0
90	Đường bến đò Doi Me - rạch Long Sung	2.0
91	Các tuyến đường đan còn lại xã Tịnh Thới	2.0
	XÃ TÂN THUẬN TÂY	
92	Các tuyến đường đan xã Tân Thuận Tây	2.0
93	Đường Lê Thị Thôi (đoạn bến đò Mỹ Hiệp - cầu Phạm Văn Hỷ)	2.0
94	Đường Mai Thị Chuông	2.0
95	Đường rạch Xếp Cả Kích (ấp Tân Dân, ấp Tân Hậu)	2.0
96	Đường từ cầu chợ Trần Quốc Toản - Nguyễn Hữu Kiến	2.0
	XÃ TÂN THUẬN ĐÔNG	
97	Các tuyến đan, nhựa xã Tân Thuận Đông	2.0
98	Đường số 1, xã Tân Thuận Đông	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

1.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn thành phố	2.0

2. Áp dụng trên địa bàn thành phố Sa Đéc

2.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
I	**Chợ xã**	
1	Các khu dân cư chợ xã	4.0
2	Khu dân cư chợ Tân Phú Đông	2.0
II	**Khu dân cư tập trung**	
1	Khu dân cư Phú Thuận	4.0
2	Khu dân cư Phú Long	4.0
3	Khu dân cư Đông Quới	4.0
4	Khu dân cư dân lập	
	- Tiếp nối trục giao thông chính, đường phố đô thị	4.0
	- Các khu dân cư dân lập còn lại	4.0
5	Khu dân cư xã Tân Quy Tây	4.0
6	Khu dân cư nhà ở xã hội (xã Tân Phú Đông)	4.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

2.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên lộ giao thông phố	Hệ số
A	Bảng giá đất	
1	Đường Kênh Cùng	
	- Đoạn cầu Phú Long – cống Ba Ó	4.0
	- Đoạn cống Ba Ó – cầu Kênh Cùng	4.0
2	Đường Kiều Hạ (bờ trái + bờ phải)	4.0
3	Đường Xẻo Gừa (bờ trái + bờ phải)	4.0
4	Đường Bà Lài	
	- Bờ trái	4.0
	- Bờ phải	4.0
5	Đường Họa Đồ	4.0
6	Đường Ngã Bát	
	- Đoạn Uỷ ban nhân dân xã Tân Phú Đông – cầu Kênh 18	4.0
	- Đoạn cầu Kênh 18 – cầu Kênh Cùng	4.0
	- Đoạn cầu Kênh 18 – cầu Nhà Thờ	4.0
7	Đường Ngã Cạy bờ trái + phải	4.0
8	Đường Bà Ban (xã Tân Phú Đông)	4.0
9	Đường Kênh Cùng (phía đường đan)	4.0
10	Đường Xẻo Tre (bờ trái + bờ phải)	4.0
11	Đường Xóm Mắm	4.0
12	Đường Kênh 85 (đoạn kênh Cùng - kênh Ba Làng)	4.0
13	Đường cặp Uỷ ban nhân dân xã Tân Phú Đông (đoạn cầu Ngã Bát - Quốc lộ 80)	4.0
14	Đường nối từ khu dân cư Phú Thuận đến đường tắt Ngã Cạy	4.0
15	Đường Sa Nhiên - Mù U	
	- Đoạn cầu Ông Thung - cầu Mù U	4.0
16	Đường Ông Quế - đường ĐT 848	4.0
17	Đường ngang	4.0
18	Đường Tứ Quý - Ông Quế	4.0
19	Đường Mù U - Rạch Bần	4.0
20	Đường Kênh Lắp	4.0
21	Đường Ông Quế - kênh 50	4.0
22	Đường Cái Bè - Cai Khoa	4.0
23	Đường Cai Khoa - Giác Long	4.0
24	Đường Đình (đoạn đường ĐT 848 - cầu Đình, xã Tân Khánh Đông)	4.0
25	Đường rạch Thông Lưu (xã Tân Khánh Đông)	

	- Bờ trái	4.0
	- Bờ phải	4.0
26	Đường rạch Cái Bè (đoạn cầu Mười Bảng - cuối đường)	4.0
27	Đường Nguyễn Văn Nhơn	4.0
28	Đường Kênh 50	4.0
29	Đường Mương Khai (bờ phải + bờ trái)	4.0
30	Đường Cái Bè (bờ phải)	
	- Đoạn rạch Cái Bè - hết đường	4.0
31	Đường rạch Bà chủ (bờ trái + bờ phải)	
	- Đoạn cầu Đình - cuối đường	4.0
32	Đường Ông Quế - Cái Bè	4.0
33	Đường Cái Bè - Ông Thung	4.0
34	Đường rạch Ông Thung	4.0
35	Đường cặp sông Tiền xã Tân Khánh Đông (đoạn Nguyễn Văn Nhơn - ranh Lấp Vò)	4.0
36	Đường Cai Khoa (bờ phải)	4.0
37	Đường Kênh Xếp Mương Đào	4.0
38	Đường cặp rạch Ông Tổng (Tân Khánh Đông)	4.0
39	Đường cặp rạch Lòng Lai (bờ phải)	4.0
40	Đường Cao Mên dưới (xã Tân Quy Tây)	4.0
41	Đường Cao Mên trên (bờ trái + bờ phải)	4.0
42	Đường Ông Hộ	
	- Bờ trái	4.0
	- Bờ phải	4.0
43	Đường kênh Trung Ương (bờ trái + phải)	4.0
44	Đường Phạm Hữu Nghĩa (kênh Sáu Hiếu)	
	- Đoạn rạch Ông Hộ - rạch Cao Mên trên	4.0
45	Đường Tân Lập (xã Tân Quy Tây)	4.0
46	Đường cặp rạch Tư Miều (bờ trái + bờ phải), xã Tân Quy Tây	4.0
47	Đường cặp rạch Ba Ngay, xã Tân Quy Tây	4.0
48	Đường cặp kênh Sáu Đỏ, xã Tân Quy Tây	4.0
49	Đường nối từ kênh Trung Ương - đường Tân Lập, xã Tân Quy Tây	4.0
50	Đường Cồn Bồng Bồng	4.0
51	Đường Cồn Sậy	4.0
52	Đường 26 tháng 3	4.0
53	Đường nối vào Khu Công nghiệp C mở rộng	4.0
54	Đường xóm Bột mì	4.0
55	Quốc lộ 80 cũ (đoạn nút giao thông - mũi tàu)	4.0
56	Đường tắt (Khu dân cư Phú Long - cầu Ba Thức)	4.0

57	Đường ô bao số 10	4.0
58	Đường Phạm Hữu Nghĩa (bờ phải)	4.0
59	Đường kênh Vành Đai (xã Tân Khánh Đông)	
	- Đoạn đường rạch Ông Thung - Mù U	4.0
60	Đường rạch Ông Quế (xã Tân Khánh Đông)	
	- Đoạn Tứ Quý Ông Quế - kênh Phan Văn Trầm	4.0
61	Đường kênh Cây Vừng (xã Tân Khánh Đông)	
	- Đoạn Vành Đai ĐT 848 - rạch Ông Quế	4.0
62	Đường Phan Văn Trầm (xã Tân Khánh Đông)	4.0
63	Đường Bà Đào (xã Tân Phú Đông)	
	- Đoạn Lê Hồng Phong - đường Bà Ban	4.0
64	Đường Ba Cho (xã Tân Phú Đông)	
	- Đoạn Ngã Cạy - cuối đường	4.0
65	Đường tắt ấp Phú An (xã Tân Phú Đông)	
	- Đoạn Ngã Cạy - Bà Lài	4.0
66	Đường cặp kênh KC1	
	- Đoạn cầu ngang nhà ông Ba Dớn - Chùa Linh Nguyên	4.0
67	Đường Hai Sanh	
	- Đoạn rạch Cao Mên dưới - kênh Sáu Chiêu	4.0
68	Đường kênh Ba Thìn	
	- Đoạn rạch Cao Mên trên- kênh Sáu Chiêu	4.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

2.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn thành phố	2.0

3. Áp dụng trên địa bàn thành phố Hồng Ngự

3.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Cụm dân cư Trung tâm xã Tân Hội	3.0
2	Cụm dân cư số 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 (xã Tân Hội)	2.0
3	Cụm dân cư số 11 xã Tân Hội	3.0
4	Cụm dân cư Trung tâm xã Bình Thạnh	2.0
5	Cụm dân cư số 13 xã Bình Thạnh	2.0
6	Cụm dân cư Rừng Sâu xã Bình Thạnh	2.0

7	Cụm dân cư Á Đôn 1, 2 xã Bình Thạnh	2.0
8	Cụm dân cư Kênh Cụt xã Bình Thạnh	2.0
II	**Tuyến dân cư tập trung**	
1	Tuyến dân cư Tân Thành – Lò Gạch xã Bình Thạnh (Tuyến 1)	
	- Cặp Quốc lộ 30	1.5
	- Các đường còn lại	1.5
2	Tuyến dân cư Tân Thành – Lò Gạch xã Bình Thạnh (Tuyến 2)	
	- Cặp Quốc lộ 30	1.5
	- Các đường còn lại	1.5
3	Tuyến dân cư Tân Thành – Lò Gạch xã Bình Thạnh (Tuyến 3)	
	- Cặp Quốc lộ 30	1.5
	- Các đường còn lại	1.5
4	Tuyến dân cư Tân Thành – Lò Gạch xã Bình Thạnh (Tuyến 4)	
	- Cặp Quốc lộ 30	2.0
	- Các đường còn lại	2.0
5	Tuyến dân cư Bù Lu xã Bình Thạnh	2.0
6	Tuyến dân cư Mười Độ xã Bình Thạnh	2.0
7	Tuyến dân cư Cần Sen 1 + 2 xã Bình Thạnh	2.0
8	Tuyến dân cư Mộc Rá xã Tân Hội	3.0
9	Tuyến dân cư Bờ Nam kênh Cả Chanh xã Tân Hội	3.0
B	**Giá đất tối thiểu**	1.5

3.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Giá đất**	
1	Quốc lộ 30	
	- Đoạn cầu Kháng Chiến - cuối Cụm dân cư Bình Thạnh	3.0
	- Đoạn cuối Cụm dân cư Bình Thạnh - ranh Tân Hồng	3.0
2	Đường đan	
	- Đường đan xã Tân Hội	4.0
	- Đường đan xã Bình Thạnh	4.0
3	Đường nối Cụm dân cư 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 xã Tân Hội	3.0
4	Đường nhựa bờ Bắc kênh Cả Chanh đến cầu Tắt Ông Rèn xã Tân Hội (hoặc đường nhựa từ đường Trần Hưng Đạo - cầu Tắt Ông Rèn xã Tân Hội: đường nhựa khu 2 xã Tân Hội)	3.0
5	Đường nhựa nối cầu Bù Lu trên với cầu Bù Lu dưới	3.0
6	Đường nhựa từ Tuyến dân cư bờ Nam kênh Cả Chanh đến Cụm dân cư số 12 xã Tân Hội	3.0

7	Đường nhựa đoạn Cụm dân cư số 5 - Cụm dân cư Trung tâm xã Tân Hội	3.0
8	Đường Trần Hưng Đạo xã Tân Hội (Đường tuần tra biên giới)	
	- Đoạn cầu Tân Hội - cầu Cả Chanh	4.0
	- Đoạn cầu Cả Chanh - Vịnh Bà Tự (hoặc đoạn cầu Cả Chanh đến đường nhựa nối cầu Tắt Ông Rèn - cầu Vịnh Bà Tự)	4.0
9	Đường tuần tra biên giới xã Bình Thạnh	4.0
10	Đường Nguyễn Huệ xã Bình Thạnh (đoạn cầu 2 tháng 9 – cầu Kháng Chiến)	4.0
11	Đường nhựa từ cầu Bình Thạnh đến cầu Sâm Sai trong	4.0
12	Tuyến tránh Quốc lộ 30 qua xã Bình Thạnh	4.0
13	Đường nhựa tiếp giáp Cụm dân cư số 13, xã Bình Thạnh	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

3.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn thành phố	2.0

4. Áp dụng trên địa bàn huyện Hồng Ngự

4.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư, cụm dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
	Xã Thường Phước 1	
1	Chợ Thường Phước	2.0
2	Cụm dân cư xã Thường Phước 1 (10,6 ha)	2.0
3	Cụm dân cư xã Thường Phước 1 (7,3 ha)	2.0
4	Cụm dân cư Giồng Bàn xã Thường Phước 1	2.0
5	Cụm dân cư Tứ Thường, xã Thường Phước 1	2.0
	Xã Thường Phước 2	
6	Cụm dân cư Nam Hang xã Thường Phước 2	2.0
	Xã Thường Thới Hậu A	
7	Chợ Cả Sách xã Thường Thới Hậu A	2.0
8	Cụm dân cư Giồng Duối xã Thường Thới Hậu A	2.0
9	Cụm dân cư Cả Sách xã Thường Thới Hậu A	2.0
	Xã Thường Lạc	
10	Chợ Cầu Muống	2.0
11	Cụm dân cư Cầu Muống (lô A, B, C, D)	2.0
12	Cụm dân cư Ngã tư Cây Da	2.0

	Xã Long Khánh A	
13	Cụm dân cư Cây Sung	2.0
	Xã Long Khánh B	
14	Cụm dân cư trung tâm xã Long Khánh B	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

4.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
	Xã Thường Phước 1	
1	Tuyến dân cư kênh cũ	1.5
2	Đường ra bến phà Thường Phước 1 - Vĩnh Xương (bến phà mới)	3.0
3	Đường ra bến phà Thường Phước 1 - Vĩnh Xương (bến phà cũ)	2.0
4	Đường tỉnh ĐT 841 (đoạn ranh xã Thường Phước 2 - Thường Phước 1 đến lộ 3 Mướt)	4.0
5	Đường tỉnh ĐT 841 (đoạn lộ 3 Mướt - Cụm dân cư mở rộng 7,3 ha)	4.0
6	Đường tỉnh ĐT 841 (đoạn Cụm dân cư 7,3 ha - hết Cụm dân cư 10,6 ha)	4.0
7	Đường tỉnh ĐT 841 (đoạn kênh Thường Phước – Ba Nguyên đến cửa khẩu Thường Phước) (áp dụng giá đất bên ngoài Khu kinh tế)	4.0
8	Đường tuần tra biên giới	3.0
9	Lộ nhựa liên xã	2.0
10	Đường A20 cửa khẩu quốc tế Thường Phước	2.0
	Xã Thường Phước 2	
11	Tuyến dân cư kênh cũ	1.5
12	Tuyến dân cư Đoạn cải tiến (đoạn ranh thị trấn Thường Thới Tiền - Trường Mẫu giáo Điểm ấp 2)	2.0
13	Tuyến dân cư Đoạn cải tiến (đoạn Trường Mẫu giáo Điểm ấp 2 - hết Tuyến)	2.0
14	Đường bờ kè thị trấn Thường Thới Tiền (đoạn ranh Thường Thới Tiền - Thường Phước 2 đến hết bờ kè)	3.0
15	Đường tỉnh ĐT 841 (đoạn ranh trên Tuyến dân cư Đoạn cải tiến đến ranh Thường Phước 2 - Thường Phước 1)	4.0
16	Đường tỉnh ĐT 841 - bờ tây (đoạn từ ranh thị trấn Thường Thới Tiền - Thường Phước 2 đến ranh Thường Phước 2 - Thường Phước 1)	4.0
17	Đường nhựa liên xã	2.0

	Xã Thường Thới Hậu A	
18	Lộ nhựa liên xã	2.0
19	Lộ nhựa liên xã (Tuyến dân cư Cội Đại - Cội Tiểu)	2.0
20	Lộ nhựa liên xã (Tuyến dân cư Rạch Vọp - Biên phòng)	2.0
21	Đường tuần tra biên giới	2.0
	Xã Thường Lạc	
22	Đường tuần tra biên giới	2.0
23	Lộ nhựa liên xã	2.0
24	Lộ nhựa liên xã (Tuyến dân cư Cầu Muống - Cội Đại)	2.0
	Xã Long Khánh A	
25	Lộ nhựa liên xã (đường cù lao lớn)	2.0
26	Đường cù lao nhỏ	1.5
27	Đường Giồng Long Khánh A	2.0
28	Đường tắt Nam Hang	2.0
	Xã Long Khánh B	
29	Lộ nhựa liên xã	2.0
30	Đường xuống bến đò Chợ Miễu	2.0
31	Từ lộ nhựa liên xã đến ranh cụm dân cư Trung tâm xã Long Khánh B	2.0
32	Đường Giồng Long Khánh B	2.0
	Xã Phú Thuận A	
33	Tuyến dân cư đường tắt Phú Thuận A-B	2.0
34	Lộ Long - Phú Thuận (lộ nhựa liên xã)	2.0
	Xã Phú Thuận B	
35	Tuyến dân cư đường tắt Phú Thuận A-B	3.0
36	Tuyến dân cư Long Thuận - Mương Lớn (thuộc xã Phú Thuận B)	2.0
37	Tuyến dân cư ấp Phú Trung	1.5
38	Lộ Long - Phú Thuận (lộ nhựa liên xã)	2.0
39	Cù lao ấp Phú Trung (lộ đan)	1.5
	Xã Long Thuận	
40	Tuyến dân cư Đường tắt số 3	2.0
41	Tuyến dân cư Long Thuận	2.0
42	Tuyến dân cư Long Thuận nối dài	2.0
43	Tuyến dân cư Long Thuận - Mương Lớn	2.0
44	Lộ Long - Phú Thuận (đoạn ranh xã Phú Thuận A - Long Thuận đến đầu Tuyến đường tắt số 3 thuộc ấp Long Hưng)	2.0
45	Lộ Long – Phú Thuận (đoạn từ ranh xã Phú Thuận B - Long Thuận đến đầu đường tắt số 3 thuộc ấp Long Hòa)	1.5
	Xã Thường Lạc	

46	Đường tỉnh ĐT 841 (đoạn ranh thành phố Hồng Ngự - ranh thị trấn Thường Thới Tiền)	4.0
B	**Giá đất tối thiểu**	1.5

4.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	1.5

5. Áp dụng trên địa bàn huyện Tân Hồng

5.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ Giồng Găng	2.0
2	Chợ Long Sơn Ngọc	2.0
3	Chợ Tân Hộ Cơ	2.0
4	Chợ Công Binh	2.0
5	Chợ Biên Giới Thông Bình	2.0
6	Chợ Thống Nhất	2.0
7	Chợ Bình Phú	2.0
8	Chợ Tân Phước	2.0
9	Chợ An Phước	2.0
II	**Khu dân cư, cụm đân cư tập trung**	
1	Cụm dân cư Trung tâm Bình Phú	2.0
2	Cụm dân cư Gò Cát, Gò Cát mở rộng 1, 2	2.0
3	Cụm tái định cư Dinh Bà	2.0
4	Cụm dân cư Dinh Bà 1	2.0
5	Cụm dân cư Dinh Bà 2	2.0
6	Cụm dân cư Dinh Bà (giai đoạn 2)	2.0
7	Cụm dân cư khu C1 Dinh Bà	2.0
8	Cụm dân cư Long Sơn Ngọc	2.0
9	Cụm dân cư bờ Đông Long Sơn Ngọc	2.0
10	Cụm dân cư mở rộng Long Sơn Ngọc lần 2	2.0
11	Cụm dân cư Chợ Tân Thành A	
	- Đường đối diện nhà lồng chợ (lộ nhựa – hết chợ)	2.0
	- Đoạn còn lại	2.0
12	Cụm dân cư Cả Sơ	2.0
13	Cụm dân cư Tân Phước	2.0

14	Cụm dân cư Giồng Găng	2.0
15	Cụm dân cư trung tâm An Phước	2.0
16	Cụm dân cư Thống Nhất	2.0
17	Cụm dân cư Bắc Trang	2.0
18	Cụm dân cư Dự Án	2.0
19	Cụm dân cư Cà Vàng	2.0
20	Cụm dân cư Cây Dương	2.0
21	Cụm dân cư Đuôi Tôm	2.0
22	Cụm dân cư Vọng Nguyệt	2.0
23	Cụm dân cư Lăng Xăng 3	2.0
24	Cụm dân cư Ba Lê Hiếu	2.0
25	Cụm dân cư ngã ba Thông Bình	2.0
26	Khu dân cư bờ Bắc Kênh Tân Thành – Lò Gạch (xã Tân Hộ Cơ)	2.0
27	Tuyến dân cư bờ Bắc Kênh Tân Thành – Lò Gạch (xã Thông Bình)	2.0
28	Cụm dân cư Lăng Xăng 4 (5 sở)	2.0
29	Chẳng Xê Đá	2.0
30	Cụm dân cư Cả Chanh	2.0
31	Cụm dân cư đầu kênh Sa Rài	2.0
32	Cụm dân cư Cả Xiêm	2.0
33	Cụm dân cư cửa khẩu phụ Thông Bình	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

5.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Giá đất từng trục lộ**	
I	**Quốc lộ 30**	
	- Đoạn cầu Thống Nhất - ranh chợ Thống Nhất	4.0
	- Đoạn ranh chợ Thống Nhất - hết Trạm Y tế	4.0
	- Đoạn Trạm Y tế - nhà ông Nguyễn Văn Của	4.0
	- Đoạn nhà ông Nguyễn Văn Của - cầu Bắc Trang	4.0
	- Đoạn cầu Bắc Trang - ranh cây xăng Ngọc Nhi	4.0
	- Đoạn cây xăng Ngọc Nhi - ranh thị trấn Sa Rài	4.0
	- Đoạn cầu Đúc Mới (Bình Phú) - ngã 3 Đồn Biên phòng 909	4.0
	- Đoạn ngã 3 Đồn Biên phòng 909 - chợ Dinh Bà	4.0
II	**Đường tỉnh**	
1	Đường tỉnh ĐT 842	
	- Đoạn kênh Phú Thành - giáp đường tỉnh ĐT 843	2.0
	- Đoạn dốc cầu Giồng Găng - đầu cầu Phú Đức	2.0

	- Đoạn giáp chợ Giồng Găng - đường nước nông trường	2.0
	- Đoạn đường nước nông trường - cây xăng Tân Phước	2.0
	- Đoạn cây xăng Tân Phước đến cầu Tân Phước - Tân Thành A	2.0
2	Đường tỉnh ĐT 843	
	- Đoạn kênh Phú Hiệp - cầu Giồng Găng	2.0
	- Đoạn cầu Giồng Găng - cầu Dứt Gò Suông	2.0
	- Đoạn cầu Dứt Gò Suông - cầu Thành Lập	2.0
	- Đoạn cầu 72 nhịp - đến tâm đường Gò Tre (kể cả đường dẫn vào cầu Việt Thược)	2.0
	- Đoạn tâm đường Gò Tre - Cụm dân cư mở rộng Long Sơn Ngọc lần 2	2.0
3	Đường tỉnh ĐT 842 cũ	
	- Đường nội bộ xã Tân Phước (đoạn đường tỉnh ĐT 842 - kênh Phước Xuyên)	2.0
	- Đoạn đường mé sông kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng (xã Tân Phước)	2.0
	- Đoạn kênh K12 - giáp đường tỉnh ĐT 842	2.0
	- Đoạn giáp đường tỉnh ĐT 842 - giáp Đoàn kinh tế quốc phòng 959	2.0
	- Đoạn giáp đường tỉnh ĐT 842 - giáp Đoàn kinh tế quốc phòng 960	2.0
4	Đường tỉnh ĐT 845 (đoạn giáp ranh xã Hòa Bình – Tuyến dân cư đường dẫn vào cầu Tân Phước)	2.0
III	**Huyện lộ, lộ liên xã**	
1	Lộ 30 cũ	
	- Đoạn ngã 3 Quốc lộ 30 (đồn biên phòng 909) - bửng Năm Hăng	2.0
	- Đoạn cầu bửng Năm Hăng - đồn Biên phòng Thông Bình	2.0
	- Đoạn đường vào chốt biên phòng (trừ cụm dân cư Cây Dương)	2.0
	- Đoạn lộ Việt Thược - kênh Tân Thành	2.0
2	Lộ Việt Thược	2.0
3	Lộ liên xã Thông Bình - Tân Phước	
	- Bờ Đông:	
	+ Đoạn chợ biên giới Thông Bình - Bến đò Long Sơn Ngọc	2.0
	+ Đoạn bến đò Long Sơn Ngọc - miễu ông Tiền Hiền	2.0
	- Bờ Tây:	
	+ Đoạn đồn biên phòng Thông Bình - Uỷ ban nhân dân xã Thông Bình	2.0
	+ Đoạn Uỷ ban nhân dân xã Thông Bình - bến đò Long Sơn Ngọc	2.0

4	Đường Tân Thành A - Tân Phước	
	- Bờ tây:	
	+ Đoạn Cụm dân cư Long Sơn Ngọc - cầu Bắc Viện (trừ Cụm dân cư Cả Sơ)	2.0
	+ Đoạn Cụm dân cư Tân Thành A - kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng	2.0
5	Đường Thông Bình – Hưng Điền	
	- Đoạn Tuyến dân cư bờ đông Long Sơn Ngọc - Long An	2.0
6	Đường bờ Đông kênh Tân Thành	
	- Đoạn Cụm dân cư 30 cũ - kênh Tân Thành Lò Gạch	2.0
	- Đoạn kênh Tân Thành Lò Gạch - kênh Cả Mũi	2.0
	- Đoạn kênh Cả Mũi - kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng	2.0
7	Lộ quốc phòng	
	- Đoạn lộ 30 cũ - kênh Tân Thành Lò Gạch	2.0
	- Đoạn kênh Tân Thành Lò Gạch - kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng	2.0
8	Đường kênh Cô Đông	2.0
9	Đường bờ tây kênh Phú Đức	2.0
10	Đường Gò Rượu	2.0
11	Đường bờ đông kênh Sa Rài	
	- Đoạn kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng đến cầu Tứ Tân	2.0
12	Đường nội bộ cụm dân cư Cà Vàng	2.0
13	Đường đan Công Binh	2.0
14	Đường đan bờ Đông kênh Tân Hòa	
	- Đoạn lộ 30 cũ - sông Sở Hạ	2.0
15	Kênh Tân Hòa (Bờ Đông, Bờ Tây)	2.0
16	Kênh Đuôi Tôm (Bờ Nam, Bờ Bắc)	2.0
17	Đường bờ Bắc kênh Tân Thành Lò Gạch	2.0
18	Đường bờ Đông kênh Phú Thành	2.0
19	Đường bờ Đông kênh K12	2.0
21	Đường bờ Tây kênh Tân Công Chí	2.0
22	Đường bờ Nam kênh Thành Lập 2	2.0
23	Đường bờ Đông kênh Thống Nhất	2.0
24	Đường Kho Gáo Lồng Đèn	2.0
25	Đường Thống Nhất xã Bình Phú (đoạn kênh Tân Thành Lò Gạch - cụm dân cư Gò Cát)	2.0
26	Đường bờ Đông kênh Sa Rài xã Tân Thành B	2.0
27	Đường Tứ Tân	2.0
28	Đường tuần tra biên giới (đoạn Tân Hưng - thành phố Hồng Ngự)	2.0
29	Đường Cả Găng (bờ đông, bờ tây)	2.0
30	Đường bờ Tây kênh Tân Thành B	2.0

31	Đường Gò Tre	2.0
32	Đường kênh Phú Đức	2.0
33	Đường kênh ngọn cũ	2.0
34	Đường bờ Tây kênh Tân Thành (xã Tân Hộ Cơ)	2.0
35	Đường bờ Đông kênh Sa Rài (xã Tân Hộ Cơ)	2.0
36	Đường Tuyến dân cư bờ Bắc kênh Tân Thành Lò Gạch (xã Bình Phú)	2.0
37	Đường Tuyến dân cư đường vào cầu Tân Phước - Tân Hưng (xã Tân Phước)	2.0
38	Đường Tuyến dân cư bờ Đông kênh Tân Thành (xã Tân Phước)	2.0
39	Đường Tuyến dân cư bờ Đông kênh Phước Xuyên (xã Tân Phước)	2.0
40	Đường dọc theo Tuyến dân cư Bình Phú - Dinh Bà (xã Tân Hộ Cơ)	2.0
41	Đường Tuyến dân cư Đuôi Tôm ấp Gò Bói (xã Tân Hộ Cơ)	2.0
42	Đường dẫn lên cầu Cái Cái (Bờ Đông, bờ Tây Rạch Cái Cái)	2.0
43	Đường dẫn lên cầu Long Sơn (Bờ Đông, bờ Tây rạch Cái Cái)	2.0
44	Đường Bờ bắc Kênh Chín Kheo	2.0
45	Đường bờ Nam kênh Tứ Tân	2.0
46	Đường bờ bắc, bờ nam kênh Cả Mũi	2.0
47	Đường bờ Bắc kênh Bắc Viện	2.0
48	Đường bờ Bắc, bờ Nam kênh Cả Chấp 1	2.0
49	Tuyến dân cư Bắc Viện – Bờ Đông Kênh Tân Thành	2.0
50	Tuyến dân cư bờ Đông kênh Tân Thành	2.0
51	Các đường còn lại không tên (xã Tân Công Chí)	2.0
52	Đường bờ kênh Thành Lập	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

5.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	2.0

6. Áp dụng trên địa bàn huyện Thanh Bình

6.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ xã Bình Thành	2.0

2	Chợ Bình Thuận (Bình Thành)	2.0
3	Chợ xã Tân Thạnh	2.0
4	Chợ xã An Phong	2.0
5	Chợ xã Tân Mỹ	2.0
6	Chợ xã Tân Phú	2.0
7	Chợ xã Bình Tấn	2.0
8	Chợ xã Tân Long	2.0
9	Chợ mới xã Tân Huề	2.0
10	Chợ xã Tân Hòa	2.0
11	Chợ xã Tân Quới	2.0
12	Chợ mới xã Tân Bình	2.0
13	Chợ xã Phú Lợi	2.0
14	Cụm dân cư 256 chợ Phú Lợi	2.0
II	**Cụm dân cư tập trung**	
1	Cụm dân cư xã Tân Thạnh	2.0
2	Cụm dân cư An Phong	2.0
3	Cụm dân cư 256, xã An Phong	2.0
4	Cụm dân cư Tân Long	2.0
5	Cụm dân cư Tân Huề	2.0
6	Cụm dân cư Tân Hòa	2.0
7	Cụm dân cư Tân Quới	2.0
8	Cụm dân cư Tân Bình	2.0
9	Cụm dân cư Tân Mỹ	2.0
10	Cụm dân cư Phú Lợi	2.0
11	Cụm dân cư Bình Tấn	2.0
III	**Cụm dân cư giai đoạn 2**	
1	Cụm dân cư giai đoạn 2 xã Bình Thành	2.0
2	Cụm dân cư bố trí các hộ dân trong vùng sạt lở khẩn cấp xã Bình Thành	2.0
3	Cụm dân cư giai đoạn 2 xã An Phong	2.0
4	Cụm dân cư giai đoạn 2 xã Tân Thạnh	2.0
5	Cụm dân cư giai đoạn 2 xã Tân Quới	2.0
6	Cụm dân cư giai đoạn 2 xã Bình Tấn	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

6.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Giá đất từng trục lộ**	
I	**Quốc Lộ 30**	

	- Đoạn ranh xã Phong Mỹ - cầu Cả Tre, ranh thị trấn Thanh Bình	2.0
	- Đoạn ranh thị trấn Thanh Bình và Tân Thạnh - cầu Đốc Vàng Thượng. xã Tân Thạnh	2.0
	- Đoạn cầu Đốc Vàng Thượng - hết Cụm dân cư Tân Thạnh (giai đoạn 1)	2.0
	- Đoạn đầu trên Cụm dân cư Tân Thạnh (giai đoạn 1) - ranh xã Phú Ninh, xã An Phong (kể cả đường tránh Quốc lộ 30), trừ đoạn cầu An Phong, Mỹ Hòa - Cầu Ba Răng	2.0
	- Đoạn cầu An Phong, Mỹ Hòa - Cầu Ba Răng	4.0
II	**Đường Võ Văn Kiệt**	
	- Đoạn ranh thị trấn Thanh Bình - ranh huyện Tam Nông (trừ đoạn Bưu điện Tân Mỹ - cầu Tân Mỹ phía từ lộ nhựa trở vào chợ tính theo giá đất chợ Tân Mỹ)	2.0
III	**Huyện Lộ và Lộ liên xã**	
	- Đường Bình Thành - Bình Tấn (đoạn Quốc lộ 30 - chợ Bình Tấn)	3.0
	- Đường An Phong - Mỹ Hòa (đoạn chợ Bình Tấn - cầu Bình Thành 4)	3.0
	- Đường ấp Bình Trung, Bình Hòa, Bình Chánh, Bình Định	2.0
	- Đường nội bộ cụm Công nghiệp xã Bình Thành - song song Quốc lộ 30 (áp dụng giá đất bên ngoài Cụm công nghiệp)	2.0
	- Đường bến đò Voi lửa (đoạn Quốc lộ 30 - bến đò Voi Lửa)	2.0
	- Đường Đốc Vàng Thượng (đoạn cầu Dinh Ông - ranh Phú Lợi)	2.0
	- Đường Đốc Vàng Hạ (đoạn ranh thị trấn - kênh Kháng Chiến, 2 bờ)	2.0
	- Đường ấp Nhì (đoạn cầu Ba Răng - cầu kênh 2 tháng 9)	2.0
	- Đường Cù Lao Tây (gồm 5 xã : Tân Long, Tân Huề, Tân Hòa, Tân Quới, Tân Bình)	3.0
	- Đường Trần Văn Năng (Cầu Dinh Ông - bến đò Chợ Thủ)	2.0
	- Đường An Phong - Phú Thành Bờ Tây (xã An Phong đoạn CDC ấp 3 - kênh 2/9)	3.0
	- Đường An Phong - Mỹ Hoà Bờ Nam (xã An Phong đoạn Quốc lộ 30 đến cầu ranh An Phong - Tân Thạnh)	3.0
	- Đường An Phong - Mỹ Hoà Bờ Bắc (xã An Phong đoạn Quốc lộ 30 - kênh 2/9)	2.0
	- Đường kênh chùa Cao Đài 2 bờ (xã An Phong đoạn Quốc lộ 30 đến kênh Ranh An Phong - Tân Thạnh)	2.0
	- Đường kênh ranh Ranh An Phong - Tân Thạnh bờ Tây (xã An Phong từ Kênh An Phong - Mỹ Hoà đến kênh chùa Cao Đài)	2.0

	- Đường Kênh Giáo đường bờ Tây (xã Bình Tấn đoạn Uỷ ban nhân dân xã - Kênh cả Cường)	2.0
	- Đường Kênh Cả Cường bờ Nam (xã Bình Tấn đoạn giáp kênh Giáo Đường - giáp kênh Giữa)	2.0
	- Đường Kênh Giữa xã Bình Tấn (đoạn giáp xã Tân Mỹ đến cầu ranh Kênh An Phong - Mỹ Hòa xã Tân Mỹ)	2.0
	- Đường Kênh An Phong- Mỹ Hòa bờ Nam đường nhựa xã Phú Lợi (đoạn ranh xã Tân Mỹ - Chợ Phú Lợi)	2.0
	- Đường An Phong- Mỹ Hòa bờ bắc đường đal xã Phú Lợi (đoạn từ kênh Thống nhất ranh xã Tân Mỹ đến Cầu đúc Ủy ban nhân dân xã)	2.0
	- Đường Kênh Kháng Chiến bờ bắc lộ nhựa xã Phú Lợi (đoạn Cầu đúc Uỷ ban nhân dân xã - Kênh Đường Gạo)	2.0
	- Đường Gạo bờ đông lộ nhựa xã Phú Lợi (đoạn cầu Đường Gạo - Cầu 2/9 giáp xã Tân Thạnh)	2.0
	- Đường Gạo bờ đông đường nhựa xã Phú Lợi (đoạn Kênh An Phong - Mỹ Hòa đến Kênh Kháng Chiến)	2.0
	- Đường kênh An Phong - Mỹ Hòa bờ Bắc ấp 3 xã Tân Mỹ (đoạn Tỉnh lộ 855 - kênh giữa giáp Bình Tấn)	2.0
	- Đường Kênh Đốc vàng Hạ bờ Tây ấp 2 xã Tân Mỹ (đoạn kênh Khánh chiến đến kênh An Phong- Mỹ Hòa)	2.0
	- Đường kênh Kháng chiến xã Tân Mỹ (đoạn đường Võ Văn Kiệt - Kênh Cả Tre)	2.0
	- Đường kênh An Phong - Mỹ Hòa bờ xã Tân Mỹ (đoạn từ ranh xã Phú Lợi - kênh Đốc vàng Hạ)	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

6.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	2.0

7. Áp dụng trên địa bàn huyện Tam Nông

7.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ xã An Long (đoạn từ phía Bắc cầu An Long – đường xuống bến đò An Long – Tân Quới)	2.0

2	Chợ xã An Hòa (gồm: khu vực chợ và đoạn đường Quốc lộ 30 từ Bắc cầu Trung Tâm – Nam đường vào chợ Cụm dân cư An Hòa)	2.0
3	Chợ xã Phú Thành A	2.0
4	Chợ xã Hòa Bình	2.0
5	Chợ xã Phú Hiệp	2.0
6	Chợ xã Phú Thọ	2.0
7	Chợ xã Phú Cường	2.0
8	Chợ xã Tân Công Sính	2.0
II	**Khu dân cư, cụm dân cư tập trung**	
1	Cụm dân cư Trung tâm xã An Hòa	2.0
2	Cụm dân cư xã An Long	2.0
3	Cụm dân cư ấp An Phú, xã An Long	2.0
4	Cụm dân cư sinh lợi ấp An Phú, xã An Long	
	- Đường số 7 (theo quy hoạch)	2.0
	- Đường số 6 (theo quy hoạch)	2.0
5	Tuyến dân cư Mười Tải, xã Phú Cường	2.0
6	Cụm dân cư xã Phú Cường	2.0
7	Cụm dân cư Hồng Kỳ, xã Phú Cường	2.0
8	Cụm dân cư Trung tâm xã Phú Đức	2.0
9	Cụm dân cư xã Phú Thọ	2.0
10	Cụm dân cư xã Phú Thành A (kể cả chợ cũ và đoạn đường ĐT 844 từ Tây đường vào chợ mới Phú Thành A – Đông cầu Phú Thành A)	2.0
11	Cụm dân cư ấp Long Phú A, xã Phú Thành A	2.0
12	Cụm dân cư Trung tâm xã Phú Thành B	2.0
13	Cụm dân cư Cả Nổ, xã Phú Thành B	2.0
14	Cụm dân cư xã Tân Công Sính	2.0
15	Cụm dân cư xã Hòa Bình	2.0
16	Cụm dân cư ấp Phú Xuân, xã Phú Đức	2.0
17	Cụm dân cư xã Phú Hiệp (kể cả Cụm dân cư mở rộng)	2.0
18	Cụm dân cư Trung tâm xã Phú Ninh	2.0
19	Tuyến dân cư kênh 2 tháng 9, xã Phú Ninh	2.0
20	Tuyến dân cư bờ Bắc kênh ranh, xã Phú Ninh	2.0
21	Tuyến dân cư Tân Công Sính - Tràm Chim, xã Tân Công Sính	2.0
22	Tuyến dân cư ấp K12, xã Phú Hiệp	2.0
23	Tuyến dân cư phía Đông đường tỉnh ĐT 855, xã Hòa Bình	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

7.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên lộ giao thông phố	Hệ số
A	**Giá đất từng trục lộ**	
I	**Quốc lộ 30**	
	- Đoạn giáp ranh Thanh Bình – ranh phía Nam Cụm dân cư xã Phú Ninh	2.0
	- Đoạn ranh phía Nam Cụm dân cư Phú Ninh - ranh phía Nam cây xăng An Long	2.0
	- Đoạn ranh phía Nam cây xăng An Long - phía Nam dốc cầu An Long	2.0
	- Đoạn bến đò An Long - Tân Quới - đường số 3 vào Cụm dân cư ấp An Phú	2.0
	- Đoạn đường số 3 vào Cụm dân cư ấp An Phú - ranh đất phía Nam Uỷ ban nhân dân xã An Hòa	2.0
	- Đoạn ranh đất phía Nam Uỷ ban nhân dân xã An Hòa - phía Nam cầu Trung Tâm	2.0
	- Đoạn phía Bắc đường vào chợ Cụm dân cư xã An Hoà - ranh thành phố Hồng Ngự	2.0
II	**Đường tỉnh ĐT 843**	
	- Đoạn ranh thị trấn Tràm Chim - ranh đất phía Nam Cụm dân cư xã Phú Hiệp	2.0
	- Đoạn phía Nam Cụm dân cư xã Phú Hiệp - bờ Nam cầu Phú Hiệp (đối với phía Đông đường tỉnh ĐT 843)	2.0
	- Đoạn Bắc cầu Phú Hiệp - ranh đất phía Bắc Uỷ ban nhân dân xã Phú Hiệp	2.0
	- Đoạn ranh đất phía Bắc Uỷ ban nhân dân xã Phú Hiệp - ranh Tân Hồng	2.0
III	**Đường Võ Văn Kiệt**	
	- Đoạn ranh huyện Cao Lãnh - ranh phía Đông chợ Phú Cường	3.0
	- Đoạn ranh phía Tây chợ Phú Cường - Đông cầu kênh Sáu Đạt	3.0
	- Đoạn Tây cầu kênh Sáu Đạt - Đông cầu kênh Phèn 3	3.0
	- Đoạn Tây cầu kênh Phèn 3 - ranh thị trấn Tràm Chim	3.0
IV	**Đường tỉnh ĐT 844**	
	- Đoạn cầu Tổng Đài - cầu Phú Thọ	3.0
	- Đoạn ranh phía Tây đất trường Tiểu học Phú Thọ A - phía Đông đường vào Cụm dân cư xã Phú Thành A (giai đoạn 1)	3.0
	- Đoạn phía Đông Cụm dân cư Phú Thành A (giai đoạn 1) - phía Đông đường vào chợ mới Phú Thành A (đối với phía Nam đường tỉnh ĐT 844)	3.0
	- Đoạn cầu Phú Thành A - ranh đất phía Đông Cụm dân cư An Long	3.0

	- Đoạn ranh đất phía Đông Cụm dân cư An Long - Quốc lộ 30	3.0
V	**Đường tỉnh ĐT 855**	
	- Đoạn ranh thị trấn Tràm Chim - ranh đất phía Nam Cụm dân cư xã Tân Công Sính	3.0
	- Đoạn ranh đất phía Nam Cụm dân cư xã Tân Công Sính - cầu Tân Công Sính 1	3.0
	- Đoạn từ cầu Tân Công Sính 1 - ranh phía Nam Cụm dân cư xã Hoà Bình	3.0
VI	**Đường tỉnh ĐT 845**	
	- Đoạn giáp ranh xã Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười - ranh Tuyến dân cư phía Đông đường ĐT 855, xã Hòa Bình	3.0
	- Đoạn ranh đường ĐT 855, xã Hòa Bình - ranh đường An Hòa - Hòa Bình	3.0
	- Đoạn ranh đường An Hòa - Hòa Bình - giáp ranh xã Tân Phước, huyện Tân Hồng	3.0
VII	**Đường liên xã An Long – Phú Ninh – Phú Thành A**	
	- Đoạn Quốc lộ 30 - phía Đông đường nước hợp tác xã Phú Thọ	3.0
	- Đoạn phía Đông đường nước hợp tác xã Phú Thọ - ranh An Long, Phú Ninh	3.0
	- Đoạn ranh An Long - Phú Ninh đến giáp ranh xã Phú Ninh - Phú Thành A (bờ Bắc kênh Đồng Tiến)	3.0
VIII	**Đường liên xã An Hòa – An Long – Phú Ninh**	
	- Đoạn ranh thành phố Hồng Ngự - ranh chợ cũ xã An Hòa	3.0
	- Đoạn phía Nam kênh An Bình - đường vào hợp tác xã Phú Thọ (phía Bắc)	3.0
	- Đoạn phía Nam đường vào hợp tác xã Phú Thọ - giáp ranh chợ An Long	3.0
	- Đoạn phía Nam kênh Đồng Tiến - phía Bắc đường xuống bến đò Phú Ninh - Đình Tân Quới	3.0
	- Đoạn phía Nam đường xuống bến đò Phú Ninh, Đình Tân Quới - giáp ranh Tam Nông, Thanh Bình	3.0
IX	**Huyện lộ An Hòa – Hòa Bình**	
	- Đoạn Quốc lộ 30 - Tây cầu kênh 2 tháng 9	3.0
	- Đoạn phía Đông cầu kênh 2 tháng 9 - Tây Cụm dân cư Cả Nổ, xã Phú Thành B	3.0
	- Đoạn Phía Đông Cụm dân cư Cả Nổ xã Phú Thành B - Tây Cụm dân cư, xã Phú Thành B	3.0
	- Đoạn cầu kênh An Bình - ĐT 843	3.0
	- Đoạn cầu Phú Hiệp (bờ Đông) - Cầu kênh K8 (bờ Tây)	3.0

	- Đoạn cầu kênh K8 (Bờ Đông) - cụm dân cư Phú Xuân (phía Tây)	3.0
	- Đoạn cụm dân cư Phú Xuân (phía Đông) - cầu Tân Công Sính 2 (bờ Tây)	3.0
	- Đoạn cầu Tân Công Sính 2 (bờ Đông) - cầu ngã năm Hòa Bình	3.0
X	**Bờ Nam kênh An Bình (đoạn đường tỉnh ĐT 843 - giáp ranh Vườn Quốc gia Tràm Chim)**	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

7.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	2.0

8. Áp dụng trên địa bàn huyện Tháp Mười

8.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ Đường Thét xã Mỹ Quý	2.0
2	Chợ xã Mỹ Quý	2.0
3	Chợ xã Phú Điền	2.0
4	Chợ xã Thanh Mỹ	2.0
5	Chợ xã Mỹ Hòa	2.0
6	Chợ xã Đốc Binh Kiều	2.0
7	Chợ cụm dân cư trung tâm xã Tân Kiều	2.0
8	Chợ xã Hưng Thạnh	2.0
9	Chợ 307 (xã Thanh Mỹ)	2.0
10	Chợ xã Láng Biển	2.0
11	Chợ xã Trường Xuân	
	1. Đường Dương Văn Dương	
	- Đoạn 1: Nguyễn Văn Tiếp - hết ranh chợ xã Trường Xuân (đường Lê Văn Bé)	2.0
	- Đoạn 2: hết ranh chợ xã Trường Xuân (đường Lê Văn Bé) - Võ Văn Kiệt	2.0
	- Đoạn 3: Võ Văn Kiệt - hết ranh Khu dân cư trung tâm xã Trường Xuân (64ha)	2.0
	2. Đường Nguyễn Văn Tiếp	
	- Đoạn 1: Dương Văn Dương – Nguyễn Hiến Lê	2.0

	- Đoạn 2: Nguyễn Hiến Lê – kênh Thanh Niên	2.0
	3. Đường Trần Văn Năng	2.0
	4. Đường Nguyễn Thị Lựu	2.0
	5. Đường Phạm Thị A	2.0
	6. Đường Trương Tấn Minh	2.0
	7. Đường Ngô Thị Mẹo	2.0
	8. Đường Nguyễn Thanh Phong	2.0
	9. Đường Nguyễn Xuân Trường	2.0
	10. Đường Trần Thị Bích Dung	2.0
	11. Đường Nguyễn Văn Hưởng	2.0
	12. Đường Nguyễn Hiến Lê (đoạn Nguyễn Văn Tiếp - Phan Văn On)	2.0
	13. Đường Phan Văn On	
	- Đoạn 1: Nguyễn Văn Hưởng - Nguyễn Hiến Lê	2.0
	- Đoạn 2: Nguyễn Hiến Lê - ranh đường Võ Văn Kiệt	2.0
	- Đoạn 3: Võ Văn Kiệt - hết ranh quy hoạch Cụm dân cư trung tâm xã Trường Xuân	2.0
	- Đoạn 4: hết ranh quy hoạch Cụm dân cư trung tâm xã Trường Xuân - kênh Thanh Niên	2.0
	14. Đường Nguyễn Tấn Kiều	
	- Đoạn 1: Nguyễn Thanh Phong - Lê Văn Bé	2.0
	- Đoạn 2: Lê Văn Bé - Võ Văn Kiệt	2.0
12	**Một số đường khác ở khu thị tứ Trường Xuân**	
	- Đường cặp khu dân cư 64 ha Trường Xuân - Hậu (Dương Văn Dương)	3.0
	- Đường từ đường Võ Văn Kiệt - đoạn ngang Cụm Công nghiệp dịch vụ thương mại Trường Xuân (hoặc đường Nguyễn Văn Hưởng: đoạn Võ Văn Kiệt - đường Bờ Tây kênh Tư Mới (đoạn ngang Cụm công nghiệp dịch vụ thương mại Trường Xuân))	3.0
	- Các đường xung quanh Cụm công nghiệp dịch vụ thương mại Trường Xuân (áp dụng giá đất bên ngoài Cụm công nghiệp)	3.0
II	**Khu dân cư, cụm dân cư tập trung**	
1	Khu dân cư Trung tâm xã Trường Xuân (64 ha)	
	- Đường Lê Văn Bé	4.0
	- Đường Nhiêu Chấn	4.0
	- Đường Nguyễn Thế Hữu	4.0
	- Đường Nguyễn Văn Cẩn	4.0
	- Đường Trần Anh Điền	4.0
	- Đường Võ Duy Dương	4.0

	- Đường Võ Văn Kiệt (đoạn Võ Duy Dương - Dương Văn Dương)	4.0
	- Các đường nội bộ Khu dân cư trung tâm xã Trường Xuân (64 ha)	4.0
2	Cụm dân cư Trung tâm xã Trường Xuân	
	- Đường Võ Văn Kiệt (đoạn đường tỉnh ĐT 845 - Võ Duy Dương)	4.0
	- Các đường nội bộ Cụm dân cư trung tâm xã Trường Xuân	4.0
3	Cụm dân cư An Phong - Đường Thét, xã Trường Xuân	3.0
4	Cụm dân cư kênh Hội Kỳ Nhất, xã Trường Xuân	3.0
5	Tuyến dân cư ấp 6B xã Trường Xuân (Giai đoạn 2)	3.0
6	Khu dân cư chợ xã Mỹ An	3.0
7	Khu dân cư tập trung và Cụm dân cư trung tâm xã Mỹ An (giai đoạn 2)	3.0
8	Khu dân cư Mỹ Tây 1, xã Mỹ Quý	3.0
9	Cụm dân cư Ngã Ba Đường Thét, xã Mỹ Quí	3.0
10	Cụm dân cư Trung tâm xã Mỹ Quí	3.0
11	Cụm dân cư Trung tâm xã Mỹ Đông	3.0
12	Cụm dân cư Trung tâm xã Đốc Binh Kiều	3.0
13	Khu dân cư Trung tâm xã Đốc Binh Kiều (khu A)	3.0
14	Khu dân cư kênh Năm, xã Đốc Binh Kiều	3.0
15	Cụm dân cư Trung tâm và mở rộng xã Hưng Thạnh	3.0
16	Cụm dân cư Ngã 5 Tân Công Sính, xã Hưng Thạnh	3.0
17	Cụm dân cư kênh Đồng Tiến, xã Hưng Thạnh	3.0
18	Cụm dân cư Trung tâm và mở rộng xã Phú Điền	3.0
19	Cụm dân cư Trung tâm và mở rộng xã Thanh Mỹ	3.0
20	Cụm dân cư Tân Kiều mở rộng	3.0
21	Cụm dân cư kênh Ba Mỹ Điền	3.0
22	Cụm dân cư Gò Tháp, Gò Tháp mở rộng	3.0
23	Cụm dân cư Trung tâm và mở rộng xã Thạnh Lợi	3.0
24	Tuyến dân cư kênh Phước Xuyên	3.0
25	Khu hành chính dân cư xã Mỹ Hoà	3.0
26	Tuyến dân cư Trung tâm xã Mỹ Hoà (giai đoạn 2)	3.0
27	Tuyến dân cư An Phong – Mỹ Hòa	3.0
28	Tuyến dân cư ấp 4, xã Láng Biển (giai đoạn 2)	3.0
29	Cụm dân cư Nguyễn Văn Tre	3.0
30	Khu dân cư Tiểu đoàn 502 cũ	3.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

8.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên lộ giao thông phố	Hệ số
A	**Giá đất từng trục lộ**	
I	**Quốc lộ**	
1	Quốc lộ N2	
	- Đoạn ranh tỉnh Long An - ranh thị trấn Mỹ An	3.0
2	Đường Hồ Chí Minh (theo đường tỉnh ĐT 846; 847)	
	- Đoạn 1: kênh Kháng Chiến - đường vào cụm dân cư Đường Thét	3.0
	- Đoạn 2: đường vào cụm dân cư - ngã Ba Đường Thét	3.0
	- Đoạn 3: ngã Ba Đường Thét - đường vào cụm dân cư Đường Thét	3.0
	- Đoạn 4: đường vào cụm dân cư Đường Thét - cuối Cụm dân cư Trung tâm xã Mỹ Quý	3.0
	- Riêng đoạn đối diện khu chợ Mỹ Quý	3.0
	- Đoạn 5: cuối Cụm dân cư Trung tâm xã Mỹ Quý - đường tỉnh ĐT 850	3.0
	- Đoạn 6: cầu kênh Ông Hai - cầu kênh Tư (cũ)	3.0
II	**Đường tỉnh**	
1	Đường tỉnh ĐT 846	
	- Đoạn cầu Kênh Nhất - kênh Bằng Lăng	2.0
	- Riêng đoạn đối diện khu vực chợ Đốc Binh Kiều	2.0
2	Đường tỉnh ĐT 845 (thị trấn Mỹ An - Trường Xuân)	
	- Đoạn 1: kênh 8000 - kênh 12000	2.0
	- Đoạn 2: kênh 12000 - cầu An Phong	2.0
	- Đoạn 3: cầu An Phong - đường Võ Văn Kiệt (hoặc đoạn cầu An Phong - kênh Thanh Niên)	2.0
	- Riêng đoạn đối diện khu chợ Mỹ Hòa	2.0
3	Đường Võ Văn Kiệt	
	- Đoạn 1: kênh 27 - kênh ranh Long An	2.0
	- Đoạn 2: đường tỉnh ĐT 845 - cầu Kênh Tứ Trường Xuân (hoặc đoạn Phan Văn On - cầu Kênh Tứ Trường Xuân)	2.0
	- Đoạn 3: cầu kênh Tứ Trường Xuân - ranh Trường Xuân, Hưng Thạnh	2.0
	- Đoạn 4: ranh xã Trường Xuân, Hưng Thạnh - ranh huyện Cao Lãnh	2.0
	Riêng các đoạn đối diện các khu quy hoạch	
	- Đoạn đối diện mở rộng Cụm dân cư Hưng Thạnh	2.0
	- Đoạn đối diện chợ Hưng Thạnh	2.0
	- Đoạn đối diện Cụm dân cư kênh Đồng Tiến xã Hưng Thạnh	2.0

4	Đường tỉnh ĐT 850 (Đường Hồ Chí Minh – ranh huyện Cao Lãnh)	
	- Đoạn 1: đường Hồ Chí Minh - kênh Bảy Thước	2.0
	- Đoạn 2: kênh Bảy Thước - ranh huyện Cao Lãnh	2.0
	- Riêng đoạn đối diện Tuyến dân cư Ấp 4, xã Láng Biển	2.0
	- Đoạn nhánh rẽ Đường tỉnh ĐT 850 - đường Hồ Chí Minh	2.0
5	Đường tỉnh ĐT 856	
	- Đoạn Võ Văn Kiệt - ranh huyện Cao Lãnh	2.0
III	**HUYỆN LỘ VÀ LỘ LIÊN XÃ**	
*	**Huyện lộ**	
1	Huyện lộ (Trường Xuân - Thạnh Lợi)	
	- Đoạn 1: bến đò Trường Xuân - ranh Tam Nông	2.0
2	Đường Mỹ An - Phú Điền - Thanh Mỹ	
	- Đoạn 1: cầu Từ Bi xã Mỹ An - Trạm y tế mới xã Phú Điền	3.0
	- Đoạn 2: Trạm y tế mới xã Phú Điền - ngã 3 lộ đan đi Thanh Mỹ (hết ranh quy hoạch Cụm dân cư Phú Điền mở rộng)	2.0
	- Đoạn 3: ngã 3 lộ đan đi Thanh Mỹ (hết ranh quy hoạch Cụm dân cư Phú Điền mở rộng) - cầu kênh Nhất xã Thanh Mỹ	3.0
	- Đoạn 4: chợ Thanh Mỹ - ranh Tiền Giang	3.0
3	Đường Thanh Mỹ - Tân Hội Trung	
	- Đoạn 1: cầu chợ Thanh Mỹ - cầu Kênh Năm	2.0
	- Đoạn 2: cầu Kênh Năm - kênh 307 (ranh Tân Hội Trung)	3.0
4	Đường kênh Năm - kênh Bùi (bờ Đông, bờ Tây)	
	- Đoạn từ kênh Nguyễn Văn Tiếp B - ranh Long An	2.0
5	Đường nhựa Gò Tháp - Đốc Binh Kiều	
	- Đoạn 1 (đối diện Khu dân cư Trung tâm xã Đốc Binh Kiều): đoạn đường tỉnh ĐT 846 - cầu Kênh 27	2.0
	- Đoạn 2: cầu Kênh 27 - Cụm dân cư Gò Tháp	2.0
6	Đường kênh 8000	
	- Đoạn 1: ranh thị trấn Mỹ An - Cầu K27	3.0
	- Đoạn 2: ranh chợ Cụm dân cư trung tâm xã Tân Kiều - ranh Long An	2.0
7	Đường Tân Công Sính - kênh Công Sự	
	- Đoạn 1: Lộ Kênh Tân Công Sính (Từ Hưng Thạnh - kênh Công Sự)	2.0
	- Đoạn 2: lộ đan bờ Tây kênh Công Sự (đoạn kênh Tân Công Sính - Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Lợi)	2.0
8	Đường vào Khu Di tích Gò Tháp	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 845 - cầu An Phong (hoặc đoạn đường tỉnh ĐT 857 - cầu An Phong)	2.0

9	Đường bờ Đông kênh Thanh Mỹ - Mỹ An	2.0
*	**Lộ liên xã**	
1	Đường bờ Đông, bờ Tây kênh Cái Bèo (đường kênh Cái Bèo)	
	- Đường bờ Đông kênh Cái Bèo	2.0
	- Đường bờ Tây kênh Cái Bèo	2.0
2	Đường bờ Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp A	
	- Đoạn kênh đường Thét Mỹ Quý - ranh Tiền Giang (trừ thị trấn Mỹ An)	2.0
3	Đường bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp A	
	- Đoạn 1: kênh đường Thét - ranh thị trấn Mỹ An	2.0
	- Đoạn 2: ranh thị trấn Mỹ An, xã Mỹ An - ranh Tiền Giang	2.0
4	Đường bờ Bắc kênh Tư Mới và kênh Nguyễn Văn Tiếp B	
	- Đoạn 1: kênh Tư Mới (từ giáp ranh thị trấn Mỹ An - kênh Nguyễn Văn Tiếp B (ngã sáu))	2.0
	- Đoạn 2: kênh Nguyễn Văn Tiếp B (Từ đầu voi kênh Năm - kênh Bằng Lăng)	2.0
5	Đường bờ Tây kênh Tư Mới	
	- Đoạn ranh thị trấn Mỹ An - Kênh Đồng Tiến (Trường Xuân)	2.0
6	Đường kênh Đường Thét	
	- Đoạn kênh Nguyễn Văn Tiếp A - đường Võ Văn Kiệt	2.0
7	Đường bờ Đông kênh 307	
	- Đoạn 1: ranh thị trấn Mỹ An - kênh Nhất Thanh Mỹ	2.0
	- Đoạn 2: kênh Nhất Thanh Mỹ - ranh Tiền Giang	2.0
8	Đường kênh Tư cũ	
	- Đoạn kênh ranh thị trấn Mỹ An đến đường Mỹ An - Phú Điền - Thanh Mỹ	2.0
9	Đường Kênh Nhì	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 846 (cầu Kênh Nhì, xã Mỹ An - kênh 12000)	2.0
10	Đường kênh Giữa	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 846 - kênh 12000	2.0
11	Đường kênh 12000	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 845 (Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hoà) - kênh ranh Long An	2.0
12	Đường kênh Nhất	
	- Đoạn 1: đường kênh 8000 - kênh Nguyễn Văn Tiếp A	2.0
	- Đoạn 2: kênh Nguyễn Văn Tiếp A - kênh Năm xã Phú Điền	2.0
13	Đường bờ Đông kênh Hai Hiển	
	- Đoạn cầu kênh ông Hai – kênh Bảy Thước xã Láng Biển	2.0
14	Đường bờ Bắc kênh Cả Bắc	

	- Đoạn kênh Cái Bèo (Mỹ Quý) - kênh 307	2.0
15	Đường Bờ Nam kênh Đồng Tiến	
	- Đoạn bến đò Trường Xuân đi Thạnh Lợi - ranh Tam Nông	2.0
16	Đường kênh K27	
	- Đoạn Kênh Bùi - Cụm dân cư trung tâm xã Tân Kiều	2.0
	- Đoạn Cụm dân cư trung tâm xã Tân Kiều - Cụm dân cư Gò Tháp	2.0
17	Đường bờ bắc kênh Ba Mỹ Điền (hoặc đường kênh Ba Mỹ Điền: bờ Bắc và bờ Nam)	2.0
18	Đường bờ Bắc kênh 8000	2.0
19	Đường bờ Nam kênh 9000 (hoặc đường kênh 9000: bờ Nam và bờ Bắc)	2.0
20	Đường vào chợ Phú Điền	
	- Đoạn 1: trạm y tế mới - ranh quy hoạch chợ Phú Điền (trạm y tế cũ)	2.0
	- Đoạn 2: ngã 3 lộ đan đi Thanh Mỹ (hết ranh quy hoạch Cụm dân cư Phú Điền mở rộng) - ranh quy hoạch chợ Phú Điền mở rộng	2.0
21	Đường kết nối bờ Đông kênh Thanh Mỹ - Mỹ An (từ kênh Thanh Mỹ - Mỹ An đến đường Mỹ An – Phú Điền – Thanh Mỹ)	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

8.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	2.0

9. Áp dụng trên địa bàn huyện Cao Lãnh

9.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ Mỹ Hiệp	2.0
2	Chợ Miễu Trắng xã Bình Thạnh	2.0
3	Chợ Cồn Trọi Bình Thạnh	2.0
4	Chợ xã Mỹ Long	2.0
5	Chợ xã Bình Hàng Tây (cũ)	2.0
6	Chợ xã Bình Hàng Trung	2.0
7	Chợ xã Tân Hội Trung (cũ)	3.0

8	Chợ xã Tân Hội Trung (mới)	4.0
9	Chợ Mỹ Xương (cũ)	3.0
10	Chợ xã Phương Thịnh (cũ)	3.0
11	Chợ ngã tư Phong Mỹ	2.0
12	Chợ xã Phong Mỹ	2.0
13	Chợ xã An Bình	2.0
14	Chợ xã Nhị Mỹ	2.0
15	Chợ Đầu mối trái cây Mỹ Hiệp	2.0
16	Điểm dân cư và chợ Phương Trà	2.0
II	**Khu dân cư, cụm dân cư tập trung**	
1	Cụm dân cư Trung tâm xã Bình Thạnh	2.0
2	Cụm dân cư Bình Phú Lợi xã Bình Thạnh	2.0
3	Cụm dân cư Hội Đồng Tường	2.0
4	Cụm dân cư xã Mỹ Xương	2.0
5	Cụm dân cư kênh 15 Gáo Giồng	2.0
6	Cụm dân cư xã Gáo Giồng và Cụm dân cư Gáo Giồng mở rộng	2.0
7	Cụm dân cư xã Ba Sao	2.0
8	Cụm dân cư xã Phương Thịnh (giai đoạn1)	2.0
9	Cụm dân cư xã Phương Thịnh (giai đoạn 2)	2.0
10	Cụm dân cư xã Phương Trà	2.0
11	Cụm dân cư xã Nhị Mỹ	2.0
12	Cụm dân cư trung tâm xã Tân Nghĩa	2.0
13	Cụm dân cư xã Bình Hàng Tây	2.0
14	Cụm dân cư xã Mỹ Thọ	2.0
15	Cụm dân cư An Bình	2.0
16	Cụm dân cư Cây Dông – An Phong xã Ba Sao	2.0
17	Cụm dân cư xã Phong Mỹ	2.0
18	Cụm dân cư Nhà Hay – Bảy Thước Phong Mỹ	2.0
19	Tuyến dân cư Đông Mỹ xã Mỹ Hội	2.0
20	Tuyến dân cư Kênh Mới xã Mỹ Thọ	2.0
21	Tuyến dân cư Tân Hội Trung	2.0
22	Tuyến dân cư Đường vào cầu sông Cái Nhỏ	2.0
23	Khu tái định cư Mỹ Hiệp	
	- Đường rộng 12mét – 14mét	3.0
	- Đường rộng 6mét	3.0
24	Cụm dân cư xã Bình Hàng Trung	2.0
25	Điểm dân cư ấp 3, xã Phương Trà	2.0
26	Cụm dân cư ấp 4, xã Phương Thịnh	2.0
27	Các đường nội bộ khu 500 căn	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

9.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Giá đất từng trục lộ**	
I	**Quốc lộ, đường Tỉnh**	
1	Quốc lộ 30	
	- Đoạn ranh Tiền Giang - cống Ngã Chùa	2.0
	- Đoạn cống Ngã Chùa - hết Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hiệp	2.0
	- Đoạn cầu Cái Sao Hạ - đường Mỹ Long Xẻo Quýt	2.0
	- Đoạn cầu Cái Bảy - cây xăng Quốc Nghĩa	2.0
	- Đoạn cầu Kênh Ông Kho - ranh huyện Thanh Bình	2.0
	- Đoạn ranh thành phố Cao Lãnh - cầu An Bình	2.0
	- Đoạn cầu An Bình - cầu Cần Lố	2.0
	- Đoạn còn lại	2.0
2	Đường tỉnh ĐT 847 (Mỹ Thọ - Đường Thét)	2.0
3	Đường tỉnh ĐT 844 (xã Gáo Giồng)	2.0
4	Đường tỉnh ĐT 846	
	- Đoạn đối diện Cụm dân cư Phương Trà	2.0
	- Đoạn cụm dân cư Phương Trà - hết Uỷ ban nhân dân xã Phương Trà	2.0
	- Đoạn cụm dân cư Ba Sao - Nhà Bảy Ven (xã Ba Sao)	2.0
	- Đoạn cầu Đường Thét - hết đất Bảy Trí (xã Ba Sao)	2.0
	- Đoạn cụm dân cư xã Tân Nghĩa - giáp xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh	2.0
	- Đoạn còn lại	2.0
5	Đường tỉnh ĐT 850	
	- Đoạn xã Bình Thạnh	4.0
	- Đoạn Mỹ Long - Xẻo Quýt (hết khu di tích Xẻo Quýt)	4.0
	- Đoạn Xẻo Quýt - Láng Biển	4.0
6	Đường tỉnh ĐT 856	
	- Đoạn xã Nhị Mỹ - cầu Cả Môn	2.0
	- Đoạn cầu Cả Môn - cầu Nguyễn Văn Tiếp	2.0
	- Đoạn cầu Nguyễn Văn Tiếp - cầu Phương Thịnh	2.0
	- Đoạn cầu Phương Thịnh - kênh ranh huyện Tháp Mười	2.0
7	Tuyến tránh Quốc lộ 30	
	- Đoạn xã An Bình	2.0
	- Đoạn xã Phong Mỹ	2.0
II	**Huyện lộ, lộ liên xã**	
1	Đường Phù Đổng nối dài	2.0

2	Đường Mỹ Thọ - Tân Hội Trung - Láng Biển	
	- Đoạn Trường Mẫu giáo - cầu Cái Bèo (Tân Hội Trung)	2.0
	- Đoạn còn lại (xã Tân Hội Trung, xã Mỹ Thọ)	2.0
3	Đường Mỹ Long - Bình Thạnh	2.0
4	Lộ Ba Sao - Phương Thịnh - Gáo Giồng	
	- Đoạn Uỷ ban nhân dân xã Phương Thịnh - Uỷ ban nhân dân xã Gáo Giồng	2.0
	- Đoạn còn lại	2.0
5	Lộ liên xã An Bình - Nhị Mỹ	
	- Đoạn Quốc lộ 30 - trạm bơm An Bình	2.0
	- Đoạn trạm bơm An Bình - chợ Nhị Mỹ	2.0
6	Lộ liên xã Trại chăn nuôi (xã An Bình)	2.0
7	Lộ Tắc Thầy Cai	2.0
8	Lộ bờ Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp	
	- Đoạn Quốc lộ 30 - mương Ông 6 Nhương (xã Phong Mỹ)	2.0
	- Đoạn mương Ông 6 Nhương - giáp xã Phương Trà	2.0
9	Lộ Trâu Trắng	2.0
10	Lộ Tân Nghĩa - Mỹ Tân	2.0
11	Lộ Tân Nghĩa - Gáo Giồng	2.0
12	Lộ Bình Thạnh - Thủy Sản Tỉnh	2.0
13	Lộ đan khác (từ 3mét trở lên) thuộc xã Bình Thạnh	2.0
14	Lộ Mương Khai - cầu Ngã Bát	2.0
15	Lộ cầu Ngã Bát - cầu Kiểm Điền	2.0
16	Đường từ đất Hồ Thị Hai - chợ Tân Hội Trung (cũ)	2.0
17	Lộ vào Khu Di tích chùa Bửu Lâm (chùa tổ)	2.0
18	Lộ nhựa ấp 3, lộ nhựa trên địa bàn xã Bình Hàng Tây (mặt lộ >=3mét)	2.0
19	Đường Thống Linh nối dài (xã Mỹ Thọ)	2.0
20	Đường số 1 Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp (Phía Tây): đoạn từ giáp Khu tái định cư Mỹ Hiệp và chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp đến giáp Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp) (áp dụng giá đất bên ngoài Cụm công nghiệp)	2.0
21	Đường số 2 Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp (Phía Đông: đoạn từ giáp đất Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp đến cuối đường số 02, phía Bắc) (áp dụng giá đất bên ngoài Cụm công nghiệp)	2.0
22	Lộ nhựa kênh Hội đồng Tường	2.0
23	Lộ mới đấu nối từ chợ đầu mối trái cây - kênh Hội đồng Tường	2.0
24	Các lộ còn lại ngoài đất ở nông thôn khu vực 3	2.0
25	Lộ liên xã Mỹ Xương – thị trấn Mỹ Thọ	
	- Đoạn Cụm dân cư Mỹ Xương - đường Mỹ Thạnh	2.0

	- Đoạn đường Mỹ Thạnh - cầu Thông Lưu, tiếp giáp thị trấn Mỹ Thọ	2.0
26	Lộ liên xã tuyến bờ đông từ Uỷ ban nhân dân xã Bình Hàng Trung - giáp xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười	
	- Đoạn Uỷ ban nhân dân xã Bình Hàng Trung - ngã 3 đường vào Khu Di tích chùa Bửu Lâm (chùa Tổ)	2.0
	- Đoạn ngã 3 đường vào Khu Di tích chùa Bửu Lâm - chùa Bửu Lâm	2.0
	- Đoạn ngã 3 đường vào Khu Di tích chùa Bửu Lâm - Ngã 4 kênh Cái Bèo (xã Tân Hội Trung)	2.0
	- Đoạn ngã 4 kênh Cái Bèo (xã Tân Hội Trung) - giáp ranh xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười	2.0
27	Đường cặp Sở Tài nguyên và Môi trường (vào khu tập thể)	
	- Đoạn Quốc lộ 30 - đến hết khu tập thể	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

9.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	2.0

10. Áp dụng trên địa bàn huyện Lai Vung

10.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ Long Thành (xã Long Hậu)	2.0
2	Chợ dân lập Thông Dong (xã Long Hậu)	2.0
3	Chợ Cái Tắc (xã Long Hậu)	2.0
4	Chợ xã Tân Dương	2.0
5	Chợ dân lập Hậu Thành (xã Tân Dương)	2.0
6	Chợ Tân Thành (chợ Đình xã Hòa Thành)	2.0
7	Chợ xã Hòa Thành (Quốc lộ 80)	2.0
8	Chợ xã Tân Phước	1.0
9	Chợ Cái Đôi (xã Tân Thành)	2.0
10	Chợ Tân Thành (xã Tân Thành)	2.0
11	Chợ Cái Sơn (xã Tân Thành)	2.0
12	Chợ xã Tân Hưng (Đình Phụ Thành)	2.0
13	Chợ Tân Thuận (cầu Quản Tân Hòa)	2.0

14	Chợ xã Tân Hòa	2.0
15	Chợ Hòa Định	2.0
16	Chợ xã Vĩnh Thới	2.0
17	Chợ Thới Hòa (xã Vĩnh Thới)	2.0
18	Chợ Ngã Năm (xã Long Thắng)	2.0
19	Chợ Ngã Năm Cây Trâm (xã Long Thắng)	2.0
20	Chợ xã Long Thắng	2.0
21	Chợ Long Định (xã Long Thắng)	2.0
22	Chợ xã Định Hòa	2.0
23	Chợ xã Phong Hòa (cũ)	2.0
24	Chợ Ngã Ba Phong Hòa (mới)	2.0
25	Chợ Giao Thông (xã Phong Hòa)	2.0
II	**Khu dân cư, cụm dân cư tập trung**	
1	Cụm dân cư Định Hoà	2.0
2	Cụm dân cư Tân Thành	2.0
3	Cụm dân cư Vĩnh Thới	2.0
4	Cụm dân cư Tân Dương	2.0
5	Cụm dân cư Long Hậu	2.0
6	Cụm dân cư Long Thắng	2.0
7	Cụm dân cư Hòa Long	2.0
8	Cụm dân cư sông Hậu	2.0
9	Khu tái định cư sông Hậu	2.0
10	Cụm dân cư ấp Long Hội	2.0
11	Cụm dân cư Phong Hòa	2.0
12	Khu dân cư ấp Bình Hòa, xã Tân Hòa	2.0
13	Khu tái định cư đường ĐT 853 nối dài (đường nội bộ 7mét)	2.0
14	Tuyến dân cư kênh Họa Đồ và Bến xe mở rộng	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

10.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Giá đất từng trục lộ**	
I	**Quốc lộ, Đường tỉnh**	
1	**Quốc lộ 80**	
	- Đoạn xã Long Hậu	
	+ Ranh thị trấn - nghĩa trang liệt sĩ	2.0
	- Đoạn xã Hòa Long	
	+ Cầu Cái Sao - chùa Phước An	2.0
	+ Chùa Phước An - cầu Sáu Quốc	2.0

	+ Cầu Sáu Quốc - cầu Ban Biên	2.0
	- Đoạn xã Hòa Thành	
	+ Cầu Ban Biên - cầu Dương Hòa	2.0
	+ Cầu Dương Hòa - cầu Bà Phủ (ranh Sa Đéc)	2.0
2	**Quốc lộ 54**	
	- Đoạn xã Tân Thành	
	+ Cầu Cái Đôi - cầu Kênh Xáng	2.0
	+ Cầu Kênh Xáng - Cụm dân cư	2.0
	+ Đoạn đối diện cụm dân cư	2.0
	+ Hết cụm dân cư - cầu Tân Thành	2.0
	+ Cầu Tân Thành - cống ranh khu công nghiệp Sông Hậu	2.0
	- Cống ranh khu công nghiệp Sông Hậu - Cụm dân cư Sông Hậu	2.0
	- Cụm dân cư sông Hậu - cầu Cái Sơn	2.0
	- Đoạn xã Vĩnh Thới	
	+ Cầu Cái Sơn - cầu Cái Quýt	2.0
	+ Cầu Cái Quýt - ranh xã Tân Hòa	2.0
	- Đoạn xã Tân Hòa	
	+ Ranh xã Vĩnh Thới - cầu Ông Tính	2.0
	+ Cầu Ông Tính - cầu Cái Dứa	2.0
	+ Cầu Cái Dứa - cầu Bông Súng	2.0
	+ Cầu Bông Súng - cầu Rạch Bàu	2.0
	+ Cầu Rạch Bàu - ranh xã Định Hòa	2.0
	- Đoạn xã Định Hòa	
	+ Ranh xã Tân Hòa - cầu Rạch Da	2.0
	+ Cầu Rạch Da - cầu Cái Sâu	2.0
	+ Cầu Cái Sâu - ranh xã Phong Hòa	2.0
	- Đoạn xã Phong Hòa	
	+ Ranh xã Định Hòa - cầu kênh Lãi	2.0
	+ Cầu kênh Lãi - ranh tỉnh Vĩnh Long	2.0
3	**Quốc lộ 54 (cũ)**	
	- Đoạn xã Tân Thành (Ngã 5 - cầu Tân Thành cũ)	2.0
4	**Đường tỉnh ĐT 851**	
	- Đoạn xã Long Hậu	
	+ Ranh Thị trấn Lai Vung - kênh Xã Trì	2.0
	+ Kênh Xã Trì - cầu Thông Dông	2.0
	+ Cầu Thông Dông - cầu Phụ Thành	2.0
	- Đoạn xã Tân Thành	
	+ Ranh xã Long Hậu - cầu Phụ Thành	2.0
	+ Cầu Phụ Thành - cống Cái Ngang	2.0
	+ Cống Cái Ngang - ranh cây xăng Năm Tình	2.0

	+ Cây xăng Năm Tình - ngã 5 Tân Thành	2.0
	+ Ngã 5 Tân Thành - bến phà Chuồi	2.0
5	**Đường tỉnh ĐT 852**	
	- Đoạn xã Tân Dương	
	+ Ranh Sa Đéc - cầu Tân Dương	2.0
	+ Cầu Tân Dương - hết ranh trụ sở Uỷ ban nhân dân xã	2.0
	+ Ranh trụ sở Uỷ ban nhân dân xã - cầu Rạch Chùa	2.0
	+ Cầu Rạch Chùa - ranh huyện Lấp Vò (trừ các phía cụm dân cư)	2.0
	- Đoạn xã Long Hậu	
	+ Ranh chợ Cái Tắc - cầu Long Hậu	2.0
	+ Cầu Long Hậu - cầu Gia Vàm	2.0
	+ Cầu Gia Vàm – kênh thủy lợi đối diện nhà Ông Chín Chiến (hết phần đất ông Lê Văn Đậu thửa 8 tờ bản đồ số 53)	2.0
	+ Kênh thủy lợi đối diện nhà Ông Chín Chiến (từ phần đất ông Lê Văn Cu thửa đất số 10 tờ bản đồ số 53) - Ngã Ba Rẽ Quạt	2.0
6	**Đường tỉnh ĐT 853**	
	- Quốc lộ 54 - cầu Đòn Dong	2.0
	- Cầu Đòn Dong - Cầu kênh Giao Thông	2.0
	- Cầu kênh Giao Thông - giáp ranh huyện Châu Thành (trừ đoạn chợ Giao Thông)	2.0
	- Đoạn từ giáp Quốc lộ 54 - cầu Thông Lưu	2.0
	- Cầu Thông Lưu - Bến phà	2.0
7	**Đường vành đai Đường tỉnh ĐT 848**	2.0
II	**Huyện lộ, lộ liên xã**	
1	**Huyện lộ số 1**	
	- Đoạn xã Tân Dương	2.0
	- Đoạn xã Hòa Thành	
	+ Đoạn giáp Quốc lộ 80 đến cầu Long Thành	1.0
	+ Đoạn xã Hoà Thành còn lại	2.0
2	**Huyện lộ số 2**	
	- Đoạn xã Long Hậu	2.0
	- Đoạn xã Vĩnh Thới	2.0
	- Đoạn lộ Cải - giáp Quốc lộ 54	2.0
	- Đoạn xã Định Hòa	2.0
	- Đoạn xã Tân Hòa	2.0
3	**Huyện lộ số 3**	
	- Đoạn xã Long Thắng	2.0
	- Đoạn xã Tân Hòa	2.0
4	**Huyện lộ số 5**	

	- Đoạn xã Định Hòa	2.0
	- Đoạn xã Tân Hòa	2.0
	- Đoạn xã Phong Hoà	2.0
5	**Huyện lộ số 6**	
	- Đoạn xã Vĩnh Thới	2.0
	- Đoạn xã Hoà Long	2.0
6	**Huyện lộ Ngô Gia Tự**	
	- Đoạn xã Tân Thành	2.0
	- Đoạn xã Long Hậu	
	+ Ranh thị trấn - chợ Long Thành	2.0
	+ Chợ Long Thành - cầu Thông Dông	2.0
	- Đoạn xã Tân Phước	
	+ Đoạn cầu Rạch Miễu - Bưu điện văn hoá xã Tân Phước	1.0
	+ Đoạn xã Tân Phước còn lại	2.0
7	**Huyện lộ Phan Văn Bảy**	
	- Đoạn xã Tân Dương	2.0
8	**Huyện lộ 30 tháng 4**	
	- Đoạn xã Hòa Long	
	+ Ranh thị trấn - Ủy ban nhân dân xã Hòa Long	2.0
	+ Uỷ ban nhân dân xã Hòa Long - ranh xã Long Thắng	2.0
	- Đoạn xã Long Thắng	2.0
	- Đoạn xã Định Hòa	
	+ Ranh xã Long Thắng - chợ Định Hòa	2.0
	+ Chợ Định Hòa - giáp Quốc lộ 54	2.0
9	**Lộ Cái Chanh**	
	- Đoạn xã Hoà Long	2.0
	- Đoạn xã Long Thắng	2.0
10	**Xã Hòa Long**	
	- Đường Hộ Bà Nương (thuận) từ ranh thị trấn Lai Vung đến ranh xã Vĩnh Thới	2.0
	- Đường 27/7 (đoạn giáp huyện lộ số 6 đến cuối đoạn giáp kênh Hộ Trụ)	2.0
	- Hộ Xã Đường (nghịch) từ ranh khu hành chính - cầu Tư Lùn	2.0
	- Đường rạch Cái Sao (từ nhà ông Chiến Nguyễn đến nhà ông Đặng Văn Khê)	2.0
	- Đường kênh Họa Đồ (nghịch) từ bến xe Hòa Long – ranh Hòa Thành	2.0
11	Hộ Bà Nương từ Ranh xã Hòa Long - Huyện lộ 2 (xã Vĩnh Thới)	2.0
12	Xã Tân Thành	
	- Đường từ cầu Tân Thành - Chợ Tân Thành	2.0

B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

10.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	2.0

11. Áp dụng trên địa bàn huyện Lấp Vò

11.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ Tòng Sơn Mỹ An Hưng A	2.0
2	Chợ Đất Sét, Mỹ An Hưng B	2.0
3	Chợ ẩm thực (chợ cũ Mỹ An Hưng B)	2.0
4	Chợ Thầy Lâm	2.0
5	Chợ Định Yên	2.0
6	Chợ Chiếu Định Yên	2.0
7	Chợ Hòa Lạc, xã Định An	2.0
8	Chợ dân lập Dầu Bé Định An	2.0
9	Chợ Vàm Cống, xã Bình Thành	2.0
10	Chợ Vàm Cống (cũ) Bình Thành	2.0
11	Chợ Vĩnh Thạnh cũ	2.0
12	Chợ Mương Điều Tân Khánh Trung	2.0
13	Chợ Cai Châu (Cũ)	2.0
14	Chợ Cai Châu, xã Tân Mỹ	2.0
15	Chợ Cầu Bắc, xã Tân Mỹ	2.0
16	Chợ Nước Xoáy, xã Long Hưng A	2.0
17	Chợ Vàm Đinh, xã Long Hưng B	2.0
18	Chợ Bàu Hút, xã Bình Thạnh Trung	2.0
19	Chợ Mương Kinh, xã Hội An Đông	2.0
II	**Khu dân cư, cụm dân cư tập trung**	
1	Khu dân cư ĐT 850, xã Bình Thạnh Trung	2.0
2	Cụm dân cư Bình Hiệp 1, xã Bình Thạnh Trung	
	- Lộ loại 2	3.0
	- Các loại Lộ còn lại	2.0
3	Khu dân cư Bình Hiệp A, xã Bình Thạnh Trung	2.0
4	Khu tái định cư Tuyến công nghiệp Bắc Sông Xáng	2.0
5	Khu dân cư Chùa Ông, xã Bình Thạnh Trung	2.0

6	Khu dân cư Tòng Sơn Mỹ An Hưng A	2.0
7	Khu dân cư mở rộng chợ Đất Sét	2.0
8	Cụm dân cư Ngã Ba Tháp xã Mỹ An Hưng B	2.0
9	Khu dân cư kênh Thầy Lâm xã Mỹ An Hưng B	2.0
10	Tuyến dân cư ấp An Thuận xã Mỹ An Hưng B	2.0
11	Khu Tái định cư Mũi Tàu xã Bình Thành	2.0
12	Khu Tái định cư Cụm công nghiệp Vàm Cống	2.0
13	Khu dân cư Số 1 xã Bình Thành	2.0
14	Khu dân cư ấp Bình Hoà xã Bình Thành	2.0
15	Khu dân cư Hùng Cường xã Long Hưng A	3.0
16	Cụm dân cư Trung tâm xã Long Hưng A	3.0
17	Khu dân cư Vàm Đình - Long Hưng B	2.0
18	Cụm dân cư trung tâm xã Long Hưng B	2.0
19	Khu dân cư tái định cư Quốc lộ 54 xã Định Yên	2.0
20	Tuyến dân cư ấp An Lợi B xã Định Yên	2.0
21	Cụm dân cư Thầy Phó - Ông Đạt xã Định An	2.0
22	Cụm dân cư Bà Cả - Cái Dầu xã Định An	3.0
23	Khu Tái định cư cầu Cao Lãnh & Vàm Cống xã Định An	2.0
24	Khu Tái định cư cầu Cai Bường	2.0
25	Cụm dân cư trung tâm xã Vĩnh Thạnh	2.0
26	Tuyến dân cư 26 tháng 3 B	2.0
27	Khu Tái định cư cầu Cao Lãnh & Vàm Cống xã Tân Mỹ	2.0
28	Khu dân cư Khánh An xã Tân Khánh Trung	2.0
29	Tuyến mở thẳng từ cầu Ngã Cạy ra ĐT 848	2.0
30	Dự án diện tích đất Cua Me nước xã Tân Khánh Trung	3.0
31	Khu dân cư Sao Mai Bình Thạnh Trung	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

11.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên lộ giao thông phố	Hệ số
A	**Giá đất từng trục lộ**	
1	**Quốc lộ 80**	
	- Đoạn ranh thị trấn Lai Vung - cầu Cái Tắc	2.0
	- Đoạn cầu Cái Tắc - cầu Cai Quản	2.0
	- Đoạn cầu Cai Quản - giao lộ 849 cũ	2.0
	- Đoạn giao lộ ĐT 849 cũ - cầu Cai Bường	2.0
	- Đoạn cầu Cai Bường - nhà thờ Vĩnh Thạnh	2.0
	- Đoạn từ nhà thờ Vĩnh Thạnh - cầu Phú Diệp A	2.0
	- Đoạn Phú Diệp A - cầu Phú Diệp B	2.0

	- Đoạn từ cầu Phú Diệp B - kênh Cà Na	2.0
	- Đoạn kênh Cà Na - ranh thị trấn Lấp Vò	2.0
	- Đoạn ranh thị trấn Lấp Vò - cuối ranh kênh 26 tháng 3	2.0
	- Đoạn ranh kênh 26 tháng 3 - ngã 5 Vàm Cống (tâm vòng xuyến)	2.0
	- Đoạn ranh ngã 5 Vàm Cống - cuối phà Vàm Cống	2.0
2	**Quốc lộ 54**	
	- Đoạn giáp đường dẫn phà Vàm Cống - cầu Hoà Lạc	2.0
	- Đoạn cầu Hoà Lạc - ranh cống Ông Đạt (đối diện chợ)	2.0
	- Đoạn ranh cống Ông Đạt - cầu Bà Đội	2.0
	- Đoạn cầu Bà Đội - cầu Định Yên (đối diện chợ)	2.0
	- Đoạn cầu Định Yên - cầu Rạch Mác	2.0
	- Đoạn cầu Rạch Mác - cầu Cái Đôi (giáp ranh Lai Vung)	2.0
3	**Quốc lộ N2B**	2.0
4	**Đường tỉnh ĐT 848**	
	- Đoạn cầu Cái Tàu - mương Út Sẽ	3.2
	- Đoạn mương Út Sẽ - mương Tư Để	3.0
	- Đoạn mương Tư Để - mương Giữa (ranh xã Mỹ An Hưng B)	3.2
	- Đoạn mương Giữa - ranh bia tưởng niệm Bác Tôn	2.0
	- Đoạn ranh bia tưởng niệm Bác Tôn - cuối ranh Trường Mầm Non	2.0
	- Đoạn ranh Trường Mầm Non - cầu Kênh Thầy Lâm	3.0
	- Đoạn kênh Thầy Lâm - cống Chùa Cạn	3.0
	- Đoạn cầu rạch Chùa Cạn - cầu Cai Châu	2.0
	- Đoạn cầu Cai Châu - rạch Chùa Sâu	2.0
	- Đoạn cầu Rạch Chùa - ranh đô thị	2.0
	- Đoạn từ ranh đô thị - cầu Rạch Ruộng	2.0
5	**Đường tỉnh ĐT 849**	
	- Đoạn giáp ĐT 848 - cầu Ngã Cái	3.0
	- Đoạn cầu Ngã Cái - cầu Kênh Thầy Lâm	3.0
	- Đoạn cầu Kênh Thầy Lâm - cầu Thủ Ô	3.6
	- Đoạn cầu Thủ Ô - Quốc lộ 80 (cầu Vĩnh Thạnh cũ) hoặc Đoạn cầu Thủ Ô - giao lộ ĐT 849 với ĐT 852B	3.0
	- Đoạn từ giao lộ ĐT 849 với ĐT 852B - Quốc lộ 80 (cầu Vĩnh Thạnh mới)	2.0
6	**Đường tỉnh ĐT 852**	
	- Đoạn giáp Quốc lộ 80 - cầu Tam Bang	2.0
	- Đoạn từ cầu Tam Bang - cầu Vàm Đinh (đối diện chợ)	2.0
	- Đoạn từ cầu Vàm Đinh - giáp ranh Tân Dương	2.0
7	**Đường tỉnh ĐT 852B**	

	- Đoạn ĐH 64 - ĐH 65	2.0
	- Đoạn ĐH 65 - hết cầu Xẻo Sung	2.0
	- Đoạn cầu Xẻo Sung - ranh xã Bình Thạnh Trung, Vĩnh Thạnh	2.0
	- Đoạn ranh Bình Thạnh Trung, Vĩnh Thạnh - đường tỉnh ĐT 849	2.0
8	**Đường ĐH 64 (Huyện lộ 45)**	
	- Đoạn giáp ĐT 848 - giáp ranh xã Mỹ An Hưng A, Hội An Đông	2.0
	- Đoạn ranh xã Mỹ An Hưng A, Hội An Đông - cầu Mương Kinh	2.0
	- Đoạn cầu Mương Kinh - hết chùa Thiên Phước	2.0
	- Đoạn chùa Thiên Phước - ranh Làng (Bình Thạnh Trung)	2.0
	- Đoạn ranh Làng (Bình Thạnh Trung) - ranh trung tâm y tế huyện	2.0
	- Đoạn ranh trung tâm y tế huyện – Ngã Ba Thiên Mã (chốt Công an)	2.0
	- Đoạn từ Ngã Ba Thiên Mã (chốt Công an) - cầu Lấp Vò	2.0
9	**Đường ĐH 65 (Đường Tân Bình - Kênh Tư)**	
	- Đoạn Ngã Ba Thiên Mã (giáp lộ ĐH 64) - cầu Lấp Vò	2.0
	- Đoạn từ cầu Lấp Vò - cầu Bờ Cao	2.0
	- Đoạn từ cầu Bờ Cao - cầu Bàu Hút	2.0
	- Đoạn cầu Bàu Hút - ranh xã Bình Thạnh Trung, Vĩnh Thạnh	2.0
	- Đoạn ranh xã Bình Thạnh Trung, Vĩnh Thạnh - ranh xã Vĩnh Thạnh, Long Hưng B	2.0
	- Ranh xã Vĩnh Thạnh, Long Hưng B - đường ĐH 68	2.0
	- Đoạn cầu Mương Khai - kênh Sáu Bầu (ranh Long Hưng A- Tân Khánh Trung)	2.0
	- Đoạn kênh Sáu Bầu - kênh Cao Đài	2.0
10	**Đường ĐH 66 (Đường 26 tháng 3)**	
	- Đoạn cầu Rạch Sơn - cầu Đình	2.0
	- Cầu Đình - hết nhà ông Nguyễn Văn Động	2.0
	- Từ nhà ông Nguyễn Văn Động - cầu ranh Vĩnh Thạnh	2.0
	- Đoạn cầu ranh Vĩnh Thạnh - Quốc lộ 80	2.0
11	**Đường ĐH 66 (Đường ven sông Hậu)**	
	- Đoạn giáp phà Vàm Cống - cầu Cái Sức	2.0
	- Đoạn cầu Cái Sức - cầu Thăng Long	2.0
12	**Đường ĐH 67 (Đường 2 tháng 9)**	
	- Đoạn cầu Ngã Tháp - Vàm Lung Độn	2.0
	- Đoạn Vàm Lung Độn - cầu Bàu Hút	2.0
	- Đoạn cầu Bàu Hút - bến đò số 8	2.0
13	**Đường ĐH 67B**	

	- Cầu Ngã Cạy - Ngã Ba Tháp	2.0
	- Đoạn Ngã Ba Tháp - Ngã Ba Nông Trại	2.0
14	**Đường ĐH 68 (đường Kênh Thầy Lâm)**	
	- Đoạn tiếp giao lộ ĐT 848 - giao lộ ĐT 849	2.0
	- Đoạn tiếp giao lộ ĐT 849 - cầu Kênh Tư	2.0
	- Đoạn Kênh Tư - giáp sông Xáng Lấp Vò	2.0
	- Từ kênh Thầy Lâm - đường Vành Đai	2.0
	- Từ đường Vành Đai - đập Hùng Cường	2.0
15	**Đường ĐH 69 (Đường Cai Châu - Nước Xoáy)**	
	- Đoạn ngã ba Thân Sở - ranh Long Hưng A, Tân Mỹ	2.0
	- Đoạn ranh xã Long Hưng A, Tân Mỹ - cầu Nước Xoáy	2.0
	- Đoạn Khu dân cư Long Hưng A - Đường tỉnh ĐT 849	2.0
	- Đoạn đối diện đường số 8, 9 cụm dân cư trung tâm xã Long Hưng A	2.0
16	**Đường ĐH 70 (đường Gò Dầu - Sa Nhiên)**	
	- Đoạn Quy hoạch chợ Mương Điều - chợ cũ Tân Khánh Trung	2.0
	- Đoạn cầu chợ cũ Tân Khánh Trung - kênh ranh Tân Mỹ, Tân Khánh Trung	2.0
	- Đoạn kênh ranh Tân Mỹ, Tân Khánh Trung - Ngã Ba Thân Sở	2.0
	- Đoạn Ngã Ba Thân Sở - giao đường tỉnh ĐT 848	2.0
17	**Đường Cái Dâu Xếp Bà Vại**	
	- Đoạn Xếp Bà Vại - cầu Ranh Kênh 91 (ranh xã Bình Thành, Định An)	2.0
	- Đoạn cầu Ranh Kênh 91 (ranh xã Bình Thành, Định An) - cầu Cái Nính	2.0
18	**Đường Rạch Đất Sét**	
	- Đoạn cầu Ngã Cạy - Ngã Ba Tháp	2.0
19	**Đường Huỳnh Thúc Kháng (Ba Quyên cũ)**	
	- Đoạn ranh thị trấn Lấp Vò - cầu ranh xã Bình Thành, Định An	2.0
20	**Đường đoạn Cái Dâu - Vàm Cống**	
	- Đoạn cầu cái Sao - cầu 26 tháng 3	2.0
	- Đoạn dẫn phà Vàm Cống - cầu Hãng nước mắm cũ	2.0
	- Đoạn cầu 26 tháng 3 - Quốc lộ 80	2.0
21	Đường nối Quốc lộ 54 - Cụm công nghiệp Định An	2.0
22	Đường số 10 xã Tân Khánh Trung	2.0
23	Đường Đ18, xã Vĩnh Thạnh	2.0
24	Đường vành đai trung tâm xã Vĩnh Thạnh	2.0
25	Đường Đ9 nối dài Trung tâm xã Vĩnh Thạnh	2.0
26	Đường Đ7 nối dài Trung tâm xã Vĩnh Thạnh	
	- Đoạn từ Quốc lộ 80 - Đường Đ2	2.0

	- Đoạn từ đường Đ2 - đường Vành đai	2.0
27	Đường ĐT 848 - cồn Ông	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

11.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	2.0

12. Áp dụng trên địa bàn huyện Châu Thành

12.1. Đất Khu vực 1

STT	Tên chợ xã và khu dân cư tập trung	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Chợ xã**	
1	Chợ Nha Mân	2.0
2	Chợ Tân Bình	2.0
3	Chợ Dinh xã Tân Nhuận Đông	2.0
4	Chợ Rạch Cầu xã Tân Nhuận Đông	2.0
5	Chợ Bình Tiên (Tân Phú Trung 2)	2.0
6	Chợ Tân Phú Trung 1	2.0
7	Chợ Phú Hựu	2.0
8	Chợ An Khánh	2.0
9	Chợ An Phú Thuận	2.0
10	Chợ thực phẩm xã Tân Phú	2.0
11	Chợ Trung tâm xã Hòa Tân	2.0
12	Chợ Xẻo Mát	2.0
13	Chợ Hang Mai xã An Nhơn	2.0
II	**Khu dân cư, cụm dân cư tập trung**	
1	Cụm dân cư trung tâm xã Tân Nhuận Đông	2.0
2	Cụm dân cư trung tâm xã Hòa Tân	2.0
3	Cụm dân cư xã Hòa Tân mở rộng	2.0
4	Cụm dân cư Tân Lễ xã An Hiệp	2.0
5	Cụm dân cư xã An Hiệp	2.0
6	Cụm dân cư An Hiệp mở rộng	2.0
7	Cụm dân cư Trung tâm xã Tân Phú	2.0
8	Cụm dân cư Trung tâm xã Phú Long	2.0
9	Cụm dân cư xã Tân Phú Trung	2.0
10	Khu dân cư chợ Bình Tiên xã Tân Phú Trung	2.0
11	Cụm dân cư Xẻo Mát	2.0

12	Khu dân cư cụm công nghiệp thị trấn Cái Tàu Hạ - An Nhơn (xã An Nhơn)	2.0
13	Cụm dân cư Hang Mai xã An Nhơn	2.0
14	Cụm dân cư Xẻo Vạt xã Tân Bình	2.0
15	Cụm dân cư Kênh Mới xã An Khánh	2.0
16	Khu dân cư chợ An Khánh xã An Khánh	2.0
17	Khu tái định cư Cụm công nghiệp Tân Lập	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

12.2. Đất Khu vực 2

STT	Tên lộ giao thông phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Quốc lộ. Đường tỉnh**	
1	**Quốc lộ 80**	
	- Đoạn kênh thuỷ lợi (ranh thị trấn Cái Tàu Hạ) - đường nối vào cầu Sông Dưa)	2.0
	- Đoạn đường nối vào cầu Sông Dưa - cầu Nha Mân	2.0
	- Đoạn cầu Nha Mân - ranh xã Tân Nhuận Đông, Tân Bình	2.0
	- Đoạn ranh xã Tân Nhuận Đông, Tân Bình - ranh thành phố Sa Đéc	2.0
2	**Đường tỉnh ĐT 854**	
	- Đoạn 1: Quốc lộ 80 - hết ranh Cụm dân cư Tân Nhuận Đông	2.0
	- Đoạn 2: ranh Cụm dân cư Tân Nhuận Đông - cầu Chùa	2.0
	- Đoạn 3: Cầu Chùa - cầu ông Đại	2.0
	- Đoạn 4: Cầu ông Đại - cầu Xẻo Mát	2.0
	- Đoạn 5: Cầu Xẻo Mát - giáp ĐT 908 Vĩnh Long	2.0
3	**Đường tỉnh ĐT 853 (cũ)**	
	- Đoạn 1: Tân Phú Đông - Rạch Miễu	2.0
	- Đoạn 2: cầu Rạch Miễu - cầu Bà Nhiên	2.0
	- Đoạn 3: cầu Bà Nhiên - cầu Bà Gọ	2.0
	- Đoạn 5: đường Tân Long (từ cầu Bà Gọ - ranh xã Long Thắng)	2.0
4	**Đường Tỉnh 853 (mới)**	
	- Đoạn 1: ranh thành phố Sa Đéc - rạch Ông Sáu Đéc	2.0
	- Đoạn 2: cầu rạch Ông Sáu Đéc - cầu Cây Trượng	2.0
	- Đoạn 3: cầu Cây Trượng - ranh huyện Lai Vung	2.0
II	**Huyện lộ, lộ liên xã**	
1	Đường từ Cầu Xẻo Mát - cầu Xẻo Dời	2.0
2	Đường từ Cầu Xẻo Dời - cầu Xẻo Trầu	2.0
3	Đường Xẻo Trầu - An Phú Thuận - Thạnh Quới	

	- Đoạn ranh thị trấn Cái Tàu Hạ - cầu Rạch Ấp	2.0
	- Đoạn cầu Vàm Kinh - Lãnh Lân	2.0
	- Đoạn đường Rạch Cầu (xã Tân Nhuận Đông) - ranh xã An Khánh	2.0
4	Đường Tân Hội An Phú Thuận (nối Hương lộ 18)	2.0
5	Đường Mù U (cầu Mù U - giáp đường ĐT 854)	2.0
6	Huyện lộ Kênh Mới (từ đường ĐT 854 - ranh tỉnh Vĩnh Long)	2.0
7	Đường Bà Tơ (Hòa Tân - An Khánh)	2.0
8	Đường Tân Phú (Vàm Trại Quán - Ủy ban nhân dân xã Tân Phú)	2.0
9	Đường Gỗ Đền - Phú Long	2.0
10	Đường Rau Cần - Xã Khánh	
	- Đoạn cầu Phú Long - Ngã Sáu	2.0
	- Đoạn Ngã Sáu - ranh tỉnh Vĩnh Long	2.0
11	Đường Chùa - Trại Quán	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - rạch Bình Tiên	2.0
	- Đoạn rạch Bình Tiên - Trại Quán	2.0
12	Đường từ cầu Ngã Ba Tân Hựu - cầu Gọc Gừa	2.0
13	Đường từ cầu Ngã Ba Tân Hựu - cầu Phú Long	2.0
14	Đường Sông Tiền	
	- Đoạn bến đò cồn An Hòa (Em Ba) - ranh xã An Nhơn	2.0
	- Đoạn ranh xã An Nhơn - cầu Cái Đôi	2.0
15	Đường An Khánh - An Phú Thuận - Lộc Hoà (từ đường ĐT 854 - cầu Hàn Thẻ)	2.0
16	Đường Cần Thơ - Huyện Hàm (đoạn Ủy ban nhân dân xã Tân Phú - ranh tỉnh Vĩnh Long)	2.0
17	Đường nối ĐT 853 (cũ) - ĐT 853 (mới)	
	- Đoạn giáp đường ĐT 853 mới - ranh quy hoạch cụm dân cư chợ Bình Tiên	2.0
	- Đoạn ranh quy hoạch cụm dân cư chợ Bình Tiên - đường ĐT 853 cũ	2.0
18	Đường Rạch Ấp - Đường Cày	2.0
19	Đường Nhân Lương - Ông Tà	2.0
20	Đường Rạch Chùa - Nhân Lương (từ ĐT 854 xã Tân Thuận Đông - ĐT 854 xã Phú Hựu)	2.0
21	Đường Tầm Vu (tuyến chính), đoạn từ Ngã Năm Cây Mít - đường ĐT 853 mới	2.0
22	Đường Hội Xuân (tuyến chính)	2.0
23	Đường bờ Tây Kênh Mới (từ giáp ranh xã Phú Hựu - ranh tỉnh Vĩnh Long)	2.0

24	Đường Bà Khôi (đường Chùa - Ngã ba Bà Khôi)	2.0
25	Đường Nha Mân - Phú Long	2.0
26	Đường Cầu Khỉ, xã Tân Bình	2.0
27	Đường Lộ Tiểu Tân Xuân, xã Tân Bình	2.0
28	Đường Vàm Trại quán - Miễu trắng, xã Tân Bình	2.0
29	Điều chỉnh đường Bà Khôi, xã Tân Bình	2.0
30	Đường An Thạnh - Lãnh Lân (ranh tỉnh Vĩnh Long), xã An Phú Thuận	2.0
31	Đường Bắc - Nam rạch Xẻo Củi (ranh tỉnh Vĩnh Long), xã An Phú Thuận	2.0
32	Đường Bắc rạch Xẻo Vang, xã An Phú Thuận	2.0
33	Đường Giồng Nổi, xã Hòa Tân	2.0
34	Đường cồn Bạch Viên, xã An Nhơn	2.0
35	Đường Sông Dưa (đoạn từ Quốc lộ 80 đến cầu Sông Dưa), xã Tân Nhuận Đông	2.0
36	Đường Sông Dưa, xã Tân Nhuận Đông	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

12.3. Đất Khu vực 3

STT	Phạm vi áp dụng	Hệ số
1	Toàn huyện	2.0

Phụ lục 03

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

1./ Áp dụng trên địa bàn thành phố Cao Lãnh

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Giá đất**	
I	**Đường phố**	
	Phường 1	
1	**Đường Nguyễn Quang Diêu**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Lý Thường Kiệt	2.0
2	**Đường Đặng Văn Bình**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Trần Hưng Đạo	2.0
3	**Đường giữa Ngân hàng BIDV - Sở Lao động Thương binh và Xã hội**	2.0
4	**Đường Phạm Ngũ Lão (bên hông Công ty HIDICO)**	2.0
5	**Đường Võ Trường Toản**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Trần Hưng Đạo	2.0
6	**Đường Trương Định**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Nguyễn Đình Chiểu	2.0
	- Đoạn Nguyễn Đình Chiểu - Lý Thường Kiệt	2.0
	- Đoạn Lý Thường Kiệt – cuối tuyến (đường Đ.02 bên hông trụ sở Viettel)	2.0
7	**Đường Lê Quí Đôn**	2.0
8	**Đường Nguyễn Trường Tộ**	
	- Đoạn Trương Định - Võ Trường Toản	2.0
9	**Đường Nguyễn Văn Bảnh**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Trần Hưng Đạo	2.0
10	**Đường Nguyễn Văn Tre**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Trần Hưng Đạo	2.0
11	**Đường Trần Bình Trọng**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Trần Hưng Đạo	2.0
12	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**	
	- Đoạn Nguyễn Quang Diêu - Lê Hồng Phong	2.0
	- Đoạn Lê Hồng Phong - cuối đường	2.0
13	**Đường Trần Phú**	
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Tôn Đức Thắng	2.0
	- Đoạn Tôn Đức Thắng - Nguyễn Quang Diêu	2.0
14	**Đường Trần Hưng Đạo**	

	- Đoạn Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng	
	+ Phía trên đường	2.0
	+ Phía bờ sông	2.0
	- Đoạn Tôn Đức Thắng - Nguyễn Văn Tre	
	+ Phía trên đường	2.0
	+ Phía bờ sông	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Tre - đường 30 tháng 4	
	+ Đường nhựa mặt cắt 7m	
	_ Phía trên đường	2.0
	_ Phía bờ sông	2.0
	+ Đường nhựa mặt cắt 3,5m	
	_ Phía trên đường	2.0
	_ Phía bờ sông	2.0
	+ Đường nhánh tổ 23, 24	
	_ Đoạn Trần Hưng Đạo - đường 30 tháng 4	2.0
15	**Đường Lê Hồng Phong**	2.0
16	**Phố chợ Mỹ Ngãi**	2.0
17	**Đường nội bộ Sở Xây dựng**	2.0
18	**Đường Lê Thị Riêng**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Trần Hưng Đạo	2.0
19	**Đường nội bộ khu Tái định cư Phường 1 (khu 1, 2, 3)**	
	- Đường 3,5m	4.0
	- Đường 5m	4.0
	- Đường 7m	4.0
20	**Khu dân cư khóm 3**	
	- Đường Lê Văn Chánh, Nguyễn Long Xảo, Lê Thị Cẩn (7m)	2.0
	- Đường Bùi Văn Dự, Phan Văn Bảy (5m)	2.0
21	**Đường cặp kênh Rạch Chùa**	
	- Đoạn Võ Trường Toản - Ngô Thì Nhậm	2.0
22	**Đường Lê Văn Tám**	2.0
23	**Đường nội bộ Công ty Sao Mai An Giang**	2.0
24	**Đường Lê Văn Chánh**	
	- Đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Trần Phú	2.0
25	**Đường 26 tháng 3**	
	- Đoạn Tôn Đức Thắng – Đặng Văn Bình	2.0
26	**Đường đan tổ 17 khóm 2**	
	- Đoạn Nguyễn Văn Tre – cuối đường	2.0
27	**Đường tổ 3 khóm 1**	
	- Đoạn Lê Quí Đôn – Trương Định	2.0

28	**Đường Dương Văn Hòa (đoạn Đặng Văn Bình - Nguyễn Quang Diêu)**	2.0
29	**Đường số 4 khu Lia 4, khóm 5 (7m)**	2.0
30	**Đường số 2, số 3, số 5, số 7, số 8, khu Lia 4, khóm 5 (5,5m)**	2.0
31	**Đường số 6 có dãy phân cách giữa, khu Lia 4, khóm 5 (14m)**	2.0
32	**Hẻm số 1 và số 2, khu Lia 4, Khóm 5**	2.0
33	**Đường đan cặp sông Cao Lãnh (đoạn Chợ Mỹ Ngãi – cầu Kênh Cụt)**	2.0
34	**Đường Đ-01 (đường bên hông Trụ sở Viettel)**	
	- Đoạn Ngô Thì Nhậm - Cuối tuyến	2.0
35	**Đường Đ-03**	
	- Đoạn Trương Định - Đường Đ-04	2.0
36	**Đường Đ-04**	
	- Đoạn Ngô Thì Nhậm - Trần Hưng Đạo	2.0
37	**Đường phía sau Trung tâm Khuyến Nông, Khuyến Ngư**	2.0
38	**Đường nhựa phía sau dãy phố Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Nguyễn Đình Chiểu	2.0
39	**Các tuyến nhựa nội bộ (Khu Shophouse Vincom)**	2.0
40	**Hẻm đường 30 tháng 4**	
	- Hẻm khu kiến ốc cục	2.0
	- Hẻm cặp hàng rào phụ nữ Tỉnh	2.0
	- Hẻm vào Bệnh viện Y học dân tộc	2.0
41	**Hẻm đường Tôn Đức Thắng gồm khu tập thể, Bệnh viện, Đài truyền hình, Sở Khoa học và Công nghệ**	2.0
	Phường 2	
42	**Đường Hùng Vương**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Nguyễn Trãi	2.0
	- Đoạn Nguyễn Trãi - Ngô Thì Nhậm	2.0
	- Đoạn Ngô Thì Nhậm - Ngô Quyền	2.0
43	**Đường Nguyễn Du**	
	- Đoạn Đốc Binh Kiều - Lý Thường Kiệt	2.0
44	**Đường Tháp Mười**	
	- Đoạn Đốc Binh Kiều - Lý Thường Kiệt	2.0
45	**Đường Lê Lợi**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Lý Thường Kiệt	2.0
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - Nguyễn Trãi	2.0
	- Đoạn Nguyễn Trãi - Ngô Quyền	2.0
46	**Đường Phan Văn Hân**	2.0
47	**Đường Hai Bà Trưng**	

	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Lợi	2.0
	- Đoạn Lê Lợi - Ngô Sĩ Liên	2.0
48	**Đường Lê Anh Xuân**	
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - Nguyễn Trãi	2.0
	- Đoạn Nguyễn Trãi - Ngô Thì Nhậm	2.0
	- Đoạn Ngô Thì Nhậm - Ngô Quyền	2.0
49	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - Võ Thị Sáu	2.0
	- Đoạn Ngô Thì Nhậm - Nguyễn Trãi	2.0
	- Đoạn Ngô Quyền - Ngô Thì Nhậm	2.0
50	**Đường Lý Tự Trọng**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Lợi	2.0
51	**Đường Võ Thị Sáu**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Lợi	2.0
52	**Đường Đỗ Công Tường**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Hùng Vương	2.0
53	**Đường Lê Thị Hồng Gấm**	
	- Đoạn Hùng Vương - Nguyễn Du	2.0
54	**Đường Nguyễn Minh Trí**	
	- Đoạn Hùng Vương - Nguyễn Du	2.0
55	**Đường Phan Đình Phùng**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Cách Mạng Tháng Tám	2.0
56	**Đường Nguyễn Tri Phương**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Cách Mạng Tháng Tám	2.0
57	**Đường Phan Chu Trinh**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Cách Mạng Tháng Tám	2.0
58	**Đường Hoàng Văn Thụ**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Cách Mạng Tháng Tám	2.0
59	**Đường Hoàng Hoa Thám**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Cách Mạng Tháng Tám	2.0
60	**Đường Bùi Thị Xuân**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Cách Mạng Tháng Tám	2.0
61	**Đường Đống Đa**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - cuối đường	2.0
62	**Đường Bà Triệu (đoạn Phường 2)**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Nguyễn Đình Chiểu	2.0
63	**Đường Lý Công Uẩn**	
	- Đoạn Cách Mạng Tháng Tám - Hai Bà Trưng	2.0
64	**Đường Chu Văn An**	
	- Đoạn Cách Mạng Tháng Tám - Hai Bà Trưng	2.0

65	**Đường Tô Hiến Thành**	
	- Đoạn Cách Mạng Tháng Tám - Hai Bà Trưng	2.0
66	**Đường Lê Văn Hưu**	
	- Đoạn Cách Mạng Tháng Tám - Hai Bà Trưng	2.0
67	**Đường Ngô Sĩ Liên**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Nguyễn Đình Chiểu	2.0
68	**Đường Đoàn Thị Điểm**	
	- Đoạn Nguyễn Tri Phương - Hoàng Văn Thụ	2.0
69	**Đường Tôn Thất Tùng**	
	- Đoạn Cách Mạng Tháng Tám - Đốc Binh Kiều	2.0
70	**Đường Hồ Tùng Mậu**	
	- Đoạn Lê Lợi - cuối đường	2.0
71	**Đường đan cặp Trường Tiểu học Chu Văn An**	2.0
72	**Đường Trần Quang Khải**	
	- Đoạn Nguyễn Văn Trỗi - Lê Anh Xuân	2.0
73	**Các hẻm nhỏ cắt các đường thuộc Phường 2 gồm: Nguyễn Huệ, Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Huệ - Lê Lợi), Đốc Binh Kiều, cạnh nhà sách Nguyễn Văn Cừ, Đỗ Công Tường, Lý Thường Kiệt**	2.0
74	**Hẻm 220 đường Nguyễn Huệ** (ngang trường Trung học phổ thông thành phố Cao Lãnh)	2.0
75	**Hẻm Rạch Thợ Bạc**	2.0
76	**Hẻm Tổ 36 khóm 3**	2.0
77	**Hẻm Tổ 32 đến 36 khóm 3**	2.0
	Phường 3	
78	**Đường Phạm Nhơn Thuần**	
	- Đoạn Ngô Quyền - Cách Mạng Tháng Tám	2.0
79	**Đường Chi Lăng**	
	- Đoạn Ngô Quyền - Nguyễn Trãi	2.0
	- Đoạn Nguyễn Trãi - đường số 18	2.0
80	**Các đường cắt ngang đường Nguyễn Trãi**	2.0
81	**Khu dân cư Phường 3**	
	- Đường 3,5m	2.0
	- Đường Phan Thị Huỳnh, Trần Văn Thưởng, Phan Thị Thoại, Huỳnh Văn Ninh, Bùi Văn Chiêu (5,5m)	2.0
	- Đường Chi Lăng, Nguyễn Trãi, Phạm Thị Uẩn, Lê Thị Hường, Nguyễn Văn Mười, Bà Triệu (7m)	2.0
82	**Các đường đá Phường 3**	2.0
83	**Các tuyến đường đan Khóm Mỹ Phước**	2.0
84	**Đường nhựa Rạch Miễu – Rạch Bãi**	

	- Đoạn Cách Mạng Tháng Tám - Ngô Quyền	2.0
	- Đoạn đường nhánh Rạch Miễu - Ngô Quyền	2.0
85	**Đường nhựa Rạch Miễu – Rạch Bãi bờ trên**	
	- Đoạn Ngô Quyền - Cuối tuyến	2.0
86	**Đường nhựa Thông Lưu**	
	- Đoạn Cách Mạng Tháng Tám – Ngô Quyền	2.0
87	**Đường nhựa kênh ngang**	
	- Đoạn Cách Mạng Tháng Tám - Ngô Quyền	2.0
88	**Đường kênh Xáng ngoài, các hẻm nhỏ khu bùng binh**	2.0
89	**Đường Bà Triệu (đoạn Phường 3)**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - giáp Nguyễn Đình Chiểu	2.0
90	**Đường số 3**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - Ngô Thì Nhậm	2.0
91	**Đường số 4**	2.0
92	**Đường số 18**	2.0
93	**Đường số 17**	2.0
94	**Đường số 7**	2.0
95	**Đường 2A**	2.0
96	**Đường 2B**	2.0
	Phường 4	
97	**Đường Nguyễn Văn Cừ**	2.0
98	**Đường Phùng Hưng**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - Thiên Hộ Dương	2.0
99	**Đường Bùi Văn Kén**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - Trần Thị Nhượng	2.0
100	**Đường Phan Đình Giót**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - Thiên Hộ Dương	2.0
101	**Đường Trần Thị Thu**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - Thiên Hộ Dương	2.0
	- Đoạn Thiên Hộ Dương - Trần Thị Nhượng	2.0
	- Đoạn Trần Thị Nhượng - Đinh Bộ Lĩnh	2.0
102	**Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm**	2.0
103	**Đường Nguyễn Công Trứ**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Nguyễn Thái Học	2.0
104	**Đường Trần Thị Nhượng**	3.0
105	**Đường Lê Văn Đáng**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Nguyễn Thái Học	2.0
106	**Đường Bà Huyện Thanh Quan**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Giáp xã Hoà An	2.0
107	**Đường Cao Thắng**	

	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Nguyễn Thái Học	2.0
108	**Đường đan rạch Ba Khía**	2.0
109	**Đường Lê Văn Sao**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Nguyễn Bỉnh Khiêm	2.0
110	**Đường nội bộ Trung tâm Văn hoá Tỉnh (3,5m)**	
	- Đường số 1 (đoạn Hẻm tổ 18, khóm 3 - Nguyễn Bỉnh Khiêm)	2.0
	- Đường số 2 (đoạn Thiên Hộ Dương - Đường số 1 Trung tâm văn hóa)	2.0
111	**Đường nội bộ Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc**	
	- Đường số 1 (đoạn Phạm Hữu Lầu - Cao Thắng) (5,5m)	2.0
	- Đường số 2 (đoạn Phạm Hữu Lầu - Lê Văn Đáng) (5,5m)	2.0
	- Đường số 3 (đoạn Lê Văn Hoanh - Nguyễn Thái Học) (9,0m)	2.0
	- Đường Nguyễn Văn Sành (đoạn Đường số 2 - Nguyễn Thái Học) (9,0m)	2.0
	- Đường Lê Văn Hoanh (đoạn Đường số 1 - Nguyễn Văn Sành) (9,0m)	2.0
	- Đường Lê Văn Giáo (đoạn Cao Thắng - Lê Văn Đáng) (10,5m)	2.0
112	**Đường Trần Tế Xương**	2.0
113	**Đường Bùi Hữu Nghĩa**	2.0
114	**Đường Phùng Hưng 2 (đoạn Phan Đình Giót - Bùi Văn Kén)**	2.0
115	**Đường Lia 6A (đoạn Phùng Hưng 2 - Nguyễn Văn Cừ)**	2.0
116	**Hẻm số 9**	
	- Đoạn Trần Thị Nhượng - Cuối đường	2.0
117	**Đường số 3**	
	- Đoạn Trần Thị Thu - Cuối đường	2.0
118	**Đường tổ 38, khóm 4**	2.0
119	**Đường tổ 18, khóm 3**	2.0
	Phường 6	
120	**Đường nhựa từ bến phà Cao Lãnh đến cầu Long Sa**	2.0
121	**Đường Văn Tấn Bảy**	2.0
122	**Đường đan tổ 34, 35, 36**	2.0
123	**Đường đan tổ 37, 38**	2.0
124	**Đường vào khu tập thể trường Đại học Đồng Tháp**	2.0
125	**Đường vào trường Thực hành Sư phạm**	2.0
126	**Khu phố chợ Tân Việt Hoà**	2.0
127	**Khu phố chợ Tân Tịch**	2.0
128	**Đường An Nhơn**	2.0
129	**Các đường đất cắt đường Phạm Hữu Lầu**	2.0

130	**Đường Cái Tôm**	
	- Đoạn đường đan đi Phường 6 - cầu Cái Tôm trong	2.0
131	**Đường nhựa ấp chiến lược**	2.0
132	**Các đường đan Phường 6**	2.0
133	**Đường nhựa vào Trường Trung học cơ sở Phạm Hữu Lầu**	2.0
134	**Đường nhựa tổ 16, 17**	2.0
135	**Đường Cầu Đôi khóm 6**	2.0
136	**Đường vào Trường Tiểu học Phan Chu Trinh**	2.0
137	**Đường Tân Việt Hoà**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu – cầu Bà Bảy	3.0
138	**Đường ven sông Cao Lãnh**	
	- Đoạn Cầu Cái Tôm trong - Giáp xã Tịnh Thới	2.0
139	**Đường đất từ chợ Tân Tịch đến sau hậu Tỉnh Đội**	2.0
140	**Khu tái định cư Nhà ở sinh viên tập trung khu vực thành phố Cao Lãnh**	
	- Đường 7m	2.0
	- Đường 9m	2.0
	- Đường 21m	2.0
141	**Đường Miễu Ngói (đoạn Phạm Hữu Lầu - giáp tổ 34)**	2.0
142	**Đường Miễu Ngói (đoạn Phạm Hữu Lầu – giáp Tịnh Thới)**	2.0
143	**Đường tại Khu ký túc xá Sinh viên**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Khu tái định cư Nhà ở Sinh viên (cặp hàng rào Tỉnh đội)	2.0
	- Đoạn Khu tái định cư Nhà ở Sinh viên – đường đi xã Tịnh Thới	2.0
144	**Đường Lia 16, Phường 6**	
	- Đường nhựa đi vào Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương	2.0
	- Đường đan Tổ 48	2.0
145	**Khu tái định cư dự án Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, thành phố Cao Lãnh**	
	- Đường 15 m	2.0
	- Đường 9 m	2.0
	- Đường 7,5 m	2.0
	- Đường 5,5 m	2.0
146	**Đường bờ bắc sông Tiền**	2.0
	Phường 11	
147	**Đường cặp mé sông Cao Lãnh**	
	- Đoạn chợ Trần Quốc Toản - cầu Đạo Nằm	3.0

	- Đường qua Tân Thuận Tây đến cuối đường	3.0
148	**Đường tổ 55, 56 (sau đường 30 tháng 4)**	
	- Đoạn qua Tân Thuận Tây - cuối đường	3.0
149	**Đường tổ 59, 60, 61, 62**	
	- Đoạn qua Tân Thuận Tây - cuối đường	3.0
150	**Đường Nguyễn Trung Trực (đường Xí nghiệp xay xát cũ)**	
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - đường đan tổ 9, 10	3.0
	- Đoạn đường đan tổ 9, 10 - đường 30 tháng 4	3.0
151	**Đường phố chợ Trần Quốc Toản**	3.0
152	**Đường từ đường 30 tháng 4 - cầu chợ Trần Quốc Toản**	3.0
153	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - giáp xã Mỹ Ngãi	3.0
154	**Cụm dân cư Trần Quốc Toản**	
	- Đường Nguyễn Cư Trinh, Võ Hoành, Lãnh Binh Thăng, Lưu Kim Phong, Trần Văn Phát (5m - 7m)	3.0
	- Đường 10,5 m	3.0
155	**Đường Thống Linh**	3.0
156	**Các đường đan Phường 11**	2.0
157	**Đường Kênh Mới**	
	- Đoạn giáp đường Thống Linh - cầu Đạo Dô	3.0
	- Đoạn cầu Đạo Dô – đường 30 tháng 4	3.0
158	**Đường hẻm số 3 (đoạn đường 30 tháng 4 – tiếp giáp đường Tân Định)**	2.0
159	**Đường Tân Định (đoạn Thống Linh - đường hẻm số 3)**	2.0
160	**Các tuyến đường nhựa xung quanh Khu công nghiệp Trần Quốc Toản (áp dụng giá đất bên ngoài Khu công nghiệp)**	3.0
161	**Khu lia 8 (bổ sung)**	
	- Đường 11a	3.0
	- Trục đường 11	3.0
162	**Đường nhựa tổ 27 (ngang đồn Biên phòng), Khóm 4**	3.0
163	**Đường nhựa tổ 28 (cặp đồn Biên phòng), Khóm 4**	3.0
164	**Đường nhựa từ đường Kênh Mới đến giáp xã Mỹ Ngãi**	3.0
	Phường Mỹ Phú	
165	**Đường Điện Biên Phủ**	
	- Đoạn Nghĩa trang liệt sĩ – Tôn Đức Thắng	3.0
	- Đoạn Tôn Đức Thắng – ngã tư Quảng Khánh	3.0
166	**Đường ngang Tòa án tỉnh**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - sông Đình Trung	3.0
167	**Đường Phù Đổng**	

	- Đoạn Lê Duẩn - Lê Đại Hành	3.0
	- Đoạn Lê Đại Hành - ranh xã An Bình (huyện Cao Lãnh)	3.0
168	**Khu tái định cư Mỹ Phú (Khu 1, 2, 3 xã Mỹ Trà cũ)**	
	- Đường Hàm Nghi	3.0
	- Đường Duy Tân	3.0
	- Đường Thủ Khoa Huân	3.0
	- Đường Trần Quang Diệu (đoạn Lê Duẩn - Lê Đại Hành)	3.0
	- Đường Phạm Thế Hiển	3.0
	- Đường Trần Quốc Toản	3.0
	- Đường Nguyễn Văn Tiệp	3.0
	- Đường Nguyễn Thượng Hiền	3.0
	- Đường Đinh Công Tráng	3.0
169	**Đường Tắc Thầy Cai**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Đại Hành	2.0
	- Đoạn Lê Đại Hành - ranh xã An Bình (huyện Cao Lãnh)	2.0
170	**Đường nội bộ khu 500 căn (khu A, B, C, D, E, F)**	2.0
171	**Đường Hải Thượng Lãn Ông**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - sông Cái Sao Thượng	2.0
172	**Đường Trần Tấn Quốc**	
	- Đoạn cầu Đình Trung - cuối đường	2.0
173	**Đường cặp hoa viên Nghĩa trang liệt Sĩ**	2.0
174	**Đường vào Sở Tư pháp cũ**	2.0
175	**Đường cặp hàng rào Tòa án tỉnh**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Đại Hành	2.0
176	**Đường vào cổng khán đài A, B, C Sân vận động Đồng Tháp**	3.0
177	**Khu dân cư ấp 4 Mỹ Trà**	
	- Đường Phan Văn Cử (5m)	4.0
	- Đường Lê Văn Mỹ (5m)	4.0
178	**Khu dân cư chợ Mỹ Trà**	
	- Đường Nguyễn Văn Biểu	2.0
	- Đường Đỗ Thị Đệ	2.0
	- Đường Cao Văn Đạt	2.0
	- Đường Nguyễn Doãn Phong	2.0
	- Đường số 5 (7m)	2.0
179	**Khu dân cư nhà ở công vụ**	
	- Đường 3,5m	2.0
	- Đường 5m	2.0
	- Đường 7m	2.0
	- Đường 9m	2.0

180	**Đường nội bộ khu 28 căn (Khu dân cư Mỹ Trà)**	2.0
181	**Đường Phùng Khắc Khoan**	
	- Đoạn Lê Duẩn - Tôn Đức Thắng	2.0
	- Đoạn Cống 9 Đúng - cuối tuyến	2.0
182	**Đường 3,5m cắt đường Trần Quang Diệu (đoạn Lê Duẩn - Duy Tân)**	2.0
183	**Đường Trương Hán Siêu**	
	- Đoạn Tôn Đức Thắng - Trần Quang Diệu	2.0
	- Đoạn Trần Quang Diệu - Khán đài A	2.0
184	**Khu dân cư Mỹ Phú**	
	- Đường số 1 (đoạn Nguyễn Thái Bình - cuối tuyến)	2.0
	- Đường số 2 (đoạn Hồ Biểu Chánh - cuối tuyến)	2.0
	- Đường số 3 (đoạn Mạc Đỉnh Chi - cuối tuyến)	2.0
	- Đường Nguyễn Thái Bình (đoạn Mạc Đỉnh Chi - cuối tuyến)	2.0
	- Đường Hồ Biểu Chánh (đoạn Mạc Đỉnh Chi - cuối tuyến)	2.0
	- Đường nội bộ còn lại	2.0
185	**Khu liên hợp Thể dục thể thao**	
	- Đường số 02	2.0
	- Đường số 03	2.0
	- Đường số 04	2.0
186	**Đường cặp hông Trường lái kết nối xã An Bình, huyện Cao Lãnh**	
	- Đoạn Lê Đại Hành - kết nối xã An Bình, huyện Cao Lãnh	2.0
187	**Đường Lê Đại Hành**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Phù Đổng	3.0
	- Đoạn Phù Đổng - cầu Quảng Khánh	3.0
	Phường Hoà Thuận	
188	**Đường Lê Văn Cử**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - Hoà Đông	2.0
	- Đoạn Hoà Đông - Hoà Tây	2.0
189	**Đường Võ Văn Trị (đường số 1)**	2.0
190	**Đường nội bộ Khu tập thể Sở Kế hoạch - Đầu tư (2 tuyến)**	2.0
191	**Đường Hoà Đông**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - cầu Sắt Vỹ	2.0
192	**Huỳnh Thúc Kháng**	
	- Đoạn Hòa Đông - giáp xã Hòa An	2.0
193	**Khu tái định cư trường Cao đẳng Cộng đồng**	
	- Đường mặt cắt 5,5 mét	2.0
	- Đường mặt cắt 7 mét	2.0
	- Đường mặt cắt 10,5 mét	2.0

	- Đường mặt cắt 12 mét	2.0
	- Đường mặt cắt 25 mét	2.0
194	**Đường Tôn Đức Thắng nối dài (đoạn Nguyễn Thái Học – Thiên Hộ Dương)**	2.0
195	**Đường đan Rạch Cái Sơn**	2.0
196	**Đường đan Lò rèn**	2.0
197	**Đường đan hàng me (khu chuồng bò)**	2.0
198	**Đường Lia 10B**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - Tôn Đức Thắng	2.0
	- Đoạn Tôn Đức Thắng - Hòa Đông	2.0
	Xã Mỹ Tân	
199	**Đường cắt ngang khu tập thể Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - cuối đường	2.0
200	**Đường Ông Thợ**	
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - cầu Ông Thợ	2.0
201	**Đường đan ấp Chiến lược**	2.0
202	**Đường ông Cả (đoạn 30 tháng 4 - Cái Sao)**	2.0
203	**Đường vào Trường Trung học Mỹ Tân (đoạn Ông Thợ - cuối đường)**	2.0
II	**Các tuyến đường liên xã, phường**	
204	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn Cầu Đúc - Cầu Đình Trung	4.0
	- Đoạn Cầu Đình Trung - cống Tắc Thầy Cai	3.0
	- Đoạn Cống Tắc Thầy Cai - giáp ranh huyện Cao Lãnh	3.0
205	**Đường 30 tháng 4**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng	3.0
	- Đoạn Tôn Đức Thắng - cầu Kênh Cụt	3.0
	- Đoạn Cầu Kênh Cụt - cầu Đạo Nằm	3.0
	- Đoạn Cầu Đạo Nằm - Nguyễn Trung Trực	3.0
	- Đoạn Nguyễn Trung Trực - cống (Đồn Biên phòng)	3.0
	- Đoạn Cống (Đồn Biên phòng) - kênh Ông Kho	3.0
206	**Đường Cách Mạng Tháng Tám**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Lợi	2.0
	- Đoạn Lê Lợi - cầu Xáng	2.0
	- Đoạn Cầu Xáng - cầu Ông Cân	2.0
	- Đoạn Cầu Ông Cân - Kênh Ngang	2.0
	- Đoạn Kênh Ngang - Nhà máy xử lý nước thải	2.0
207	**Đường Lý Thường Kiệt**	
	- Đoạn Chi Lăng - Lê Lợi	2.0

	- Đoạn Lê Lợi - Nguyễn Huệ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng	2.0
	- Đoạn đường Sở Tư pháp - cuối tuyến	2.0
208	**Đường Tôn Đức Thắng**	
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - Trần Hưng Đạo	3.0
	- Đoạn Lê Duẩn (cầu Cái Sao Thượng) - Điện Biên Phủ	3.0
	- Đoạn Điện Biên Phủ - cuối đường	3.0
209	**Đường Ngô Quyền**	
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Lê Lợi	2.0
	- Đoạn Lê Lợi - Kênh 16	2.0
	- Đoạn Kênh 16 - cống Thông Lưu	2.0
	- Đoạn cống Thông Lưu - Nhà máy xử lý nước thải	2.0
210	**Đường Ngô Thì Nhậm**	
	- Đoạn Lê Lợi - Nguyễn Huệ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng	3.0
	- Đoạn Tôn Đức Thắng - Lê Thị Riêng	3.0
	- Đoạn Lê Lợi - đường số 3	2.0
211	**Đường Nguyễn Trãi**	
	- Đoạn Võ Trường Toản - Nguyễn Huệ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Lợi	3.0
	- Đoạn Lê Lợi - cầu Kinh 16	3.0
	- Đoạn Cầu Kinh 16 - hết trụ sở Uỷ ban nhân dân Phường 3	3.0
212	**Đường Nguyễn Thái Học**	
	- Đoạn Cầu Cái Tôm trong - Phạm Hữu Lầu (Phường 4)	2.0
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Nguyễn Thị Lựu (Phường 4)	2.0
	- Đoạn Nguyễn Thị Lựu - Hoà Đông (Hòa Thuận)	2.0
	- Đoạn Hòa Đông - Hòa Tây (Hòa Thuận)	2.0
213	**Đường Thiên Hộ Dương**	
	- Đoạn Nguyễn Bỉnh Khiêm - Phạm Hữu Lầu (Phường 4)	2.0
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Nguyễn Thị Lựu (Phường 4)	2.0
	- Đoạn Nguyễn Thị Lựu - Hòa Đông	2.0
	- Đoạn cầu Hòa Đông - đường Võ Văn Trị	2.0
214	**Đường Phạm Hữu Lầu**	
	- Đoạn cầu Đúc - cầu Cái Sâu (Phường 4)	2.0
	- Đoạn cầu Cái Sâu - cầu Cái Tôm (Phường 4)	2.0
	- Đoạn cầu Cái Tôm - bến phà Cao Lãnh (Phường 6)	2.0
215	**Đường Nguyễn Đình Chiểu**	
	- Đoạn Võ Trường Toản - Nguyễn Huệ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Lợi	3.0
	- Đoạn Lê Lợi - Ngô Sĩ Liên	3.0

	- Đoạn Ngô Sĩ Liên - Cách Mạng Tháng Tám	3.0
216	**Đường Nguyễn Thị Lựu**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - Trần Thị Nhượng	3.0
	- Đoạn Trần Thị Nhượng - Đinh Bộ Lĩnh	3.0
217	**Đường Lê Duẩn**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Phù Đổng	
	+ Phía trên đường	3.0
	+ Phía bờ sông	3.0
	- Đoạn Phù Đổng - Tôn Đức Thắng	
	+ Phía trên đường	3.0
	+ Phía bờ sông	3.0
	- Đoạn Tôn Đức Thắng - cầu Rạch Chanh	
	+ Phía trên đường	3.0
	+ Phía bờ sông	3.0
218	**Đường Bình Trị**	
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - cầu Bình Trị	3.0
219	**Đường Hoà Tây**	
	- Đoạn Nguyễn Thái Học - cầu Xẻo Bèo	2.0
220	**Đường Trần Hữu Trang**	
	- Đoạn cầu Cái Sâu - Hoà Đông	2.0
221	**Đường Cái Sao**	
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - đường Ông Thợ	2.0
	- Đoạn đường Ông Thợ - Nguyễn Chí Thanh	2.0
222	**Đường Trần Văn Năng**	
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - sông Tiền	2.0
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - giáp ranh xã Tân Nghĩa (huyện Cao Lãnh)	2.0
223	**Đường Đốc Binh Kiều**	
	- Đoạn Lê Lợi - Nguyễn Huệ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Trương Định	2.0
224	**Đường Đinh Bộ Lĩnh**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Hòa Đông	4.0
225	**Các tuyến đường Khu Tái định cư Hòa An – Phường 4**	
	- Đường 7 mét (kể cả đường Nguyễn Thị Lựu nối dài từ cầu Nguyễn Thị Lựu và đoạn nối đến đường Hòa Đông)	3.0
	- Đường 10,5 mét	3.0
	- Đường 14 mét (kể cả đoạn nối đến đường Hòa Đông)	3.0
	- Đường tiếp giáp công viên	3.0
226	**Đường kênh Chợ**	
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - Nguyễn Trãi (4-7-4)	2.0

	- Đoạn Nguyễn Trãi - Ngô Quyền (4-7-4)	2.0
227	**Đường Sở Tư pháp**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - sông Cao Lãnh	2.0
	- Đoạn Ngô Quyền - đường Tân Việt Hòa	2.0
228	**Đường đê bao ven Sông Tiền**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Khém Vườn (Phường 6)	2.0
	- Đoạn Khém Vườn - đường Hòa Đông (Hòa An)	2.0
229	**Quốc lộ N2B**	2.0
230	**Tuyến tránh Quốc lộ 30**	
	- Đoạn ranh xã Phong Mỹ - sông Quảng Khánh	2.0
	- Đoạn sông Quảng Khánh - ranh xã An Bình, phường Mỹ Phú	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

2./ Áp dụng trên địa bàn thành phố Sa Đéc

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
1	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn Xí nghiệp Sa Giang - cầu Sắt Quay	2.0
	- Đoạn cầu Sắt Quay - cầu Cái Sơn 1	2.0
	- Đoạn cầu Cái Sơn 1 - cầu Hoà Khánh	2.0
	- Đoạn cầu Hoà Khánh - Lưu Văn Lang	2.0
2	**Đường Trần Hưng Đạo**	
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - Lê Thánh Tôn	2.0
	- Đoạn Lê Thánh Tôn - Lý Thường Kiệt	2.0
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - cầu Cái Sơn 2	2.0
	- Đoạn cầu Cái Sơn 2 - cầu Sắt Quay	2.0
	- Đoạn cầu Sắt Quay - cống Cầu Kinh	2.0
	- Đoạn cống Cầu Kinh - cầu Nàng Hai	2.0
	- Đoạn cầu Nàng Hai - giáp đường tỉnh ĐT 852	2.0
3	**Đường Nguyễn Thái Học** (đoạn Trần Hưng Đạo – Hùng Vương nối dài)	2.0
4	**Đường Hùng Vương**	
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - Trần Thị Nhượng	2.0
	- Đoạn Trần Thị Nhượng - Nguyễn Văn Phát	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Phát - Trần Phú	2.0
	- Đoạn Trần Phú - cầu Cái Sơn 3	2.0
	- Đoạn cầu Cái Sơn 3 - Lý Thường Kiệt	2.0
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - Nguyễn Sinh Sắc (Phường 1)	2.0
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - Nguyễn Sinh Sắc (Phường 2)	2.0

	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - cầu Rạch Rắn	2.0
	- Đoạn cầu Rạch Rắn - Quốc lộ 80	2.0
5	**Đường Nguyễn Sinh Sắc**	
	- Đoạn từ Công an thành phố - cầu Hoà Khánh	2.0
	- Đoạn cầu Hoà Khánh - Nguyễn Tất Thành	2.0
	- Đoạn Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Thị Minh Khai	2.0
	- Đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - ranh trường Quân sự địa phương	2.0
	- Đoạn ranh trường Quân sự địa phương - Nút Giao thông (giáp Quốc lộ 80)	2.0
6	**Đường Nguyễn Tất Thành**	
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - Trần Thị Nhượng	2.0
	- Đoạn Trần Thị Nhượng - đường tỉnh ĐT 848	2.0
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - Lưu Văn Lang	2.0
7	**Quốc lộ 80 (Tuyến mới)**	
	- Đoạn Từ đường Chùa - Trạm Biến điện	2.0
	- Đoạn Trạm biến điện - cầu rạch Bình Tiên (mới)	2.0
	- Đoạn Cầu rạch Bình Tiên - Nút giao thông (tiếp giáp Nguyễn Sinh Sắc)	2.0
	- Đoạn Nút giao thông - cầu Bà Phủ	2.0
8	**Đường Cặp kho 3000 Tấn (Phường 2)**	
	- Đường hướng Đông	2.0
	- Đường hướng Tây	2.0
9	**Đường tỉnh ĐT 852**	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 848 - ngã ba (giáp Trần Hưng Đạo)	2.0
	- Đoạn Ngã ba - cầu Cao Mên	2.0
	- Đoạn cầu Cao Mên - cầu Sóng Rắn	2.0
10	**Đường tỉnh ĐT 848**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - Nguyễn Sinh Sắc	2.0
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - ngã ba Ông Thung	2.0
	- Đoạn Ngã ba Ông Thung - cầu Cái Bè	2.0
	- Đoạn cầu Cái Bè - Ông Quế	2.0
	- Đoạn Ông Quế - cầu Rạch Ruộng	2.0
	- Đoạn Quốc lộ 80 - rạch Ngã Cạy (Tân Phú Đông)	2.0
11	**Đường Lê Hồng Phong**	
	- Đoạn Hùng Vương - giáp sông	2.0
	- Đoạn giáp sông - cuối đường	2.0
12	**Đường tỉnh ĐT 853**	2.0
13	**Đường Trần Phú**	
	- Đoạn Hùng Vương - Công viên Sa Đéc	2.0

	- Đoạn Hùng Vương - cầu Sắt Quay	2.0
14	**Đường Lê Thị Hồng Gấm**	2.0
15	**Đường Lê Thị Riêng**	2.0
16	**Đường hẻm 159 (đoạn Trần Phú – Nguyễn Cư Trinh)**	2.0
17	**Đường Nguyễn Cư Trinh**	2.0
18	**Đường rạch Đình kênh Đông**	
	- Đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Cư Trinh (bờ trái + bờ phải)	2.0
	- Đoạn Nguyễn Cư Trinh – Nguyễn Sinh Sắc	2.0
19	**Đường rạch Đình kênh Tây (toàn tuyến)**	2.0
20	**Đường Trần Huy Liệu**	2.0
21	**Đường Lý Thường Kiệt**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Hùng Vương	2.0
	- Đoạn Hùng Vương - cầu Đình	2.0
	- Đoạn cầu Đình - Trần Phú	2.0
22	**Đường hẻm chùa Phổ Nguyện**	2.0
23	**Đường Nguyễn Thiện Thuật** (đoạn Trần Phú - Trần Hưng Đạo)	2.0
24	**Đường Ngô Gia Tự**	2.0
25	**Đường Hồ Tùng Mậu**	
	- Đoạn Nguyễn Tất Thành - đường tỉnh ĐT 848	2.0
26	**Đường Phạm Hữu Lầu**	
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Tất Thành	2.0
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 848 - Rạch Hai Đường	2.0
27	**Đường Trần Thị Nhượng (Tuyến mới)**	
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - đường tỉnh ĐT 848	2.0
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 848 - Ngã Am	2.0
	- Đoạn Ngã Am - giáp đường vành đai đường tỉnh ĐT 848	2.0
28	**Đường Nguyễn Văn Phát** (đoạn Trần Hưng Đạo – Tôn Đức Thắng)	2.0
29	**Đường Quan Thánh**	2.0
30	**Đường Nguyễn Trường Tộ**	2.0
31	**Đường Bà Huyện Thanh Quan** (đoạn Hùng Vương - Nguyễn Tất Thành)	2.0
32	**Đường Nguyễn Du**	2.0
33	**Đường Đồ Chiểu**	2.0
34	**Đường Hồ Xuân Hương**	2.0
35	**Đường Hoàng Diệu**	2.0
36	**Đường Phan Chu Trinh**	2.0
37	**Đường Ngô Thời Nhiệm**	2.0
38	**Đường Cái Sơn**	2.0

39	**Đường Phan Bội Châu**	
	- Đoạn Cái Sơn 1 - Cái Sơn 3	2.0
	- Đoạn Cái Sơn 3 - Cầu Đình	2.0
40	**Đường ven rạch Cái Sơn (đoạn cầu Cái Sơn 3 - cầu Đốt)**	2.0
41	**Đường Lê Thánh Tôn**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Hùng Vương	2.0
42	**Đường Trần Quốc Toản**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	2.0
43	**Đường Âu Cơ**	2.0
44	**Đường Lạc Long Quân**	2.0
45	**Đường An Dương Vương**	
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Lạc Long Quân	2.0
	- Đoạn Âu Cơ - Hùng Vương	2.0
	- Đoạn Hùng Vương - hết đường	2.0
46	**Đường cặp vách nhà trẻ Sen Hồng**	2.0
47	**Đường Nguyễn Thái Bình**	2.0
48	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	2.0
49	**Đường Tôn Đức Thắng**	
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - hết đường	2.0
50	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**	2.0
51	**Đường Đinh Hữu Thuật (đường Tư Đồng cũ)**	2.0
52	**Đường Lê Duẩn**	2.0
53	**Đường Đinh Tiên Hoàng**	2.0
54	**Đường Lưu Văn Lang**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - cầu Rạch Rắn	2.0
	- Đoạn cầu Rạch Rắn - Đinh Hữu Thuật	2.0
	- Đoạn Đinh Hữu Thuật – Nguyễn Thị Minh Khai	2.0
55	**Đường Phạm Ngũ Lão**	2.0
56	**Đường Phạm Ngọc Thạch**	
	- Đoạn dưới cầu Hoà Khánh - đường Chùa	2.0
57	**Đường Nguyễn Trung Trực**	
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - hết đường Bến xe cũ	2.0
	- Đoạn hết đường Bến xe cũ – Phạm Ngọc Thạch	2.0
58	**Đường nối từ Khu dân cư Khóm 3, Phường 2 (khu A) - rạch Bình Tiên**	2.0
59	**Đường Cao Bá Quát (từ Quốc lộ 80 đến hết đường Khu dân cư Khóm 3, Phường 2, khu B)**	2.0
60	**Đường Chùa (đoạn Quốc lộ 80 - rạch Bình Tiên)**	2.0
61	**Đường Hoàng Hoa Thám**	

	- Đoạn nhà thờ Hoà Khánh - trại cưa Trường Giang	2.0
	- Đoạn Bến Tàu - hết đường	2.0
62	**Đường Lê Lợi**	
	- Đoạn từ Cầu Sắt Quay - Vườn Hồng	2.0
	- Đoạn Vườn Hồng - đường tỉnh ĐT 848	2.0
63	**Đường Võ Văn Tần**	2.0
64	**Đường Vườn Hồng**	2.0
65	**Đường Phạm Văn Vẽ**	2.0
66	**Đường Phan Văn Út (Trần Phú nối dài)**	
	- Đoạn cầu Sắt Quay - bờ sông Tiền	2.0
	- Đoạn Phường 3 - Phường 4	2.0
67	**Đường cặp công viên Phan Văn Út**	2.0
68	**Đường Hai Bà Trưng (Phường 3)**	
	- Đoạn Phan Văn Út - Rạch Cầu Kiến	2.0
69	**Đường Nguyễn Trãi**	2.0
70	**Đường Lý Tự Trọng**	
	- Đoạn Hai Bà Trưng - bờ kè sông Tiền	2.0
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Lê Lợi	2.0
71	**Đường Lê Văn Liêm**	2.0
72	**Đường chùa Bến Tre (Phường 3)**	
	- Đoạn đường Vườn Hồng - Hoàng Sa	2.0
73	**Đường Trần Văn Voi**	2.0
74	**Đường Ngô Văn Hay**	2.0
75	**Đường Ngã Am**	
	- Đoạn Ngã Am - đường Rạch Chùa (đường nhựa)	2.0
	- Đoạn cầu Ngã Am - cuối đường (đường đan)	2.0
76	**Đường rạch Chùa (Bờ trái + phải)**	2.0
77	**Đường Cao Mên dưới (phía phường An Hoà)**	2.0
78	**Đường Đào Duy Từ**	2.0
79	**Đường Đinh Công Tráng**	
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Tất Thành (nối dài)	2.0
	- Đoạn Nguyễn Tất Thành - Hồ Tùng Mậu	2.0
	- Đoạn Hồ Tùng Mậu - Trần Phú	2.0
80	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	2.0
81	**Đường Bùi Thị Xuân**	2.0
82	**Đường rạch Thông Lưu**	2.0
83	**Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm**	2.0
84	**Đường Nguyễn Khuyến**	2.0
85	**Đường Đoàn Thị Điểm**	2.0
86	**Đường Hoa Sa Đéc**	2.0

87	**Đường Trần Quang Khải**	2.0
88	**Đường Cao Thắng**	2.0
89	**Đường Thủ Khoa Huân**	2.0
90	**Đường Thiên Hộ Dương**	2.0
91	**Đường Phùng Khắc Khoan**	2.0
92	**Đường Phạm Hồng Thái**	2.0
93	**Đường Ngô Quyền**	2.0
94	**Đường Trần Khánh Dư**	2.0
95	**Đường đê bao số 8**	2.0
96	**Đường Cai Dao trên** (đoạn cầu Cai Dao – Phan Thành Chánh)	2.0
97	**Đường Thi Sách**	
	- Đoạn cầu Cai Dao – nhà ông Phan Ngọc Hùng	2.0
	- Đoạn cầu Cai Dao – nhà ông Lê Văn Mỹ	2.0
98	**Đường Nguyễn An Ninh**	2.0
99	**Các đường phố trong khu dân cư khóm 3, Phường 1**	2.0
100	**Đường Tôn Thất Tùng**	2.0
101	**Khu dân cư Trung tâm thương mại thành phố Sa Đéc**	
	- Đường rộng 9,5mét - 10,5mét	2.0
	- Đường rộng 7mét	2.0
	- Đường rộng 5mét	2.0
102	**Đường Nguyễn Hữu Cảnh**	2.0
103	**Các đường phố trong khu dân cư khóm Hoà Khánh, Phường 2**	2.0
104	**Các đường phố khu dân cư khóm 3, Phường 2 (khu B)**	2.0
105	**Đường Trương Định**	2.0
106	**Khu dân cư đất công Phường 2**	2.0
107	**Các đường phố trong khu dân cư khóm 3, Phường 3**	2.0
108	**Đường nội bộ khu tái định cư Phường 4**	2.0
109	**Các đường phố trong khu dân cư Tân Hoà**	2.0
110	**Đường Phan Đình Phùng**	2.0
111	**Các đường phố trong khu dân cư Tân Thuận**	2.0
112	**Khu dân cư chợ Nàng Hai**	2.0
113	**Các đường phố trong khu dân cư Rạch Rẫy**	2.0
114	**Đường phía sau Trường Trung học phổ thông thành phố Sa Đéc**	2.0
115	**Đường hẻm 103 Lý Thường Kiệt**	2.0
116	**Đường Nguyễn Văn Phối**	2.0
117	**Đường cặp Văn phòng khóm Hòa An**	
	- Đoạn Khu dân cư khóm 3, Phường 2 (B) - Phạm Ngọc Thạch	2.0

	- Đoạn đường đan cặp Khu dân cư khóm 3, Phường 2	2.0
118	**Đường cặp Bệnh viện Sa Đéc (**đoạn Phạm Ngọc Thạch - Công ty Xổ số kiến thiết Đồng Tháp)	2.0
119	**Đường Hoàng Sa (Phường 3)**	2.0
120	**Đường Trường Sa (Phường 4)**	2.0
121	**Đường Võ Trường Toản** (đoạn đường tỉnh ĐT 848 - Nguyễn Sinh Sắc)	2.0
122	**Đường hẻm tổ 10 (hẻm Công Bằng)**	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 848 - rạch Bà Bóng	2.0
	- Phía bên kia rạch	2.0
123	**Đường rạch Hai Đường**	
	- Đoạn Đào Duy Từ - nhà ông Trần Văn Be	2.0
	- Đoạn nhà ông Trần Văn Be - cầu Hai Đường	2.0
124	**Khu dân cư Ngân hàng Nông nghiệp cũ (phường An Hòa)**	2.0
125	**Đường vành đai đường tỉnh ĐT 848**	
	- Khu vực xã Tân Khánh Đông	2.0
	- Khu vực phường Tân Quy Đông	2.0
	- Khu vực xã Tân Quy Tây	2.0
	- Khu vực phường An Hòa	2.0
	- Khu vực xã Tân Phú Đông	2.0
126	**Đường nội bộ Khu dân cư đô thị** (Cụm tiểu thủ công nghiệp cũ)	2.0
127	**Đường nội bộ khu dân cư Dân lập** (toàn bộ Khu dân cư Ngô Thị Thuý Vân)	2.0
128	**Đường vào khu liên hợp Thể dục thể thao**	2.0
129	**Đường nối cảnh quan kè Sông Tiền** (đoạn Hoàng Sa - Võ Văn Tần)	2.0
130	**Đường vào khu hành chính xã Tân Quy Tây**	2.0
131	**Đường kênh Rạch Rẫy**	2.0
132	**Đường Võ Phát**	2.0
133	**Đường rạch Hai Đường bờ trái**	
	- Đoạn cầu Hai Đường - kênh KCI	2.0
134	**Đường Kênh Thanh Niên (đoạn Nguyễn Sinh Sắc - Lưu Văn Lang)**	2.0
135	**Đường Hoàng Sa (Phường Tân Quy Đông)**	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 848 - Ngã ba giáp đường Bùi Thị Xuân	2.0
	- Đoạn Ngã ba giáp đường Bùi Thị Xuân - Giáp ranh Phường 3	2.0
136	**Đường Rạch Trâm Bầu (phường An Hòa)**	2.0
137	**Đường Ô bao số 10 (Kênh rạch Ông Hộ đoạn đường Đào Duy Từ - giáp xã Hòa Thành) phường An Hòa**	2.0

138	**Đường hẻm tổ 17 khóm Tân Bình (đường Ngã Am - đường Trần Thị Nhượng) phường An Hòa**	2.0
139	**Đường hẻm tổ 19 khóm Tân Bình (đường Rạch Chùa bờ trái – đường Trần Thị Nhượng) (phường An Hòa)**	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

3./ Áp dụng trên địa bàn thành phố Hồng Ngự

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
1	**Đường Lê Lợi**	
	- Đoạn Hùng Vương - Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Văn Cừ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Cừ - Võ Văn Kiệt	2.0
2	**Đường Nguyễn Trãi**	
	- Đoạn Hùng Vương - Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Văn Cừ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Cừ - Võ Văn Kiệt	2.0
3	**Đường Hùng Vương**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - cầu Hồng Ngự	2.0
	- Đoạn cầu Hồng Ngự - cầu Mười Xình	4.0
	- Đoạn cầu Mười Xình - cầu Mương Lớn	2.0
4	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn Hùng Vương - Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Võ Văn Kiệt	2.0
	- Đoạn Võ Văn Kiệt - cầu 2 tháng 9	2.0
5	**Đường Thiên Hộ Dương**	2.0
6	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**	
	- Đoạn Hùng Vương - Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Văn Cừ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Tất Thành	2.0
	- Đoạn Nguyễn Tất Thành - Lê Duẩn	2.0
7	**Đường Lê Hồng Phong**	
	- Đoạn Hùng Vương – Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Tất Thành	2.0
	- Đoạn Nguyễn Tất Thành - Lê Duẩn	2.0
8	**Đường 01 tháng 06**	3.0
9	**Đường 22 tháng 12**	3.0
10	**Đường Lý Thường Kiệt**	3.0
11	**Đường Trần Hưng Đạo**	

	- Đoạn Nguyễn Văn Trỗi - Nguyễn Thị Minh Khai	3.0
	- Đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Hồng Phong	3.0
	- Đoạn Lê Hồng Phong - Nguyễn Huệ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - đường 30 Tháng 4	3.0
	- Đoạn đường 30 tháng 4 - cầu Tân Hội	3.0
12	**Đường Chu Văn An**	
	- Đoạn Hùng Vương - Ngô Quyền	2.0
	- Đoạn Ngô Quyền - Lý Thường Kiệt	2.0
13	**Đường Ngô Quyền**	
	- Đoạn Nguyễn Văn Trỗi - Thiên Hộ Dương	2.0
	- Đoạn Thiên Hộ Dương - Thoại Ngọc Hầu	2.0
14	**Đường Nguyễn Đình Chiểu**	
	- Đoạn Lê Lợi - Nguyễn Thị Minh Khai	4.0
	- Đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Nguyễn Văn Trỗi	4.0
15	**Đường Phan Chu Trinh**	4.0
16	**Đường Phan Bội Châu**	
	- Đoạn Lê Hồng Phong - Nguyễn Huệ	4.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - 30 tháng 4	4.0
17	**Đường Trương Định**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - Lê Hồng Phong	3.0
	- Đoạn Lê Hồng Phong - Nguyễn Huệ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - đường Mương Nhà Máy	3.0
18	**Đường Võ Thị Sáu**	
	- Đoạn Hùng Vương - Trần Hưng Đạo	4.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Tất Thành	4.0
	- Đoạn Nguyễn Tất Thành - Lê Duẩn	4.0
19	**Đường Lê Thị Hồng Gấm**	
	- Đoạn Hùng Vương - Trần Hưng Đạo	4.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Văn Cừ	4.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Tất Thành	4.0
	- Đoạn Nguyễn Tất Thành - Lê Duẩn	4.0
20	**Đường Phạm Hùng Dũng**	4.0
21	**Đường Sở Thượng**	3.0
22	**Đường Thoại Ngọc Hầu**	
	- Đoạn phường An Thạnh	4.0
	- Đoạn trụ cuối thanh chắn bảo vệ chân cầu Sở Thượng - cầu Xả Lũ (đầu dưới cuối Cụm dân cư Trung tâm phường An Lạc)	4.0
	- Đoạn đường đan (đi Thường Thới Hậu A) - trụ cuối thanh chắn bảo vệ chân cầu Sở Thượng	4.0
	- Đoạn cầu Xả Lũ (đầu trên) - cầu Trà Đư	4.0

	- Tuyến dân cư ấp 5 (đường tỉnh ĐT 841)	4.0
23	**Đường Nguyễn Tất Thành**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng	4.0
	- Đoạn Ranh Cụm dân cư An Thành - Phan Văn Cai	4.0
24	**Đường 30 tháng 4**	
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - Trần Hưng Đạo	4.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - đường đan sông Sở Hạ	4.0
25	**Đường Võ Văn Kiệt**	
	- Đoạn Lê Thị Hồng Gấm - Nguyễn Thị Minh Khai	4.0
	- Đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Hồng Phong	4.0
	- Đoạn Lê Hồng Phong - Nguyễn Huệ	4.0
26	**Đường Nguyễn Văn Cừ**	
	- Đoạn Lê Thị Hồng Gấm - Nguyễn Thị Minh Khai	4.0
	- Đoạn Nguyễn Thị Minh Khai - Nguyễn Huệ	4.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Mương Nhà máy	4.0
27	**Đường Điện Biên Phủ**	
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Võ Văn Kiệt	4.0
	- Đoạn Võ Văn Kiệt - Lê Duẩn	4.0
28	**Đường Đinh Tiên Hoàng**	4.0
29	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	4.0
30	**Đường Hoàng Việt**	4.0
31	**Đường 8 tháng 3**	4.0
32	**Đường 3 tháng 2**	4.0
33	**Đường Trần Văn Lẩm**	4.0
34	**Đường Bùi Văn Châu**	4.0
35	**Đường Nguyễn Văn Thợi**	4.0
36	**Đường Nguyễn Văn Bảnh**	4.0
37	**Đường Lê Duẩn**	4.0
38	**Đường Hai Bà Trưng**	4.0
39	**Đường Bà Triệu**	4.0
40	**Đường Âu Cơ**	4.0
41	**Đường Lạc Long Quân**	4.0
42	**Đường Phan Đình Phùng**	4.0
43	**Đường Lê Văn Tám**	4.0
44	**Đường Phan Đình Giót**	4.0
45	**Đường Kim Đồng**	4.0
46	**Đường Tôn Thất Thuyết**	4.0
47	**Đường Nguyễn Đức Cảnh**	4.0
48	**Đường Phan Đăng Lưu**	4.0
49	**Đường Nguyễn Văn Linh**	

	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn Văn Cừ	4.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Cừ - Võ Văn Kiệt	4.0
	- Đoạn Võ Văn Kiệt - Hai Bà Trưng	4.0
	- Đoạn Hai Bà Trưng - Lê Duẩn	4.0
50	**Đường Nguyễn Trung Trực**	4.0
51	**Đường Hoàng Văn Thụ**	4.0
52	**Đường Nguyễn Thị Lựu**	4.0
53	**Đường Bùi Thị Xuân**	4.0
54	**Đường Lê Lai**	4.0
55	**Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa**	
	- Đoạn Hoàng Văn Thụ - Nguyễn Văn Cừ	4.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Tất Thành	4.0
	- Đoạn Nguyễn Tất Thành - Lê Duẩn	4.0
56	**Đường Nguyễn Thái Học**	4.0
57	**Đường Trần Quốc Toản**	4.0
58	**Đường Hoàng Hoa Thám**	4.0
59	**Đường Ngô Gia Tự**	4.0
60	**Đường Phạm Hữu Lầu**	4.0
61	**Đường Lý Tự Trọng**	4.0
62	**Đường Tôn Đức Thắng (đường Khu Hành chính)**	4.0
63	**Đường An Thành**	
	- Đoạn cầu Mương nhà máy - cầu Tân Hội	4.0
64	**Đường Mương Nhà máy (đường Bờ Bắc Mương Nhà Máy)**	
	- Đoạn đường đan sông Sở Thượng - Trần Hưng Đạo	4.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - đường đan sông Sở Hạ	4.0
65	**Đường Tân Thành - Lò Gạch**	
	- Đoạn Cầu Tân Hội - Nguyễn Huệ	4.0
66	**Đường Trần Phú**	
	- Đoạn Cầu Hồng Ngự - Trụ sở Khối vận	4.0
	- Đoạn Trụ sở Khối vận - ranh ngoài Thị đội	4.0
	- Đoạn ranh ngoài Thị đội - kênh Kháng chiến 2	4.0
	- Đoạn kênh Kháng Chiến 2 - Kháng Chiến 1 (An Bình A)	4.0
	- Đoạn kênh Kháng Chiến 1 - kênh 3 Ánh (An Bình B)	4.0
	- Đoạn kênh 3 Ánh - kênh Thống Nhất (An Bình B)	4.0
67	**Cụm dân cư An Thành**	
	- Đường Võ Trường Toản (đường số 1)	4.0
	- Đường Nguyễn Quang Diêu (đường số 2)	4.0
	- Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường số 4)	4.0
	- Đường Nguyễn Văn Phấn (đường số 6)	4.0

	- Đường Lê Quý Đôn (đường số 10)	4.0
	- Đường Tố Hữu (đường số 11)	4.0
	- Đường Xuân Diệu (đường số 12)	4.0
	- Đường Phan Văn Cai (đường số 13)	4.0
68	**Khu chỉnh trang đô thị khu 1, khóm 1, phường An Thạnh**	2.0
69	**Tuyến dân cư Tân Thành – Lò Gạch phường An Thạnh (Cụm dân cư số 1, 2, 3, 4)**	1.5
70	**Đường Nguyễn Du**	
	- Đoạn An Thành - ranh Cụm dân cư số 4	1.5
71	**Cụm dân cư An Hòa phường An Lạc**	6.0
72	**Cụm dân cư Mương ông Diệp phường An Lạc**	4.0
73	**Cụm dân cư Trung tâm phường An Lạc**	
	- Cặp đường Thoại Ngọc Hầu	4.0
	- Đối diện nhà lồng chợ	4.0
	- Các đường còn lại	4.0
74	**Cụm dân cư Cồng Cộc phường An Lạc**	4.0
75	**Cụm dân cư Cây Da phường An Lạc**	4.0
76	**Tuyến dân cư Bờ Nam kênh Tứ Thường phường An Lạc**	4.0
77	**Chỉnh trang Khu 1 phường An Lộc**	2.0
78	**Cụm dân cư Biên phòng phường An Lộc**	4.0
79	**Cụm dân cư Trung tâm phường An Lộc**	
	- Đường số 1	4.0
	- Đường Tôn Đức Thắng (đường số 2)	4.0
	- Đường Tôn Đức Thắng (đường số 3)	4.0
	- Đường số 4	4.0
	- Đường số 5	4.0
	- Đường số 6	4.0
	- Đường số 7	4.0
	- Đường số 8	4.0
	- Đường số 9	4.0
	- Đường số 10	4.0
	- Đường số 1A	4.0
	- Đường số 2A	4.0
	- Đường số 3A	4.0
	- Đường số 4A	4.0
80	**Cụm dân cư Trung tâm phường An Bình B**	3.0
81	**Tuyến dân cư Kho Bể phường An Bình B**	3.0
82	**Tuyến dân cư kênh Thống Nhất phường An Bình B**	3.0
83	**Tuyến dân cư kênh Cùng phường An Bình B**	3.0

84	**Đường rãi đá cấp phối phường An Bình B (từ kênh Ba Ánh đến cầu Kho Bể)**	3.0
85	**Đường đan**	
	- Đường đan phường An Lộc	
	+ Đoạn cầu Hồng Ngự - hết bờ kè	2.0
	+ Các đường đan còn lại	2.0
	- Các tuyến đường đan còn lại phường An Lạc	2.0
	- Đường Tuần tra biên giới phường An Lạc	2.0
	- Đường kênh Xéo An Bình (An Bình A)	2.0
	- Đường đan phường An Bình A (kể cả đường bờ bắc Mương Lớn - cống Mười Xình; đường bờ Nam Mương Lớn đoạn từ cầu kênh Xéo An Bình - Ngã tư kênh Kháng Chiến 2 (An Bình A)	2.0
	- Đoạn đường rải đá cấp phối phường An Bình B - Kênh cùng kênh ranh	2.0
86	**Đường nhựa phường An Lạc**	
	- Đoạn Tuyến dân cư Mương Ông Diệp – Kênh Tứ Thường	3.0
87	**Chợ Mương Lớn**	
	- Đường đối diện nhà lồng chợ	3.0
	- Các đường còn lại	3.0
88	**Tuyến dân cư kênh Kháng Chiến phường An Bình A**	4.0
89	**Quốc lộ 30 phường An Bình A**	
	- Đoạn Ranh Tam Nông - cách cầu Mương Lớn 300m	3.0
	- Đoạn Từ mét thứ 300 - đường đan vào Trường Tiểu học An Bình A3	3.0
	- Đoạn đường đan vào Trường Tiểu học An Bình A3 - chân cầu Mương Lớn	3.0
90	**Tuyến tránh Quốc lộ 30**	
	- Địa bàn Phường An Lộc	3.0
	- Địa bàn Phường An Bình A	3.0
91	**Đường kênh Kháng Chiến 2**	
	- Đoạn cống Mười Xình - cuối Cụm dân cư Biên Phòng	3.0
92	**Đường rải đá cấp phối kênh Kháng Chiến 2**	
	- Đoạn cống Mười Xình - kênh ranh	3.0
93	**Đường nhựa cặp kênh Kháng Chiến 1**	
	- Đoạn Trần Phú - Tuyến dân cư Kho Bể	3.0
94	**Đường rải đá cấp phối kênh Kháng Chiến 1**	
	- Đoạn Trần Phú - kênh ranh	3.0
95	**Đường nối cụm dân cư Biên phòng, phường An Lộc**	3.0
B	**Giá đất tối thiểu**	3.0

4./ Áp dụng trên địa bàn huyện Hồng Ngự

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Khu chợ**	
	Khu chợ Thường Thới	
1	**Đường Trần Anh Điền**	2.0
2	**Đường Phạm Hữu Lầu**	
	- Đoạn Nguyễn Thị Lựu - Nguyễn Văn Phối	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Phối - Trần Hữu Thường	2.0
3	**Đường Nguyễn Văn Trí**	
	- Đoạn Nguyễn Thị Lựu - Nguyễn Văn Phối	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Phối - Trần Hữu Thường	2.0
4	**Đường Nguyễn Xuân Trường**	2.0
5	**Đường Nguyễn Thị Lựu**	2.0
6	**Đường Trần Văn Lẫm**	2.0
7	**Đường Nguyễn Văn Tiệp**	2.0
8	**Đường Trần Thị Nhượng**	2.0
9	**Đường Phạm Hoàng Dũng**	2.0
10	**Đường Nguyễn Văn Bảnh**	2.0
11	**Đường Nguyễn Văn Phối**	
	- Đoạn Hùng Vương - Nguyễn Thị Lựu	2.0
	- Đoạn Nguyễn Thị Lựu - ranh đầu Khu hành chính	2.0
	- Đoạn ranh đầu Khu hành chính - Sông Tiền	2.0
12	**Đường Trần Hữu Thường**	2.0
13	**Chợ Thường Thới Tiền (chợ trung tâm)**	
	- Đường đối diện nhà lồng chợ	2.0
	- Các đường còn lại	2.0
II	**Cụm tuyến dân cư tập trung**	
	Khu trung tâm hành chính huyện	
1	**Đường Trần Phú**	4.0
2	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**	4.0
3	**Đường Lê Hồng Phong**	4.0
4	**Đường Hà Huy Tập**	4.0
5	**Đường Nguyễn Văn Cừ**	4.0
6	**Đường Nguyễn Hữu Thọ**	4.0
7	**Đường Nguyễn Lương Bằng**	4.0
8	**Đường Hồ Tùng Mậu**	4.0
9	**Đường Kim Đồng**	4.0
10	**Đường Võ Thị Sáu**	4.0

11	**Đường Trường Chinh**	4.0
12	**Đường Châu Văn Liêm**	4.0
13	**Đường Nguyễn Hữu Huân**	4.0
14	**Đường Nguyễn Thái Học**	4.0
15	**Đường Nguyễn Minh Trí**	4.0
16	**Đường Út Tịch**	4.0
17	**Đường Lê Duẩn**	4.0
18	**Đường Nguyễn Văn Linh**	4.0
19	**Đường Hùng Vương**	
	- Đoạn Mương Đồng Hòa - kênh Út Gốc	4.0
	- Đoạn kênh Út Gốc - Nguyễn Văn Phối	4.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Phối - Lê Hồng Phong	4.0
	- Đoạn Lê Hồng Phong - ranh xã Thường Phước 2	4.0
20	**Đường Võ Chí Công**	4.0
21	**Đường Phan Đăng Lưu**	4.0
22	**Đường Trần Văn Giàu**	4.0
23	**Đường Nguyễn Tất Thành**	4.0
24	**Đường Phạm Hùng**	4.0
25	**Đường Tôn Đức Thắng**	4.0
26	**Đường Lý Tự Trọng**	4.0
27	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	4.0
28	**Đường Nguyễn Viết Xuân**	4.0
29	**Đường Nguyễn Trung Trực**	4.0
30	**Đường Nguyễn Thị Định**	4.0
31	**Đường 30 tháng 4**	
	- Đoạn Nguyễn Văn Phối - Trần Hữu Thường	4.0
	- Đoạn Trần Hữu Thường - Nguyễn Văn Linh	4.0
32	**Đường Ngô Quyền**	2.0
III	**Giá đất từng trục đường**	
1	Đoạn ranh Thường Lạc - Thường Thới Tiền đến đầu cầu Trung tâm (đường tỉnh ĐT 841)	4.0
2	Đoạn đầu cầu Trung Tâm - Mương Xã Song (đường tỉnh ĐT 841)	4.0
3	Đoạn mương Xã Song - Mương Đồng Hoà (đường tỉnh ĐT 841)	4.0
4	Đường nhựa thị trấn Thường Thới Tiền	4.0
5	Đoạn Nguyễn Văn Linh - ranh xã Thường Phước 2	4.0
6	Đoạn đường ra Bến đò Mương Miễu - Tân Châu (từ đường 30 tháng 4 - Ngô Quyền)	4.0
7	Các tuyến đường đan còn lại	4.0

B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

5./ Áp dụng trên địa bàn huyện Tân Hồng

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
1	**Đường nội bộ chợ huyện Tân Hồng**	
	- Đoạn hai bên nhà lồng chợ (đường Hùng Vương - đường Huỳnh Công Chí)	2.0
	- Các đường còn lại của Khu vực chợ (trừ đoạn phía Đông giáp đường Hùng Vương - Huỳnh Công Chí)	2.0
2	**Vòng xuyến**	
	- Đoạn Quốc lộ 30 từ ngã 3 cây xăng - cầu Đúc mới	2.0
	- Đoạn vòng xuyến - Nguyễn Huệ	2.0
3	**Đường nội bộ bến xe và khu dân cư thị trấn Sa Rài**	2.0
4	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn Hùng Vương - Huỳnh Công Chí	2.0
	- Đoạn Huỳnh Công Chí - Nguyễn Văn Bảnh	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Bảnh - 30 tháng 4	2.0
	- Đoạn 30 tháng 4 - 3 tháng 2	2.0
	- Đoạn 3 tháng 2 - Trần Phú	2.0
	- Đoạn Trần Phú - cầu Thành Lập	2.0
5	**Đường Hùng Vương**	
	- Đoạn ranh xã Tân Công Chí - ngã ba cây xăng	2.0
	- Đoạn Ngã ba cây xăng - cầu Đúc mới	2.0
	- Đoạn cầu Đúc mới - Nguyễn Huệ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lý Thường Kiệt	2.0
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - Lê Lợi	2.0
	- Đoạn Lê Lợi - cầu 72 nhịp	2.0
6	**Đường Huỳnh Công Chí**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lý Thường Kiệt	2.0
	- Đoạn Lý Thường Kiệt - Lê Lợi	2.0
7	**Đường Lê Lợi**	
	- Đoạn Hùng Vương - Nguyễn Văn Cơ	2.0
	- Đoạn còn lại	2.0
8	**Đường Trần Hưng Đạo**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Lợi	2.0
	- Đoạn Lê Lợi - đê bao phía đông (hai bên)	2.0
9	**Đường 3 tháng 2**	2.0
10	**Đường 1 tháng 6**	

	- Đoạn Nguyễn Huệ - Nguyễn Trãi	2.0
	- Các đoạn còn lại	2.0
11	**Đường Nguyễn Đình Chiểu**	2.0
12	**Đường Lý Thường Kiệt**	
	- Đoạn Hùng Vương - Huỳnh Công Chí	2.0
	- Đoạn Huỳnh Công Chí - Nguyễn Đình Chiểu	2.0
	- Đoạn Nguyễn Đình Chiểu - Trần Hưng Đạo	2.0
13	**Đường Hai Bà Trưng**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Giồng Thị Đam	2.0
14	**Đường Phạm Hữu Lầu**	2.0
15	**Đường Tháp Mười**	2.0
16	**Đường Nguyễn Văn Cơ**	2.0
17	**Đường Nguyễn Văn Bảnh**	2.0
18	**Đường Lê Duẩn**	
	- Đoạn Huỳnh Công Chí - Nguyễn Văn Cơ	2.0
19	**Đường Nguyễn Trãi**	
	- Đoạn 1 tháng 6 - Giồng Thị Đam	2.0
	- Đoạn còn lại	2.0
20	**Đường Giồng Thị Đam**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lý Thường Kiệt	2.0
	- Đoạn còn lại	2.0
21	**Đường Nguyễn Văn Tiệp**	
	- Đoạn Lê Lợi - Đê bao bờ Tây	2.0
	- Đoạn còn lại	2.0
22	**Đường Gò Tự Do**	2.0
23	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	2.0
24	**Đường Thiên Hộ Dương**	2.0
25	**Đường Phạm Ngũ Lão**	2.0
26	**Đường 1 tháng 5**	2.0
27	**Đường 30 tháng 4**	2.0
28	**Đường 502**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - đê bao bờ Tây	2.0
29	**Đường Trần Văn Thế**	2.0
30	**Đường Nguyễn Tri Phương**	2.0
31	**Đường Nguyễn Du**	2.0
32	**Đường Phan Bội Châu**	2.0
33	**Đường Ngô Quyền**	2.0
34	**Đường Võ Thị Sáu**	2.0
35	**Đường Trần Phú**	2.0
36	**Các đường còn lại không tên**	2.0

B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

6./ Áp dụng trên địa bàn huyện Thanh Bình

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
1	**Đường Lê Văn Nhung**	
	- Đoạn ranh xã Tân Thạnh - cầu Đốc Vàng Hạ	2.0
	- Đoạn cầu Đốc Vàng Hạ - 30 tháng 4	2.0
	- Đoạn 30 tháng 4 - cổng Trung tâm Viễn Thông	2.0
	- Đoạn cổng Trung tâm Viễn Thông - cầu Xẻo Miễu	2.0
	- Đoạn cầu Xẻo Miễu - ranh chợ Nông Sản (phía dưới)	2.0
	- Đoạn ranh chợ Nông Sản (phía dưới) - ranh xã Bình Thành	2.0
2	**Đường Võ Văn Kiệt**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Lê Văn Nhung	2.0
	- Đoạn Lê Văn Nhung - ranh xã Tân Phú	2.0
3	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	
	- Đoạn cầu Huyện Uỷ - Lê Văn Nhung (trừ đoạn khu dân cư kênh Nhà thương)	2.0
4	**Đường Xẻo Miễu**	
	- Đoạn cầu Huyện Uỷ - Lê Văn Nhung	2.0
5	**Đường 30 tháng 4**	
	- Đoạn Lê Văn Nhung - Nguyễn Huệ	2.0
6	**Đường Trần Hưng Đạo**	
	- Đoạn Đốc Binh Vàng - 30 tháng 4	2.0
7	**Đường Phan Văn Túy**	
	- Đoạn Đốc Binh Vàng - Hai Bà Trưng	2.0
8	**Đường Lý Thường Kiệt**	
	- Đoạn Đốc Binh Vàng - 30 tháng 4	2.0
	- Đoạn Đốc Binh Vàng - nhà tập thể bưu điện	2.0
	- Đoạn nhà tập thể Bưu điện - Lê Văn Nhung	2.0
9	**Đường Hai Bà Trưng**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Trần Hưng Đạo	2.0
10	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn cầu Phú Mỹ - Lê Văn Nhung	3.0
	- Đoạn Lê Văn Nhung - cầu Cái Tre	3.0
11	**Đường 3 tháng 2**	
	- Đoạn Đốc Binh Vàng - 30 tháng 4	2.0
12	**Đường Đốc Binh Vàng**	
	- Đường Lê Văn Nhung - cầu Trần Văn Năng	2.0

	- Đoạn cầu Trần Văn Năng - cầu Dinh Ông	2.0
13	**Đường Cụm dân cư 256**	
	- Đoạn Lê Văn Nhung - Nguyễn Huệ	2.0
14	**Đường Cồn Phú Mỹ**	3.0
15	**Đường nội bộ khu 42 căn phố**	1.5
16	**Khu Lòng Hồ Thanh Bình**	
	- Đường Phan Văn Túy nối dài	2.0
	- Đường Lý Thường Kiệt nối dài	2.0
	- Đường 3 tháng 2 nối dài	2.0
	- Đường số 1, 4, 5 theo bản đồ quy hoạch Cụm dân cư Lòng Hồ	2.0
	- Đoạn cuối đường số 3 - 3 tháng 2	2.0
17	**Khu Thương Mại Thanh Bình**	
	- Đường số 1, 4, 6 theo bản đồ quy hoạch khu Thương mại	2.0
	- Đường số 5, 7 theo bản đồ quy hoạch khu Thương mại	2.0
	- Đường số 2 theo bản đồ quy hoạch khu Thương mại	2.0
	- Đường số 3 theo bản đồ quy hoạch khu Thương Mại	2.0
18	**Đường Nguyễn Văn Biểu (Phòng Biểu)**	
	- Đoạn Lê Văn Nhung - Võ Văn Kiệt	2.0
	- Đoạn Võ Văn Kiệt - Đốc Vàng Hạ	3.0
19	**Khu Tái định cư trung tâm nông sản huyện Thanh Bình**	2.0
20	**Khu dân cư phía trước Phòng Văn hóa thông tin huyện**	2.0
21	**Đường Trương Thị Y**	
	- Đoạn Lê Văn Nhung - Đốc Vàng Hạ	2.0
22	**Đường từ đường Trương Thị Y - đường Nguyễn Huệ**	4.0
23	**Đường Cả Tre**	
	- Đoạn Lê Văn Nhung - ranh Tân Phú	4.0
24	**Đường Trần Thị Nhượng**	
	- Đoạn Nguyễn Văn Trỗi - Khối vận	4.0
25	**Đường Trà Bông**	
	- Bờ Bắc (đoạn Lê Văn Nhung - cầu Đình)	4.0
	- Bờ Nam (đoạn Lê Văn Nhung - cầu Đình)	4.0
26	**Đường Đốc Vàng hạ Bờ Đông, Bờ Tây**	
	- Đoạn Lê Văn Nhung - ranh xã Tân Phú	4.0
27	**Các đường còn lại trong nội ô thị trấn chưa đặt tên**	4.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

7./ Áp dụng trên địa bàn huyện Tam Nông

STT	Tên đường phố	Hệ số

A	Bảng giá đất	
1	**Đường 1 tháng 5**	2.0
2	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	
	- Đoạn ranh xã Phú Cường - cầu kênh đường Gạo 1	2.0
	- Đoạn cầu kênh đường Gạo 1 - Thiên Hộ Dương	2.0
	- Đoạn Thiên Hộ Dương - cầu Tràm Chim	2.0
	- Đoạn cầu Tràm Chim - cầu Tổng Đài	2.0
3	**Đường Nguyễn Sinh Sắc**	4.0
4	**Đường Nguyễn Trãi**	
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - cầu dây	4.0
	- Đoạn cầu dây - cầu Huyện Đội	4.0
	- Đoạn cầu Huyện Đội - ranh xã Tân công Sính	4.0
5	**Đường Hai Bà Trưng**	4.0
6	**Đường Huỳnh Công Sính**	
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - 1 tháng 5	4.0
	- Đoạn 1 tháng 5 - Phạm Hữu Lầu (Thiên Hộ Dương cũ) và các hẻm ngang	4.0
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - phía tây tuyến dân cư khóm 2 và các hẻm ngang	4.0
7	**Đường Bùi Thị Xuân**	4.0
8	**Đường 2 tháng 9**	4.0
9	**Đường Phạm Hữu Lầu**	4.0
10	**Đường Huyền Trân Công Chúa**	
	- Đoạn Nguyễn Sinh Sắc - 1 tháng 5	4.0
	- Đoạn 1 tháng 5 - Phạm Hữu Lầu và các hẻm ngang	4.0
	- Đoạn Phạm Hữu Lầu - cuối đường và các hẻm ngang	4.0
11	**Đường Võ Văn Kiệt**	
	- Đoạn ranh xã Phú Cường - Nguyễn Huệ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	3.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - cầu kênh đường Gạo 3	3.0
	- Đoạn cầu kênh đường Gạo 3 - ranh Thanh Bình	3.0
12	**Đường Trần Hưng Đạo**	
	- Đoạn Võ Văn Kiệt - kênh Đường Gạo	3.0
	- Đoạn kênh Đường Gạo - Tràm Chim	3.0
	- Đoạn đường Tràm Chim - ranh đất phía Đông nhà thờ Thiên Phước	3.0
	- Đoạn ranh đất phía Đông nhà thờ Thiên Phước - hết nền số 10, lô A4-22. Quy hoạch chỉnh trang Khu dân cư Khóm 1, thị trấn Tràm Chim (giai đoạn 1) (bờ Bắc)	3.0

	- Đoạn ranh hết nền số 10, lô A4-22, Quy hoạch Chỉnh trang khu dân cư Khóm 1, thị trấn Tràm Chim (giai đoạn 1) - cầu Sắt Tổng Đài (bờ Bắc)	3.0
	- Đoạn đường số 4 Cụm dân cư Tràm Chim - Cầu Sắt Tổng Đài (bờ Nam)	3.0
13	**Đường 3 tháng 2**	3.0
14	**Đường Tràm Chim**	
	- Đoạn kênh Hậu, Cụm dân cư thị trấn Tràm Chim – hết Cụm dân cư khóm 2, thị trấn Tràm Chim	3.0
	- Đoạn cầu Tràm Chim – ranh Phú Đức	3.0
15	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - cầu Trung Tâm	3.0
	- Đoạn cầu Trung tâm - Võ Văn Kiệt	3.0
16	**Đường Nguyễn Trung Trực**	3.0
17	**Đường Tôn Thất Tùng**	3.0
18	**Đường Bắc kênh hậu Cụm dân cư thị trấn Tràm Chim**	
	- Đoạn kênh Đường Gạo - Nguyễn Du	3.0
19	**Đường Nguyễn Du**	
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Tràm Chim	3.0
	- Đoạn Tràm Chim - Nguyễn Văn Tre	3.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Tre - kênh Tổng Đài	3.0
20	**Đường Lê Thị Riêng**	3.0
21	**Đường Nguyễn Đình Chiểu**	
	- Đoạn phía Tây Tuyến dân cư Nam kênh Hậu - Đông Tuyến dân cư Nam kênh Hậu	3.0
	- Đoạn phía Đông tuyến dân cư - cầu kênh đường Gạo 3	3.0
22	**Đường bờ Tây kênh đường Gạo** (đoạn cầu kênh đường Gạo 3 - kênh ranh)	3.0
23	**Đường Võ Thị Sáu**	
	- Đoạn Thiên Hộ Dương - Tràm Chim	3.0
	- Đoạn Tràm Chim - phía Tây tuyến dân cư khóm 2	3.0
24	**Đường Thiên Hộ Dương** (đoạn Nguyễn Chí Thanh (cặp nhà ông Tư Nghinh) – Huyền Trân Công Chúa)	3.0
25	**Đường số 3 cụm dân cư thị trấn Tràm Chim** (cặp phía Tây trạm cấp nước Tam Nông)	3.0
26	**Đường số 10 cụm dân cư thị trấn Tràm Chim** (phía Đông bến xe)	3.0
27	**Đường số 11 cụm dân cư thị trấn Tràm Chim** (phía Tây bến xe)	3.0

28	**Đường số 13 cụm dân cư thị trấn Tràm Chim** (đường giữa từ đường số 3 đến quán Ông Thiện cháo cá)	3.0
29	**Đường Thống Linh**	3.0
30	**Đường Cách Mạng Tháng Tám**	
	- Đoạn Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện – Nguyễn Huệ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - phía Đông cụm dân cư ấp 3B	3.0
31	**Đường số 2 cụm dân cư khóm 5 (ấp 3), thị trấn Tràm Chim** (đường giữa lô C và lô D)	3.0
32	**Đường 30 tháng 4**	
	- Đoạn phía sau Đài Truyền thanh huyện - Nguyễn Huệ	3.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Trương Định	3.0
33	**Đường Nguyễn Viết Xuân** (đoạn Đốc Binh Kiều – hết phía sau Đài Truyền thanh huyện)	3.0
34	**Đường số 5 cụm dân cư khóm 5 (ấp 3), thị trấn Tràm Chim** (đoạn đường số 1 - đường số 3)	3.0
35	**Đường Nguyễn Xuân Trường**	3.0
36	**Đường Trương Định** (đoạn Võ Văn Kiệt - Cách Mạng Tháng Tám)	3.0
37	**Đường Phan Bội Châu**	3.0
38	**Đường Phan Chu Trinh**	3.0
39	**Đường Đốc Binh Kiều** (đoạn tòa án - Cách Mạng Tháng Tám)	3.0
40	**Đường Nguyễn Thế Hữu**	3.0
41	**Đường số 9 cụm dân cư khóm 5 (ấp 3B), thị trấn Tràm Chim** (đoạn lô L – lô S)	3.0
42	**Các đường ngang còn lại cụm dân cư khóm 5 (ấp 3B), thị trấn Tràm Chim**	3.0
43	**Đường Nguyễn Văn Tre** (đoạn Trần Hưng Đạo - Đỗ Công Tường)	3.0
44	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai** (đoạn Trần Hưng Đạo - Đỗ Công Tường)	3.0
45	**Đường Đỗ Công Tường**	3.0
46	**Đường số 1 cụm dân cư khóm 4, thị trấn Tràm Chim (phía Tây Cụm dân cư)** (đoạn Nguyễn Trãi – cuối Cụm dân cư và các hẻm ngang từ đường số 1 sang đường số 2)	3.0
47	**Đường Phan Đình Giót**	3.0
48	**Đường số 3 cụm dân cư khóm 4, thị trấn Tràm Chim (phía Đông Cụm dân cư)** (đoạn nền số 6, lô D – cuối Cụm dân cư và các hẻm ngang đường số 3 sang đường số 2)	3.0

49	**Đường Ngô Gia Tự** (đoạn Trần Hưng Đạo - hết khu dân cư Khóm 1)	3.0
50	**Đường số 1 thuộc Quy hoạch Chỉnh trang Khu dân cư Khóm 1, thị trấn Tràm Chim (giai đoạn 1)**	3.0
51	**Đường số 6 thuộc Quy hoạch Chỉnh trang Khu dân cư Khóm 1, thị trấn Tràm Chim (giai đoạn 1)**	3.0
52	**Đường Đặng Văn Bình**	3.0
53	**Đường Nguyễn Quang Diêu**	3.0
54	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	3.0
55	**Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa**	3.0
56	**Đường Hà Hoàng Hổ**	3.0
57	**Đường Nguyễn Thái Học**	3.0
58	**Đường Nguyễn Hữu Cảnh**	3.0
59	**Đường Nguyễn Thái Bình**	3.0
B	**Giá đất tối thiểu**	3.0

8./ Áp dụng trên địa bàn huyện Tháp Mười

STT	Tuyến đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
1	**Đường Hùng Vương**	
	- Đoạn 1: kênh 307 - Điện lực	3.0
	- Đoạn 2: Điện lực - Thống Linh	3.0
	- Đoạn 3: Thống Linh - Phạm Ngọc Thạch	3.0
	- Đoạn 4: Phạm Ngọc Thạch - cầu Tháp Mười	3.0
	- Đoạn 5: cầu Ngã Sáu - Lê Quí Đôn	3.0
	- Đoạn 6: Lê Quí Đôn - kênh Nguyễn Văn Tiếp A	3.0
2	**Đường N2**	
	- Đoạn cầu N2 - ranh xã Mỹ An	4.0
	- Đường rẽ N2 (cả 02 nhánh rẽ từ đường N2 - đường Gò Tháp)	4.0
3	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**	
	- Đoạn 1: kênh 307 - Phan Đăng Lưu (Trung tâm y tế)	3.0
	- Đoạn 2: Phan Đăng Lưu - Trần Phú	3.0
	- Đoạn 3: Trần Phú - cầu kênh Xáng	3.0
	- Đoạn 4: kênh Xáng - kênh Từ Bi ranh xã Mỹ An (bờ Tây kênh Tư Mới)	3.0
4	**Đường Thiên Hộ Dương**	
	- Đoạn 1: Hoàng Văn Thụ - Trường Xuân	3.0
	- Đoạn 2: Phạm Ngọc Thạch - Trần Phú	3.0
	- Đoạn 3: Trần Phú - Hùng Vương	3.0

5	**Đường Lê Hồng Phong**	
	- Đoạn 1: kênh Tư cũ - đường cặp hàng rào Công an giáp Khu dân cư khóm 2	3.0
	- Đoạn 2: đường cặp hàng rào Công an giáp Khu dân cư khóm 2 - Trường Xuân	3.0
	- Đoạn 3: Trường Xuân - Trần Phú	3.0
	- Đoạn 4: Trần Phú - Nguyễn Thị Minh Khai	3.0
6	**Đường Nguyễn Văn Cừ**	
	- Đoạn 1: Lê Đại Hành - Thống Linh (đường Nguyễn Văn Cừ nối dài từ Thống Linh - Cụm dân cư khóm 2)	3.0
	- Đoạn 2: Thống Linh - Phạm Ngọc Thạch	3.0
	- Đoạn 3: Phạm Ngọc Thạch - Trần Phú	3.0
7	**Đường số 13 (sau bến xe)**	3.0
8	**Đường giữa lô C và D khu bệnh viện cũ (đoạn Phan Đăng Lưu - Phạm Ngọc Thạch)**	3.0
9	**Đường Trần Phú**	
	- Đoạn 1: Hùng Vương - Nguyễn Thị Minh Khai	3.0
	- Đoạn 2: cầu sắt chợ mới - Lê Quí Đôn	3.0
10	**Đường Đinh Tiên Hoàng** (Khu dân cư khóm 2)	3.0
11	**Đường Lê Đại Hành** (Khu dân cư khóm 2)	3.0
12	**Đường Lý Thái Tổ**	3.0
13	**Các đường nội bộ còn lại Khu dân cư khóm 2**	3.0
14	**Đường Phan Đăng Lưu** (cửa sau bệnh viện - Y học dân tộc cũ)	3.0
15	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	3.0
16	**Đường Thống Linh**	3.0
17	**Đường Hoàng Văn Thụ** (cặp khu Thể dục thể thao từ đường Hùng Vương - Lê Hồng Phong)	3.0
18	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	3.0
19	**Đường Nguyễn Sinh Sắc**	3.0
20	**Đường Đoàn Thị Điểm**	3.0
21	**Đường Trường Xuân**	3.0
22	**Các đường nội bộ còn lại Khu văn hoá** (Phạm vi khu vực từ đường Trường Xuân - đường Thống Linh)	3.0
23	**Các đường nội bộ khu dân cư khóm 2** (Trung tâm Thể dục Thể thao – Sân bóng)	3.0
24	**Đường Phạm Ngọc Thạch**	
	- Đoạn 1: Nguyễn Thị Minh Khai - cầu Kênh Xáng	3.0
	- Đoạn 2: Cụm dân cư khóm 4 - kênh Tư cũ (đường bờ Đông kênh Nhà Thờ)	3.0

25	**Đường Trần Thị Nhượng**	3.0
26	**Đường Phạm Hữu Lầu**	3.0
27	**Đường Đốc Binh Kiều**	3.0
28	**Đường Dương Văn Hòa**	3.0
29	**Đường Nguyễn Văn Tre**	4.0
30	**Đường Ngô Gia Tự** (cặp nhà lồng chợ)	4.0
31	**Đoạn đường Nguyễn Thị Minh Khai – Ngô Gia Tự**	3.0
32	**Đường Hà Huy Tập** (cặp nhà lồng chợ)	4.0
33	**Đoạn từ đường Hùng Vương - đường Hà Huy Tập**	3.0
34	**Đường Lê Thị Hồng Gấm**	
	- Đoạn 1: Nguyễn Thị Minh Khai - Phạm Ngọc Thạch (hoặc đoạn Cao Văn Đạt - Phạm Ngọc Thạch)	3.0
	- Đoạn 2: Phạm Ngọc Thạch - kênh Tư Cũ	3.0
35	**Đường Cao Văn Đạt**	3.0
36	**Đường Lê Quí Đôn**	
	- Đoạn 1: Hùng Vương - cầu Ngân Hàng	3.0
	- Đoạn 2: cầu Ngân Hàng - Gò Tháp	3.0
	- Đoạn 3: vòng xoay đường Hùng Vương - Nguyễn Bình	3.0
37	**Đường nội bộ khu Nhà phố đường Lê Quí Đôn nối dài**	3.0
38	**Đường Lê Đức Thọ**	
	- Đoạn 1: Nguyễn Bình - Trần Văn Trà	2.0
	- Đoạn 2: Trần Văn Trà - đường 307 (hoặc đoạn Trần Văn Trà - kênh ông Đội)	2.0
39	**Đường Trần Trọng Khiêm**	
	- Đoạn 1: Nguyễn Bình - Trần Văn Trà	2.0
	- Đoạn 2: Trần Văn Trà - đường 307	2.0
40	**Đường Nguyễn Văn Biểu**	
	- Đoạn 1: Nguyễn Bình - Trần Văn Trà	2.0
	- Đoạn 2: Trần Văn Trà - đường 307	2.0
41	**Đường Phạm Văn Bạch**	
	- Đoạn 1: Nguyễn Bình - Trần Văn Trà	2.0
	- Đoạn 2: Trần Văn Trà - đường 307	2.0
42	**Đường Nguyễn Tri Phương**	
	- Đoạn 1: Nguyễn Bình - Trần Văn Trà	2.0
	- Đoạn 2: Trần Văn Trà - đường 307	2.0
43	**Đường Nguyễn Bình**	2.0
44	**Đường Lê Văn Kiểc**	2.0
45	**Đường Trần Văn Trà**	2.0
46	**Đường Nguyễn Văn Vóc**	2.0
47	**Đường 307**	2.0

48	**Đường Hoàng Hoa Thám** (sau bưu điện Chợ Cũ)	3.0
49	**Đường Hai Bà Trưng** (đường vào tập thể cấp 2)	3.0
50	**Đường Âu Cơ** (đường vào tập thể cấp 3)	3.0
51	**Đoạn đường từ đường Hai Bà Trưng - đường Âu Cơ** (đường ngang tập thể cấp 2,3)	3.0
52	**Đường Bạch Đằng** (bờ Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp A)	
	- Đoạn 1: đầu Voi chợ cũ - cầu N2	3.0
	- Đoạn 2: cầu N2 - ranh xã Mỹ An	3.0
53	**Đường Lạc Long Quân** (bờ Bắc kênh Tư Mới)	
	- Đoạn 1: đầu Voi chợ cũ - Trần Phú	3.0
	- Đoạn 2: Trần Phú - cầu Tháp Mười	3.0
	- Đoạn 3: cầu Tháp Mười - kênh Ông Đội xã Mỹ An	3.0
54	**Các đường hẻm chợ cũ**	2.0
55	**Đường Gò Tháp**	
	- Đoạn 1: kênh 8000 - cống Sáu Tấn	3.0
	- Đoạn 2: cống Sáu Tấn - cống Lâm Sản	3.0
	- Đoạn 3: cống Lâm Sản - hết cây xăng Thiên Hộ 7	3.0
	- Đoạn 4: hết cây xăng Thiên Hộ 7 - hết ranh thị trấn Mỹ An (hoặc đoạn hết cây xăng Thiên Hộ 7 - kênh Nhất)	3.0
56	**Đường 30 tháng 4**	
	- Đoạn 1: Gò Tháp - cầu N2	3.0
	- Đoạn 2: cầu N2 - ranh xã Mỹ An (bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp A) hoặc đoạn cầu N2 - kênh Nhất (bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp A)	3.0
57	**Đường Trần Hưng Đạo** (đường số 1 cũ)	
	- Đoạn 1: 30 tháng 4 - Lê Quí Đôn	3.0
	- Đoạn 2: Lê Quí Đôn - cầu N2	3.0
58	**Đường Nguyễn Trãi**	3.0
59	**Đường Ngô Quyền**	3.0
60	**Đường Lý Thường Kiệt**	3.0
61	**Đường Điện Biên Phủ**	3.0
62	**Đường Lê Lợi**	3.0
63	**Đường Võ Thị Sáu**	3.0
64	**Đường Trần Nhật Duật**	3.0
65	**Các đường nội bộ khu hành chính dân cư còn lại**	3.0
66	**Đường Tôn Đức Thắng**	
	- Đoạn 1: Gò Tháp - 30 tháng 4 (khu hành chính dân cư)	3.0
	- Đoạn 2: 30 tháng 4 - hết ranh nội ô thị trấn Mỹ An (hướng đi xã Mỹ Đông)	3.0

67	**Đường Tôn Thất Tùng** (đoạn Tôn Đức Thắng - ranh xã Mỹ Hoà) đường đan bờ Tây kênh Tư Mới	3.0
68	**Đường Kênh 8000** (đoạn đường tỉnh ĐT 845 - ranh Tân Kiều)	3.0
69	**Đường Kênh Tư cũ** (đoạn kênh 307 - ranh xã Mỹ An)	3.0
70	**Các đường kênh: 1000; 307; kênh Liên 8; kênh Giữa, kênh Nhất**	3.0
71	**Các đường nội bộ Khu dân cư Đông thị trấn Mỹ An**	3.0
72	**Cụm dân cư khóm 1, thị trấn Mỹ An (bổ sung giai đoạn 2)**	3.0
73	**Đường kênh Huyện Đội**	3.0
74	**Đường kênh Ông Đội**	3.0
75	**Khu đô thị Bắc Mỹ An (giai đoạn 1)**	
	- Đường nội bộ (11 mét)	1.0
	- Đường nội bộ (07 mét)	1.0
76	**Đường kênh 25**	
	- Đường bờ Bắc kênh 25 (đoạn đường Gò Tháp – kênh Nhất)	3.0
	- Đường bờ Nam kênh 25 (đoạn kênh Huyện Đội – kênh Nhất)	3.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

9./ Áp dụng trên địa bàn huyện Cao Lãnh

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
1	**Đường Nguyễn Trãi (Quốc lộ 30)**	
	- Đoạn Kho bạc cũ - ngã ba Ông Bầu	3.0
	- Đoạn Ngã ba Ông Bầu - 26 tháng 3	3.0
	- Đoạn 26 tháng 3 - 30 tháng 4 (ngoài Dự án Hạ tầng khu đô thị Bờ Nam)	3.0
	- Đoạn Ngân hàng Chính sách xã hội huyện - cầu Cần Lố	3.0
	- Đoạn 30 tháng 4 - đường vào Chùa Long Tế	3.0
2	**Đường 3 tháng 2**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - cầu Rạch Miễu 2	3.0
	- Đoạn cầu Rạch Miễu 2 - Thống Linh	3.0
	- Đoạn Thống Linh - cầu Ông Xuân	3.0
	- Đoạn cống Ông Xuân - Chùa Long Tế	3.0
3	**Đường Xẻo Quýt**	
	- Đoạn Quốc lộ 30 - 26 tháng 3	3.0
4	**Đường Nguyễn Văn Phối**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - 8 tháng 3	3.0
5	**Đường 1 tháng 6**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - Phạm Hữu Lầu	3.0

6	**Đường 8 tháng 3**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - Phạm Hữu Lầu	3.0
7	**Đường 26 tháng 3**	
	- Đoạn Quốc lộ 30 - Bến tàu	3.0
8	**Đường Phạm Hữu Lầu**	3.0
9	**Đường Nguyễn Minh Trí (đường tỉnh ĐT 847)**	
	- Đoạn Quốc lộ 30 - hết Trung tâm Văn hóa (phía Đông)	3.0
	- Đoạn Quốc lộ 30 - hết Trung tâm Văn hóa (phía Tây)	3.0
	- Đoạn Trung tâm Văn hóa - cầu Cái Chay (phía Tây)	3.0
	- Đoạn Trung tâm Văn hóa - cầu Cái Chay (phía Đông)	3.0
10	**Đường 307**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Nguyễn Văn Đừng	3.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Đừng - Thống Linh	3.0
11	**Đường Nguyễn Văn Đừng**	3.0
12	**Đường 30 tháng 4**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Nguyễn Trãi	3.0
13	**Đường Tràm Dơi**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi - cầu Mương Khai	3.0
14	**Đường Nguyễn Văn Khải**	
	- Đoạn Nguyễn Trãi – Hãng nước mắm cũ	3.0
15	**Đường Thống Linh** (đoạn Nguyễn Trãi - 3 tháng 2)	3.0
16	**Đường Xóm Giồng - Doi Me**	3.0
17	**Đường Thiên Hộ Dương**	3.0
18	**Các đường nội bộ Cụm dân cư Mỹ Tây**	
	- Đường 5mét	3.0
	- Đường 7mét	3.0
	- Đường 9mét	3.0
	- Đường 12mét	3.0
19	**Khu tái định cư thị trấn Mỹ Thọ**	
	- Đường 3,5mét	4.0
	- Đường 7mét	4.0
	- Đường 9mét	4.0
	- Đường 12mét	4.0
20	**Cụm dân cư Đông Rạch Miễu**	
	- Đường 9mét (đường Thống Linh đoạn Nguyễn Trãi – sông Mương Khai)	3.0
	- Đường 7mét	3.0
21	**Khu dân cư ngã ba Ông Bầu**	3.0
22	**Dự án Hạ tầng khu đô thị Bờ Nam**	

	- Các đường Đ-01, Đ-02, Nguyễn Trãi (Quốc lộ 30) và 26 tháng 3	3.0
	- Đường Phạm Hữu Lầu	3.0
	- Đường Đ-03	3.0
23	**Các đường còn lại**	3.0
B	**Giá đất tối thiểu**	3.0

10./ Áp dụng trên địa bàn huyện Lai Vung

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
1	**Đường Quốc lộ 80 (Lý Thường Kiệt cũ)**	
	- Đoạn cầu Cái Sao - cầu Hoà Long (Quốc lộ 80)	2.0
	- Đoạn cầu Hoà Long (Quốc lộ 80) - cửa hàng xăng dầu huyện Lai Vung (250A - khóm 4)	2.0
	- Đoạn cửa hàng xăng dầu huyện Lai Vung (250A - khóm 4) - hết cống số 1	2.0
	- Đoạn hết cống số 1 - cống số 2 (ranh thị trấn)	2.0
2	**Đường Lê Lợi (đường tỉnh ĐT 851)**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - ranh Huyện Đoàn	2.0
	- Đoạn ranh Huyện Đoàn - Võ Thị Sáu	2.0
	- Đoạn Võ Thị Sáu - ranh xã Long Hậu	2.0
3	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn vàm Ba Vinh - cầu Hòa Long (ĐT 851)	2.0
	- Đoạn cầu Hòa Long (ĐT 851) - Trung tâm Giáo dục thường xuyên	2.0
4	**Đường Ngô Gia Tự**	
	- Đoạn cầu Hoà Long (ĐT 851) - vàm hộ Bà Nương	2.0
	- Đoạn cầu Hòa Long (ĐT 851) - kênh Hai Trượng	2.0
	- Đoạn kênh Hai Trượng - Võ Thị Sáu (nhà thờ)	2.0
	- Đoạn Võ Thị Sáu (nhà thờ) - cầu Long Hậu	2.0
5	**Đường Nguyễn Thị Minh Khai**	
	- Đoạn quán cà phê Duy Lam (số 176/1, khóm 1) - cầu Hộ Bà Nương	2.0
6	**Đường Phạm Hữu Lầu**	
	- Đoạn tiệm đồng hồ Linh Phụng (số nhà 347, khóm 1, Thị trấn Lai Vung) - hết tiệm uốn tóc Hoa Tiên	2.0
7	**Đường Hai Bà Trưng**	
	- Đoạn từ số nhà 300, khóm 1, thị trấn Lai Vung (nhà ông Thạch) - bờ kè thị trấn Lai Vung	2.0

8	**Đường Phan Văn Bảy**	
	- Đoạn cầu Hoà Long (Quốc lộ 80) - nhà ông Chính Hí (số 36/4)	2.0
	- Đoạn nhà ông Chính Hí - cầu 8 Biếu	2.0
	- Đoạn cầu ông 8 Biếu - ranh xã Tân Dương	2.0
9	**Đường Thi Sách**	
	- Đoạn tiệm áo cưới Phương Anh (số nhà 353, khóm 1, Thị trấn Lai Vung) - bờ kè chợ Thị trấn	2.0
10	**Đường Hùng Vương**	
	- Đoạn nhà BS Ánh (số 314, Quốc lộ 80) - vật liệu xây dựng Bảy Hữu 2	2.0
11	**Đường Trần Quốc Tuấn**	
	- Đoạn nhà ông Nguyễn Văn Phiếu (số 369) - Hai Thọ sạc bình (lô 3, căn 1)	2.0
12	**Các đoạn chưa có tên đường**	
	- Đoạn nhà ông Liệt (số 375/K1) - giáp đường Hai Bà Trưng	2.0
	- Đoạn cầu Hòa Long (đường tỉnh ĐT 851) - ranh Kho bạc Nhà nước (đoạn Nguyễn Tất Thành)	2.0
	- Đoạn quán cà phê Thế (số 444) - mé sông Trung tâm Giáo dục thường xuyên	2.0
	- Đoạn cầu Tư Hiểu - Kênh Bạc Hà xã Tân Dương	2.0
	- Kênh Xáng Long Thành (đoạn Phan Văn Bảy - giáp ranh xã Hòa Long)	2.0
	- Đường Rạch Sậy (đoạn Quốc lộ 80 - Lê Hồng Phong)	2.0
	- Đường Xẻo Đào (đoạn Quốc lộ 80 - Giáp ranh xã Long Hưng B, Lấp Vò)	2.0
	- Đoạn đường Ba Dinh Xẻo Núi (đoạn cầu tư Hiểu - cầu Kênh Xẻo Núi)	2.0
13	**Đoạn Vàm Hộ Bà Nương - giáp Huyện lộ 30 tháng 4 (kênh Cái Bàn)**	2.0
14	**Đường cặp kênh Họa Đồ**	
	- Đoạn kênh rạch Cái Sao - Ban quản lý công trình công cộng huyện Lai Vung	2.0
	- Đoạn cầu Hòa Long (đường tỉnh ĐT 851) - Phòng Nông nghiệp phát triển nông thôn.	2.0
15	**Bờ kè thị trấn**	
	- Đoạn cầu Vàm Ba Vinh - cầu Hoà Long (Quốc lộ 80)	2.0
16	**Đoạn tiệm sửa xe Vũ (số 534) - cầu Cái Bàn**	2.0
17	**Đường 1 tháng 5**	

	- Đoạn Trường Tiểu học thị trấn (đường tỉnh ĐT 851) - cầu kênh 1 tháng 5	2.0
18	**Đường hộ Bà Nương**	
	- Đoạn huyện lộ 30 tháng 4 - kênh Hai Đức (ranh xã Hoà Long)	2.0
	- Đoạn nhà ông Ba Thạnh (số 31) - 1 tháng 5	2.0
	- Đoạn 1 tháng 5 - cầu kênh Tư Hùng (xã Hòa Long)	2.0
19	**Đường tỉnh ĐT 852 nối dài**	
	- Đoạn ngã ba Rẽ Quạt - hết ranh nhà Ông Chín Chiến (số nhà 240, khóm 1, thị trấn Lai Vung)	2.0
	- Đoạn hết ranh nhà ông Chín Chiến (số nhà 240, khóm 2, thị trấn Lai Vung) - cầu Gia Vàm	2.0
	- Đoạn cầu Gia Vàm - cầu Long Hậu	2.0
20	**Huyện lộ 30 tháng 4**	
	- Đoạn cầu hộ bà Nương – ngã ba (giáp kênh Cái Bàng)	2.0
	- Đoạn ngã ba (giáp kênh Cái Bàng) - cây xăng Thầy Tá (số 117A)	2.0
	- Đoạn cây xăng Thầy Tá - ranh xã Hoà Long	2.0
21	**Đường Võ Thị Sáu**	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 851 - nhà thờ Hòa Long	2.0
22	**Đường Lê Hồng Phong**	
	- Đoạn Vàm Ba Vinh - cầu Nhà Thờ	2.0
	- Đoạn cầu Nhà Thờ - cầu Long Hậu	2.0
23	**Các đường trong Cụm dân cư thị trấn Lai Vung (kể cả đoạn kênh Mười Thước)**	
	- Các trục đường từ 7mét trở lên	2.0
	- Các đường từ 5mét đến nhỏ hơn 7mét	2.0
	- Đoạn cơ khí cũ	2.0
24	**Chợ tư nhân cầu Long Hậu**	2.0
25	**Tuyến đường vào sân vận động**	2.0
26	**Đoạn Vàm Ba Vinh - cầu Hoà Long (Quốc lộ 80) (đối diện chợ cá)**	2.0
27	**Đường nội bộ nhà văn hoá cũ**	2.0
28	**Khu dân cư và mở rộng chợ thị trấn Lai Vung**	
	- Đường 12mét (đường số 1, 2, 3, 7, 8)	
	+ Đoạn đối diện nhà phố	2.0
	+ Đoạn đối diện sân chợ	2.0
	- Đường 7mét (đường số 4, 5, 6, 9)	
	+ Đoạn đối diện Quốc lộ 80	2.0
	+ Đoạn đối diện nhà phố	2.0

	+ Đường số 9	2.0
29	**Tuyến dân cư thị trấn Lai Vung**	
	- Đường 9mét (đoạn quán Làn Sóng Xanh - đường đấu nối tuyến dân cư)	2.0
	- Đường 7mét (đoạn đường đấu nối tuyến dân cư - đường tỉnh ĐT 852)	2.0
30	**Đoạn đấu nối tuyến dân cư thị trấn Lai Vung**	
	- Đường 9mét	2.0
	- Đường 7mét	2.0
31	**Đường Gia Vàm 3,5mét (đoạn giáp đường tỉnh ĐT 852 - Tuyến dân cư thị trấn Lai Vung)**	2.0
32	**Đường Cái Sơn**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - cầu Cái Sơn	2.0
	- Đoạn cầu Cái Sơn - Lê Hồng Phong	2.0
33	**Đường tổ số 6 và số 7 (đan 3mét):**	
	- Đường Vành Đai khóm 5 (đoạn nhà ông 7 Xích - nhà ông Thuấn)	2.0
	- Kênh Cái Chanh (đoạn nhà ông Thuấn - cầu Doi đất làng)	2.0
	- Kênh Cái Bàn (đoạn cầu Doi đất làng - nhà ông 7 Xích)	2.0
34	**Đường rạch Cái Sao (đoạn giáp ranh Quốc lộ 80 - cầu ông Chính Nguyễn)**	2.0
35	**Đường Đ-03**	2.0
B	**Giá tối thiểu**	2.0

11./ Áp dụng trên địa bàn huyện Lấp Vò

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
I	**Đường phố**	
1	**Đường 1 tháng 5**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Nguyễn Trung Trực	2.0
2	**Đường 1 tháng 5 nối dài**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Lý Tự Trọng	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Trỗi - Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn An Ninh	2.0
3	**Đường 19 tháng 8**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Nguyễn Trung Trực	2.0
4	**Đường 19 tháng 8 nối dài**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Lý Tự Trọng	2.0
	- Đoạn Nguyễn Văn Trỗi - Trần Hưng Đạo	2.0

	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn An Ninh	2.0
5	**Đường 3 tháng 2**	
	- Đoạn cầu Lấp Vò - Nguyễn Chí Thanh	2.0
	- Đoạn Nguyễn Chí Thanh - đầu đường Nguyễn Huệ (trạm xăng)	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Võ Thị Hồng	2.0
	- Đoạn Võ Thị Hồng - đầu đường Đặng Văn Bình	2.0
	- Đoạn Đặng Văn Bình - cầu Cái Dâu	2.0
6	**Khu phố bên chợ Lấp Vò**	
	- Đoạn 1 tháng 5 - hẻm ngân hàng	2.0
	- Đoạn 3 tháng 2 - giáp đoạn (đường 1 tháng 5 - hẻm Ngân hàng)	2.0
7	**Đường Nguyễn Trung Trực**	
	- Đoạn công viên số 4 - hết ranh Huyện đoàn cũ	2.0
	- Đoạn ranh Huyện Đoàn cũ - Nguyễn Huệ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - hết nhà ông Tuấn Anh (634)	2.0
	- Đoạn cuối nhà Tuấn Anh - mí hàng rào nhà ăn Ủy ban nhân dân huyện	2.0
	- Đoạn mí hàng rào nhà ăn Ủy ban nhân dân huyện - cầu Vàm Cái Dâu	2.0
8	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn Nguyễn Trung Trực - 3 tháng 2	2.0
9	**Đường Nguyễn Huệ nối dài**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - hết vòng xuyến dự án chỉnh trang đô thị	2.0
10	**Đường Lý Tự Trọng**	
	- Đoạn Nguyễn Chí Thanh - Nguyễn Huệ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Võ Thị Hồng	2.0
	- Đoạn Võ Thị Hồng - Đặng Văn Bình	2.0
11	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Võ Thị Hồng	2.0
	- Đoạn Võ Thị Hồng - Châu Văn Liêm	2.0
12	**Đường Châu Văn Liêm**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Trần Hưng Đạo	2.0
13	**Đường Võ Thị Hồng**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Trần Hưng Đạo	2.0
	- Đoạn Trần Hưng Đạo - Nguyễn An Ninh (Khu dân cư cũ)	2.0
14	**Đường Đặng Văn Bình**	
	- Đoạn Nguyễn Văn Trỗi - 3 tháng 2	2.0

	- Đoạn 3 tháng 2 - Nguyễn Trung Trực	2.0
15	**Đường Phạm Văn Bảy**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Nguyễn Trung Trực	2.0
16	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Trần Hưng Đạo	2.0
17	**Đường Trần Hưng Đạo**	
	- Đoạn 30 tháng 4 (Cái Dâu cũ) - Võ Thị Hồng	2.0
	- Đoạn Võ Thị Hồng - Nguyễn Huệ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Nguyễn Chí Thanh	2.0
	- Đoạn Nguyễn Chí Thanh - Thiên Hộ Dương	2.0
18	**Quốc lộ 80**	
	- Đoạn ranh Chùa Cao Đài - Thiên Hộ Dương	2.0
	- Đoạn 30 tháng 4 (rạch Cái Dâu) - cống Cái Sơn	2.0
	- Đoạn cống Cái Sơn - Huỳnh Thúc Kháng (Ba Quyên)	2.0
19	**Đường Nguyễn An Ninh**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Nguyễn Huệ (đường đan)	2.0
	- Đoạn 30 tháng 4 - Nguyễn Huệ (đường nhựa)	2.0
20	**Đường Khu dân cư số 5**	
	- Đoạn Nguyễn An Ninh - 2 tháng 9	2.0
21	**Đường chùa Cao Đài** (đoạn Quốc lộ 80 - chùa Phước Vinh)	2.0
22	**Đường Thiên Hộ Dương (rạch Lấp Vò)**	
	- Đoạn 2 tháng 9 - cầu Bà Hai (đường đan)	2.0
	- Đoạn Quốc lộ 80 - đường chùa Cao Đài (đường đất)	2.0
	- Đoạn đường 3 tháng 2 - Trần Hưng Đạo	2.0
23	**Đường 2 tháng 9 (kênh 90)**	
	- Đoạn 30 tháng 4 - Võ Thị Hồng	2.0
	- Đoạn Võ Thị Hồng - 1 tháng 5 (D1)	2.0
	- Đoạn 1 tháng 5 (D1) - 19 tháng 8 (D2)	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - Thiên Hộ Dương	2.0
24	**Đường Ngã Cạy**	
	- Đoạn Trung tâm thương mại - Cái Nính (2 bên)	2.0
	- Đoạn Cái Nính - 30 tháng 4	2.0
25	**Đường 30 tháng 4**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Nguyễn An Ninh	2.0
	- Đoạn Nguyễn An Ninh - cầu Cái Nính	2.0
26	**Đường Võ Thị Sáu**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - Lý Thái Tổ	2.0
	- Đoạn Lý Thái Tổ - ranh Bình Thành	2.0
27	**Đường rạch Cái Sơn**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - Ngô Quyền	2.0

28	**Đường Ngô Quyền (rạch Cái Dâu - Vàm Cống)**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - rạch Cái Sao	2.0
29	**Đường chùa Linh Thứu**	2.0
30	**Đường Phan Chu Trinh (nhà máy Hiệp Thanh)**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - ranh Ngô Quyền	2.0
	- Đoạn Quốc lộ 80 - Lý Thái Tổ	2.0
31	**Đường Lê Anh Xuân**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - ranh Ngô Quyền	2.0
	- Đoạn Quốc lộ 80 - Lý Thái Tổ	2.0
32	**Đường rạch Cái Sao**	2.0
33	**Đường Huỳnh Thúc Kháng (Ba Quyên)**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - ranh Bình Thành	2.0
34	**Đường Nguyễn Thái Học (cặp Ủy ban nhân dân thị trấn Lấp Vò)**	
	- Đoạn Quốc lộ 80 - ranh Ngô Quyền	2.0
	- Đoạn Quốc lộ 80 (đầu cống Cái Sơn) - cuối ngọn Cái Sơn	2.0
35	**Đường Lý Thái Tổ**	
	- Đoạn Võ Thị Sáu - Quãng Trường	2.0
	- Đoạn Quãng Trường - đường sân vận động	2.0
36	**Đường tuyến dân cư số 6**	2.0
37	**Đường tuyến dân cư số 7**	2.0
38	**Đường Dự án Chỉnh trang Đô thị**	
	- Đoạn giáp vòng xuyến dự án Chỉnh trang Đô thị - 30 tháng 4 (đường Cái Dâu)	2.0
	- Đoạn Dự án Chỉnh trang đô thị - 30 tháng 4 (02 bên)	2.0
39	**Khu dân cư Bình Thạnh 2 (tuyến dân cư Bình Thạnh 2)**	2.0
40	**Trung tâm thương mại thị trấn Lấp Vò**	
	- Đường số 04, 05 và 11	2.0
	- Đường số 03, 06, 08, 09 và 10	2.0
	- Đường số 01, 07	2.0
	- Đường số 12	2.0
	- Đường số 02	2.0
41	**Đường số 10 (đoạn Quốc lộ 80 - Lý Thái Tổ)**	2.0
42	**Đường 23 (Quốc lộ 80 - Lý Thái Tổ)**	2.0
43	**Đường số 4**	
	- Đoạn Lý Thái Tổ - Quốc lộ 80 (tiếp giáp Trường Nguyễn Trãi)	2.0
44	**Đường rạch Cái Nính (đoạn cầu Bà Hai - cầu Cái Nính)**	2.0
45	**Đường nối trung tâm Thương mại - kênh 90**	2.0
II	**Hẻm**	

1	**Hẻm Khu dân cư số 3**	2.0
2	**Hẻm Khu dân cư số 4**	2.0
3	**Hẻm cặp Phòng Công Thương (Giao thông - Xây dựng cũ)**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - Nguyễn Trung Trực	2.0
	- Đoạn sau nhà ông Trường Sơn (435) - hết thửa đất nhà bà Tới (420)	2.0
4	**Hẻm nhà ông Sơn**	
	- Đoạn 3 tháng 2 - ranh đường Nguyễn Trung Trực	2.0
5	**Hẻm phía sau bưu điện mới**	2.0
6	**Hẻm cặp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lấp Vò**	2.0
7	**Hẻm cặp nhà ông Quyền (đoạn đường 1 tháng 5 - hẻm Ngân Hàng)**	2.0
8	**Hẻm cặp Bưu điện (cũ)**	2.0
9	**Hẻm nhà thờ Lấp Vò**	2.0
10	**Hẻm xung quanh đình Lấp Vò**	2.0
11	**Hẻm lô C khu dân cư Ngã Cạy**	2.0
12	**Hẻm phía sau nhà Bác sĩ Chuyển**	
	- Đoạn Võ Thị Hồng - Châu Văn Liêm	2.0
	- Đoạn Châu Văn Liêm - nhà ông Minh Long	2.0
13	**Hẻm phía sau điện lực**	2.0
14	**Hẻm khu vực Nhà máy quốc doanh 3**	2.0
B	**Giá tối thiểu**	2.0

12./ Áp dụng trên địa bàn huyện Châu Thành

STT	Tên đường phố	Hệ số
A	**Bảng giá đất**	
1	**Đường Nguyễn Văn Voi**	
	- Đoạn đường tỉnh ĐT 854 - vòng xoay đường Nguyễn Văn Voi	2.0
	- Đoạn vòng xoay đường Nguyễn Văn Voi - ranh Cụm dân cư thị trấn	2.0
	- Đoạn ranh cụm dân cư thị trấn - rạch Cái Gia Nhỏ	2.0
2	**Đường Nguyễn Trãi**	2.0
3	**Đường Huỳnh Văn Khá**	2.0
4	**Đường Nguyễn Huệ**	
	- Đoạn Nguyễn Văn Voi - Quốc lộ 80	2.0
	- Đoạn Quốc lộ 80 - bờ sông Sa Đéc	2.0
5	**Đường Trần Trung Sỹ**	

	- Đoạn cầu Cái Tàu Hạ - vàm Cái Tàu Hạ	2.0
	- Đoạn vàm Cái Tàu Hạ - Nguyễn Huệ	2.0
	- Đoạn Trần Trung Sỹ - chùa Phước Long	2.0
6	**Đường cặp sông Cái Tàu Hạ**	
	- Đoạn cầu Cái Tàu Hạ - Nguyễn Trãi	2.0
7	**Từ đường Nguyễn Trãi đến cống Bà Nhưng**	2.0
8	**Đường Văn Tấn Bảy**	2.0
9	**Đường 30 tháng 4**	2.0
10	**Đường Phan Văn Út**	2.0
11	**Đường nội bộ trong khu 109 nền**	
	- Đoạn Nguyễn Văn Voi - trường tiểu học Cái Tàu Hạ 1	2.0
	- Đoạn đường nhà bác sĩ Tuấn - Nguyễn Văn Voi	2.0
12	**Đường Quốc lộ 80**	
	- Đoạn Cầu Cái Gia Nhỏ - Nguyễn Huệ	2.0
	- Đoạn Nguyễn Huệ - cầu Cái Tàu Hạ	2.0
	- Đoạn Cầu Cái Tàu Hạ - ranh xã An Nhơn	2.0
13	**Đường tỉnh ĐT 854**	
	- Đoạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quốc lộ 80) - cống Bà Nhưng	2.0
	- Đoạn cống Bà Nhưng - cầu Xẻo Trầu	2.0
14	**Đường Xẻo Trầu - cầu An Phú Thuận**	
	- Đoạn cầu Xẻo Trầu - cầu Tư Phường	2.0
	- Đoạn cầu Bà Quới - hết ranh thị trấn Cái Tàu Hạ	2.0
15	**Đường Bà Quới (Giáp đường tỉnh ĐT 854 - cầu Bà Quới)**	2.0
16	**Đường từ cầu Bà Quới đến nhà ông Tư Vinh (số 89)**	2.0
17	**Đường từ Hẻm Bà Quới đến nhà ông Bảy Thanh (số 23)**	2.0
18	**Đường Cầu Xẻo Nhum đến nhà ông Nguyễn Văn Hậu (số 194)**	2.0
19	**Cầu Ba Miễu đến nhà ông Ba Tùa (số 157)**	2.0
20	**Đường Cầu Cái Tàu Hạ - rạch Xóm Cốm**	2.0
21	**Đường cống Xóm Cốm - cầu Xóm Cưỡi**	2.0
22	**Đường cầu Xóm Cưỡi - rạch Cây Gáo**	2.0
23	**Đường chùa Hội An**	2.0
24	**Đường Vàm Đình (Quốc lộ 80 – Vàm Đình)**	2.0
25	**Đường từ Vàm Đình đến ranh cụm công nghiệp thị trấn Cái Tàu Hạ - An Nhơn**	2.0
26	**Đường cầu Cái Gia Nhỏ đến sông Sa Đéc**	2.0
27	**Đường từ Cách 100m cầu Nguyễn Văn Voi - cầu Ông Chín Chóp**	2.0

28	**Đường từ Cầu Ông Chín Chóp - nhà bà Mười Yến (số 791)**	2.0
29	**Đường Xóm Cốm**	2.0
30	**Các đường nội bộ khu dân cư cụm công nghiệp thị trấn Cái Tàu Hạ - An Nhơn thuộc thị trấn Cái Tàu Hạ**	
	- Đường 12mét	2.0
	- Đường 9mét	2.0
	- Đường 5mét	2.0
	- Đường 3,5mét	2.0
31	**Các đường nội bộ cụm dân cư thị trấn Cái Tàu Hạ**	
	- Đường 12mét	2.0
	- Đường 7mét	2.0
	- Đường 5mét	2.0
	- Đường 3,5mét	2.0
32	**Đường Nguyễn Chí Thanh**	2.0
33	**Đường Nguyễn Chí Thanh nối dài**	2.0
34	**Đường vào bến xe huyện**	2.0
35	**Các đường nội bộ trong Khu dân cư Trung tâm thị trấn**	
	- Đường 7mét	2.0
	- Đường 5mét	2.0
36	**Đường từ cống Thầy Nhỉ - giáp đường Nguyễn Văn Voi**	2.0
37	**Đường từ cầu ông Chín Chóp - hẻm Bà Quới**	2.0
38	**Đường từ Rạch Cây Gáo - giáp bệnh viện Đa khoa huyện Châu Thành**	2.0
39	**Đường từ cầu Kiến Hùng đến giáp đường tỉnh ĐT 854** (đường lộ cũ cặp sông Cái Tàu Hạ)	2.0
40	**Đường từ Chùa Hội An đến giáp sông Cái Tàu Hạ**	2.0
II	**Hẻm**	
1	Hẻm đối diện nhà thờ Tin Lành (bà Chín Cô Đơn cũ) – chùa Phước Long	2.0
2	Hẻm chùa Phước Long (đoạn Quốc lộ 80 - Trần Trung Sỹ)	2.0
B	**Giá đất tối thiểu**	2.0

Phụ lục 04

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

I. Khu Kinh tế

STT	Tên Khu Kinh tế	Hệ số
I	**Khu Cửa khẩu quốc tế Thường Phước**	
1	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ	
	- Đường ĐT 841 (đoạn từ cầu Thường Phước đến cửa khẩu Thường Phước)	3.0
	- Đường ra bến nước khu báo thuế và đường nội bộ rộng từ 7-10 mét	3.0
2	Đất thương mại dịch vụ	
	- Đường ĐT 841 (đoạn từ cầu Thường Phước đến cửa khẩu Thường Phước)	3.0
	- Đường ra bến nước khu báo thuế và đường nội bộ rộng từ 7-10 mét	3.0
II	**Khu Cửa khẩu quốc tế Dinh Bà**	
1	Đất ở Trung tâm thương mại chợ Dinh Bà	
	- Đất ở đường Quốc lộ 30, lộ 30 cũ	2.0
	- Các đường còn lại	2.0
2	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ	
	- Trung tâm thương mại chợ Dinh Bà	2.0
	- Quốc lộ 30 (đoạn từ chợ Dinh Bà đến cuối đường)	2.0
	- Đường nội bộ có kích thước mặt đường rộng từ 7 mét trở lên	2.0
3	Đất thương mại dịch vụ	
	- Trung tâm thương mại chợ Dinh Bà	2.0
	- Quốc lộ 30 (đoạn từ chợ Dinh Bà đến cuối đường)	2.0
	- Đường nội bộ có kích thước mặt đường rộng từ 7 mét trở lên	2.0

II. Khu Công nghiệp